

Kỷ Hội 2019 • 4

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 4

SÔNG ĐẠO



ISBN 978-604-61-6034-2



SÁCH ẨM TÓNG



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SỐNG ĐẠO

Kỷ Hợi 2019 • 4

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI SÔNG ĐẠO

Thư từ bài viết gửi:

Hiền hữu NGUYỄN VĂN THỊNH 63 Hải Phòng,
TP. Đà Nẵng.

ĐT: 0988 201569 Email: **songdao@gmail.com**

Đặt và nhận SD liên hệ BÙI NGỌC CHINH.

ĐT 0912213277,

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tống
SD chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số
tài khoản 100077429 Ngân Hàng Thương Mại Á
Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

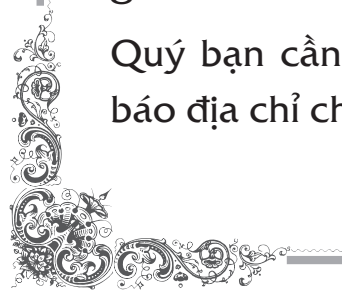
ĐT Phương Linh: 0904780384

Quý vị vui lòng gửi danh sách công quả ấn tống
SD về chị NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918705268.

Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi cho SD không gửi các nơi khác và đã
gửi nơi khác không gửi cho SD,

Quý bạn cần đọc SD qua email vui lòng thông
báo địa chỉ cho SD: **songdao@gmail.com**.



HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SỐNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 4



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantonggiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS BÙI THANH HÀ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
CHÂU HÒE

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VĂN

Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 1.800 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com

Số ĐKXB: 18-2019/CXBIPH/83-01/TG

Mã ISBN: 978-604-61-6034-2

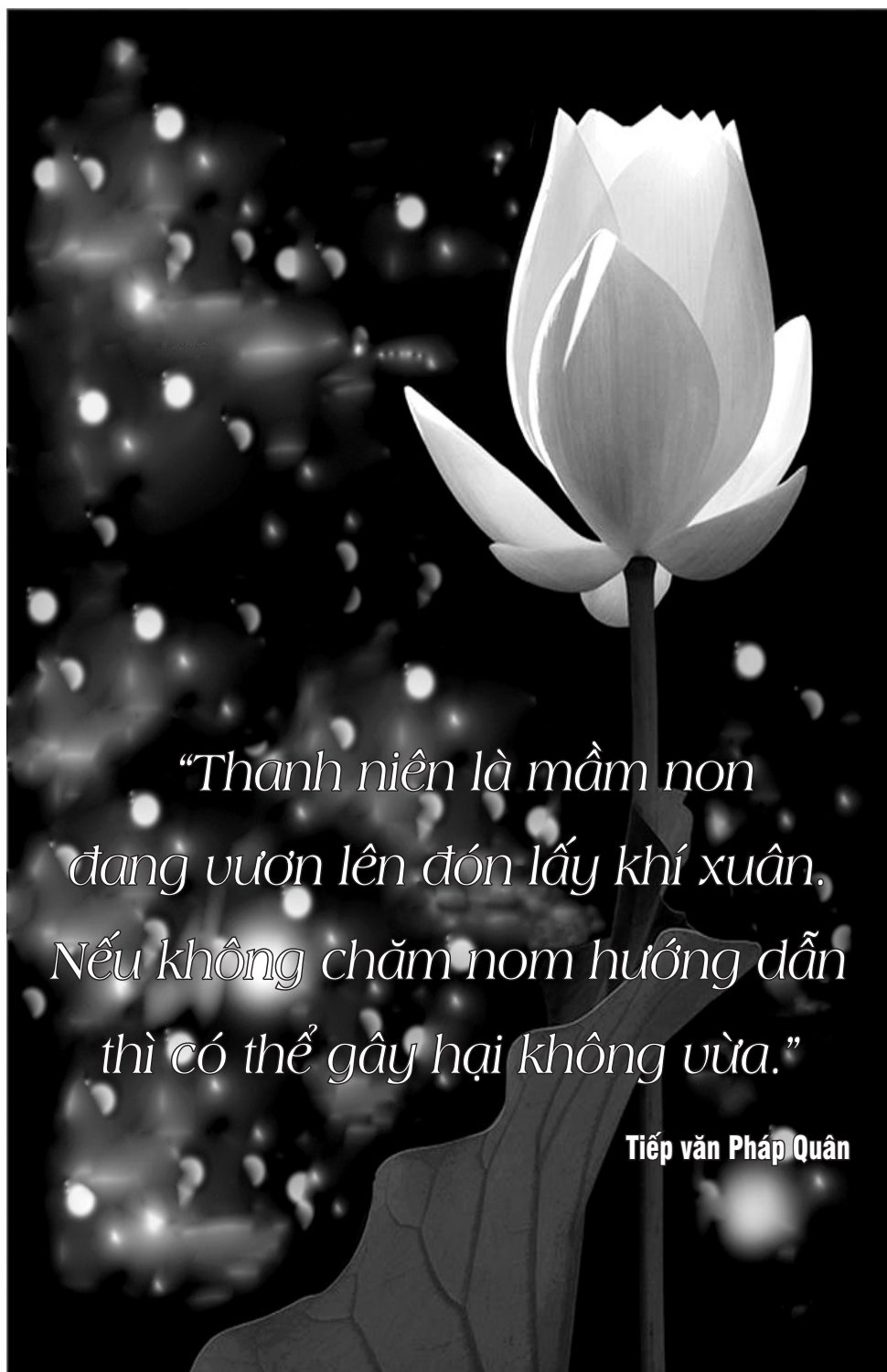
QĐXB: 212/QĐ-NXB TG ngày 12/6/2019

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6/2019

Mục lục

- 5 Sứ mạng được tái hồi. *Thánh giáo*
- 7 Cơ tận độ đã đến ngay trong buổi đời
xáo trộn tang thương. *Thánh giáo*
- 12 Được Thầy an bài thì đạo sự nên.
GS Thượng Văn Thanh
- 14 Tình thức thanh niên nhà Đạo. *Đỗ Thế Hữu*
- 29 Lợi ích của công phu và công dụng
của tịnh trường. *Huệ Ý*
- 32 Buông xả. *Cao Hoài Nhân*
- 37 Học lời Ôn Trên dạy về nhập thế. *Diệu Thuận*
- 42 Giai thoại Bảo Thế Huỳnh Thanh.
- 46 Tiểu sử Đức Bảo Thọ Thánh Nương
Trần Doãn Cơ (1912-1944).
- 50 Thừa sử Nguyễn Trinh Cán.
- 55 Thánh nữ Têrêsa thành Calcutta.
Trần Quốc Huân
- 70 Có những tấm lòng. *Thuần Đức*
- 78 Xóm Đạo ngày ấy. *Mục Đồng*
- 87 Phép màu tại hồ Bết-da-tha.
Huệ Khải chuyển ngữ
- 93 Con đường đến với Thượng đế
trong "Chí Tôn Ca" *Võ Tiến Triều*
- 99 Thấu cảm. *Liên Trí*
- 108 Nơi nao là chốn quê nhà. *Phúc Nguyên*
- 112 **Sáng tác:**
*Nguyễn Quốc Huân • Đỗ Thị Kết • Mai Hậu •
Hoàng Nguyên • Võ Văn Pho*
- Tư liệu – Thông tin:**
- 117 Diễn văn Lễ kỷ niệm 10 năm cơ sở
đạo Thanh Hóa
- 119 Văn điệu tang Anh Lớn
Thừa sử Nguyễn Thanh Giang
- 123 Lễ ra mắt vườn đồng Vinh Lộc và Thiếu đoàn
An Tráng.
- 124 Danh sách ấn tống

Ảnh bìa 1: **Hương nguyên**. Ảnh: Vân Đức



*“Thanh niên là mầm non
đang vươn lên đón lấy khí xuân.
Nếu không chăm nom hướng dẫn
thì có thể gây hại không vừa.”*

Tiếp văn Pháp Quân

SỨ MẠNG ĐƯỢC TÁI HỒI

Trung Hưng Bưu Tòa, ngày 15-1-ĐĐ 44 (Kỷ Dậu) (02-03-1969)

THI

TIẾP tục hoàn thành sứ mạng chung,
VĂN minh đạo đức được vui cùng.
PHÁP quyền giữ trọn ơn về đến,
QUÂN tử tri cơ sớm cộng đồng.

Bản quân chào chúc sắc
Lưỡng Đài, chư đạo
tâm nam nữ và Thanh
thiếu đồng Đoàn THANH NIÊN
HÙNG ĐẠO.

Hôm nay, bản quân được dịp
cùng với Hội Thánh để tâm tình
một vài việc về nội bộ ta.

Hội Thánh phải một cơn khảo
đảo, ngày giờ đen tối đã qua, ánh
sáng bình minh vừa ló sáng.

Xuân Kỷ Dậu vươn mình đứng
lên bằng bao lẽ thật tình thương
và sự sống, để chặn đứng những
trò man trá xâm lăng, sự ghét ganh
đương giày xéo trong lòng đất
nước và cơ hủy diệt sát phạt nhân
loại, làm cho xáo trộn cả năm châu.

Xuân là một đối thủ của ngày
đông. Nhưng đông thiên là mối
tàn phá suy bại, chết chóc, song
đông lại là mẹ đẻ của xuân. Đó
phải chăng loạn cùng tất trị, suy
tất hưng.

Hiện tình nhân loại khác nào
đang sống trong cảnh mùa đông
của đời đen tối hỗn loạn. Trong
loạn có chứa sẵn cái mầm trị,
trong đen tối có núp một đốm
sáng. Nên trong nhà Phật có nói
“phiền não tức Bồ đề.”

Đời loạn có mỗi Đạo xuất hiện,
để thấy rằng cơ Trời không gì là
tuyệt đối. Trong Âm có Dương,
trong Dương có Âm. Âm dương
tranh trường nhau, Âm trưởng đến
cùng thì hóa ra Dương. Hết đêm
đến ngày, hết đông đến xuân. Cơ
tuần hoàn luôn xây chuyển. Hội
Thánh chúng ta cũng nằm trong
cuộc biến dịch của đất trời.

Nhưng là dịch thì từ chỗ nọ đến
chỗ kia. Đã là biến thì thể này hóa
ra thể khác. Cuộc đổi thay mỗi
bữa mỗi khác, lúc nọ không giống
lúc kia. Thì bước Đạo cũng tuần
tự theo nhịp độ của thời gian mà
ứng thông cùng hoàn cảnh.

Song le, sự sự vật vật đều có một lẽ tự nhiên nằm trong công lệ. Nên mỗi lần biến là mỗi lần tiến. Trong phá hoại có sự bảo tồn.

Hội Thánh đương lo ươm cấy những mầm non, cần được vun tưới cho chóng trưởng thành hầu trở nên một thể hệ lương lai.

Mầm ấy là đám thanh niên của Đạo mà từ lâu, quý vị tiền bối hướng đạo đã lưu tâm. Bản quân lúc sinh tiền cũng nuôi chí hướng tạo con người mới để dựng nên một xã hội mới.

Con người được un đúc từ trong lòng mẹ, trong lòng của quyền pháp, trong mỗi tương hệ dòng diễn tái sinh.

Thời thế gây nên bao lần thất bại. Lần này được trỗi lên, cũng mong sự thông cảm con đường tương lai của Đạo, sự hoài bão lớn lao trong nền Chánh pháp.

Phần người có trách nhiệm duy trì dòng máu thuần nhất dung hợp của dân tộc giành lại một phần, không chịu để cho nòi giống bị vùi lấp trong thể hệ vật chất, sa ngã theo phong trào du đảng cuồng tín mà đánh mất linh hồn.

Mong ở những bạn thanh niên hướng dẫn nhận cho được sự quan hệ mà Thượng Đế đến lần này, cứu chuộc bằng lẽ sống và sự giác ngộ.

Thanh niên là mầm non đang vươn lên đón lấy khí xuân. Nếu không chăm nom hướng dẫn thì có thể gây hại không vừa.

Bởi vậy, Thánh Khổng nói “hậu sinh khả úy”, Người tin ở tuổi trẻ cả một tương lai định đoạt cuộc đời. Tuổi trẻ đó đến lúc trưởng thành mà không ra gì, không làm nên sự nghiệp gì thì có gì đáng sợ?!

Vậy anh em thanh niên nên để mắt dòm quanh trong và ngoài nước, nhân loại đã xuống dốc, phong trào văn minh vật chất gây nên tai hại cho đời.

Thanh niên đã làm cho thế giới nghiêng đổ, phong tục đồi bại, luân lý đạo đức không còn, tự do phóng túng; cũng chẳng có cha, có thầy; không biết quý cái đáng quý, không sợ thứ đáng sợ; mặc cho dư luận, trối sự khen chê, miễn thỏa dục nhiều tiền; nào kể gì thân danh phẩm giá.

Người thanh niên nên tự bảo vệ cho mình, mà bảo vệ cho nước nhà, cho nhân loại. Cần phải tương quan xây dựng lẫn nhau, sống trong quyền pháp Ông Thầy làm cho thanh niên trở nên con người quyền pháp hầu thay gánh đàn anh đương vì sứ mạng ngày mai, tái tạo cuộc đời, là một việc mà Hội Thánh và nhân sinh đương trông chờ đón đợi...

CƠ TẬN ĐỘ ĐÃ ĐẾN NGAY TRONG BUỔI ĐỜI XÁO TRỘN TANG THƯƠNG⁽¹⁾

*Trung Hưng Bửu Tòa
ngày 20-01 Kỷ Hợi (Thứ Sáu 27-02-1959)*

THI

*PHỤC hưng chánh pháp độ tàn linh⁽²⁾
MA luyện⁽³⁾ tâm thân tượng⁽⁴⁾ thánh hình
ĐẠI Đạo quy hồi⁽⁵⁾ về cựu cảnh⁽⁶⁾
ĐẾ ân⁽⁷⁾ nhỏ⁽⁸⁾ đến mới công bình.⁽⁹⁾*

Lão chào chư Thiên ân, chư đạo tâm trong hàng Thánh, Hành, Giáo, Phục Thiện.⁽¹⁰⁾

Giờ này Lão đến đây để chứng tâm lòng thành của chư hiền đã thấu hiểu phần nào trên đường hồng ân tận độ mà quyết tâm bước lại trên đường quê cũ vị xưa.

⁽¹⁾ Nhan đề này tạm đặt, căn cứ theo dòng thánh thi in đậm trong bài.

⁽²⁾ tàn linh 殘靈 (leftover spirits): Những linh căn (nguyên nhân 原人) còn sót lại trong số chín mươi hai ức nguyên nhân bị rút lại (cửu nhị tàn linh 九二殘靈) sau hai kỳ phổ độ. Theo Ngọc Lộ Kim Bàn 玉露金盤, có chín mươi sáu ức nguyên nhân xuống trần; sau hai kỳ phổ độ (the First and the Second Universal Salvations) chỉ độ được mỗi kỳ hai ức trở về với Đức Điều Trì Kim Mẫu.

⁽³⁾ ma luyện 摩練 (filing and training): Mài giũa và rèn luyện.

⁽⁴⁾ tượng 象 (shaping, forming): Tạo nên hình dạng. Ma luyện tâm thân tượng thánh hình: Mài giũa và rèn luyện tâm thân phàm tục để tạo nên thánh hình (thánh thể), tức là tu luyện để thánh hóa bản thân.

⁽⁵⁾ quy hồi 歸回 (returning): Trở về.

⁽⁶⁾ cựu cảnh 舊景 (the former abode, i.e., heaven): Cảnh cũ, chốn xưa, tức là cõi Trời. Đại Đạo quy hồi về cựu cảnh: Nói theo Đại Đạo (tu theo Cao Đài) để trở về cõi Trời là chốn xưa của mình.

⁽⁷⁾ Đế ân 帝恩 (God's grace):Ơn Thượng Đế.

⁽⁸⁾ nhỏ (dripping): Nhỏ giọt, rỏ giọt.

⁽⁹⁾ Bài thơ quán thủ là Phục Ma Đại Đế 伏魔大帝 (the Emperor Defeating Devils), một tôn hiệu của Đức Quan Thánh Đế Quân.

⁽¹⁰⁾ Thánh, Hành, Giáo, Phục Thiện: Thánh Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, và Phục Thiện. (Dưới Thánh Thiện là Dự Thiện.)

Đời là sông mê bể khổ, không lúc nào bằng phẳng lặng êm, ô ạt xôn xao, ngày tháng liên miên muôn ngàn lượn sóng, đảo lộn chát óc rầy tai,⁽¹¹⁾ chôn nhận bao linh hồn đã sa nơi vực thẳm. Nếu loài người chẳng giác ngộ hồi đầu⁽¹²⁾ thì mãi cứ trầm luân⁽¹³⁾ dưới trăm ngàn lượn sóng.

Hôm nay cơ tận độ đã đến ngay trong buổi đời xáo trộn tang thương. Các đệ là người hữu duyên được đứng trên chiếc thuyền từ⁽¹⁴⁾ đưa qua bờ giác thì hân hạnh lắm rồi. Phải tinh tấn, đồng mãnh chống tới chèo qua cho mau đến bến.

Cơ cứu chuộc⁽¹⁵⁾ đã thiết lập tại đất nước này, xây dựng một nền an ninh cho muôn dân hưởng phước thanh bình chung trong thánh thể, tránh cơ tận diệt.

Nền an ninh quốc đạo là nền Phước Thiện mà sứ mạng đã trao gửi nơi các hiền. Các hiền phải cố gắng làm xong công đức. Sau này Thầy sẽ ban thưởng một cách xứng đáng.

Ở đời này không có một cái gì là hạnh phúc chơn thật cả. Dù là quốc vương, hào phú⁽¹⁶⁾ cũng chưa phải là nhàn. Chỉ có đạo đức ở lòng mình, người ấy mới tự do, vinh hạnh hơn cả. Người được hữu phần gặp mỗi chơn truyền, được minh sư chỉ điểm thì ân phước vô cùng. Khải thị⁽¹⁷⁾ lòng

⁽¹¹⁾ rầy tai (deafened by the noise): Điếc tai.

⁽¹²⁾ hồi đầu 回頭 (Turning one's head back; awaking to illusions of life): Quay đầu lại; tỉnh ngộ, thức tỉnh.

⁽¹³⁾ trầm luân 沉淪 (sinking): Chìm đắm. Trầm và luân đồng nghĩa.

⁽¹⁴⁾ thuyền từ (từ thuyền 慈船, từ hàng 慈航 / mercy boat): Chiếc thuyền từ bi. Tôn giáo, đạo pháp ví như chiếc thuyền từ bi cứu vớt chúng sinh ra khỏi sông mê biển khổ.

⁽¹⁵⁾ cứu chuộc (cứu thực 救贖 / redeeming, redemption): Cứu 救 là cứu nguy, cứu thoát (rescuing, saving). Chuộc (từ thuần Việt, chữ Nho là thực 贖) nghĩa là đem một món gì ra đánh đổi một hình phạt (lấy công chuộc tội; chữ Nho là tương công thực tội 將功贖罪 / redeeming one's crime[s] by meritorious acts).

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Giê-su hy sinh trên thập giá, lấy mạng sống của Người làm giá chuộc (thực giá 贖價 / ransom) cho tội lỗi chúng sinh (xem Mát-thêu 20:28 và Mác-cô 10:45). Trong Tam Kỳ Phổ Độ, cơ cứu chuộc mở ra khi Đức Chí Tôn (Thầy) rời Bạch Ngọc Kinh xuống trần mở đạo Cao Đài với đại nguyện trước Công Đồng Tam Giáo rằng lập Đạo không thành thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. Cứu chuộc và giá chuộc là thuật ngữ đạo Chúa. (Xem: Huệ Khải, Sơ Khảo Thuật Ngữ Đạo Chúa Trong Đạo Cao Đài. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2018, tr. 20-29 và 37-41.)

⁽¹⁶⁾ hào phú 豪富 (rich and powerful person): Người giàu có và thế lực.

⁽¹⁷⁾ khải thị 啟示 (enlightening, illuminating): Soi sáng.

minh, thấu suốt máy hành tàng,⁽¹⁸⁾ chủ quyền sanh tử,⁽¹⁹⁾ khai sinh môn bế tử hộ,⁽²⁰⁾ thung dung chiều sớm, không một cái gì bó buộc cản ngăn. Xa bả lợi danh⁽²¹⁾ nên lòng mãi thấy nhẹ nhàng, đôi mắt sáng trưng không bị một gợn bụi trần ngăn lấp. Con đường giải thoát là nguồn chơn thật, hạnh phúc trên cả bất cứ một cái gì mà người đời cho là quý trọng trên hết.

Người có giải thoát được mới tự do, không bận bịu trần duyên⁽²²⁾ không nô lệ cho ý tình ái ân danh lợi. Nhưng đã thông cảm, thừa thọ⁽²³⁾ pháp môn thì gương trí huệ thường mài, đoạn dứt trần căn oan nghiệt để cho linh hồn tươi tỉnh, siêu lên chín phẩm liên đài.⁽²⁴⁾ Phải biết giá trị

⁽¹⁸⁾ hành tàng 行藏 (revelation and concealment): Hiển bày (hành) và giấu kín (tàng). máy hành tàng (hành tàng chi cơ 行藏之機 / the mechanism of revelation and concealment): Máy Trời (Thiên cơ 天機 / Heavenly mechanism), ám chỉ sự vận hành của Trời vượt khỏi khả năng hiểu biết của con người; do đó, Thiên cơ còn có nghĩa là sự huyền bí chỉ có Trời biết (mystery known only to Heaven).

⁽¹⁹⁾ chủ quyền sanh tử (controlling life and death): Làm chủ sự sống và chết.

⁽²⁰⁾ khai sinh môn bế tử hộ 開生門閉死戶 (opening the gateway of life and closing the doorstep of death): Mở cửa sống và đóng cửa chết. Môn là cửa hai cánh; hộ là cửa một cánh; môn hộ ám chỉ nơi ra vào. Tiên Học Từ Điển giảng sanh môn là lỗ rún; và giảng tử hộ là Dương Quan 陽關 (tức cửa ải của khí dương, ranh giới của âm dương), tinh (sperm) còn trong ải là dương tinh, lọt ra ngoài ải biến thành âm tinh, trược tinh. Tạm hiểu khai sinh môn bế tử hộ ám chỉ bí quyết pháp môn tu luyện (inner selfcultivation) để giải thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử (free from samsara). Thánh Truyền Trung Hưng 2014 và 2017 đều in sai là tử lộ.

⁽²¹⁾ bả (poison bait): Mồi độc để nhử. bả lợi danh (baits of profit and fame): Danh lợi cám dỗ con người phạm lỗi, trái đạo lý, mất nhân phẩm... nên danh lợi giống như mồi độc giết người.

⁽²²⁾ 1. trần duyên 塵緣 (marital bonds, matrimonial chains): Mối ràng buộc của cuộc sống hôn nhân. Cung Oán Ngâm Khúc có câu: Vui chi mà đeo đẳng trần duyên. 2. trần duyên 塵緣 (emotional attachments to external circumstances): Sự ràng buộc của tâm do tiếp xúc ngoại cảnh. Nhà Phật gọi những ngoại cảnh này là lục trần 六塵 (sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp / sight, sound, smell, taste, touch, and thought). Theo ngữ cảnh (context) bài thành giáo, nên hiểu trần duyên theo nghĩa thứ nhất.

⁽²³⁾ thừa thọ (thụ) 承受 (receiving): Đón nhận, nhận lãnh.

⁽²⁴⁾ chín phẩm liên đài (cửu phẩm liên đài 九品蓮臺 / the nine grades of the lotus seat): Người đắc đạo khi về cõi trời tùy theo công đức tu hành mà được hưởng ngôi vị (liên đài) tương xứng. Ngôi vị chia ba hạng (thượng, trung, hạ); hạng thượng lại chia ra thượng thượng, thượng trung, thượng hạ 上上, 上中, 上下 (upper superior, middle superior, lower superior); hạng trung lại chia ra trung thượng, trung trung, trung hạ 中上, 中中, 中下 (upper intermediate, middle intermediate, lower intermediate); hạng hạ lại chia ra hạ thượng, hạ trung, hạ hạ 下上, 下中, 下下 (upper inferior, middle inferior, lower inferior); như vậy tổng cộng là chín phẩm bậc. Ghi chú: Thật ra chưa



Hứa Do ra sông rửa tai. Sào Phủ dắt trâu lên phía trên dòng nước.

thiên liêng, chỉ có phương tu giải thoát là con đường bất diệt.

Vì thế, mà người xưa cầu đạo lấy làm khó khăn. Nếu không bền chí thật tâm, buông bỏ trần tình, xả thân hành đạo⁽²⁵⁾ thì làm gì được khẩu quyết⁽²⁶⁾ ban trao.

Các đệ đời sống cũng chẳng hơn ai. Ăn mượn ở thừa, có được bữa mai lo bữa tối. Nói danh gọi lợi cũng ở dưới đứng sau, thì danh lợi gì mà mê say, đem thân lòn cúi? Sao chưa bỏ quách mà đi? Giàu sang như Huỳnh Đế,⁽²⁷⁾ danh lợi như Trương Lương⁽²⁸⁾ mà còn buông phé việc đời cầu truyền⁽²⁹⁾ chánh pháp, an vui ngày tháng với cảnh trí đất trời. Danh sĩ

tìm thấy thánh giáo giải thích thuật ngữ chín phẩm liên đài. Trên đây là suy luận phỏng theo cách giải thích cứu phẩm liên đài trong Phật Giáo (Tịnh Độ Tông 淨土宗 / the Pure-Land Sect).

⁽²⁵⁾ xả thân hành đạo 捨身行道 (giving one's life for doing the dao): Bỏ mình làm đạo, quên cả bản thân. Ghi chú: Đề nghị tất cả những chữ xá (dùng theo nghĩa bỏ đi) đã in trong Thánh Truyền Trung Hưng 2014 nên sửa lại là xả.

⁽²⁶⁾ khẩu quyết 口訣 (an oral cue for a secret inner self-cultivation practice): Lời truyền miệng để dạy riêng cho đệ tử một cách tu luyện.

⁽²⁷⁾ Hiền Viên Huỳnh Đế 軒轅黃帝: Là vị vua đời thượng cổ ở Trung Hoa. Khi cầu học đạo Tiên với ngài Quảng Thành Tử 廣成子 nhà vua quỳ và lết bằng đầu gối suốt con đường dẫn tới chỗ sư phụ.

⁽²⁸⁾ Trương Lương 張良; (?-188 trước Công Nguyên) tự Tử Phòng 子房 là quý tộc nước Hàn. Sau khi Hàn bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt (230 TCN), Trương Lương giúp Lưu Bang đánh Tần và thắng Sở Bá Vương Hạng Vũ trong chiến tranh Hán Sở. Thù nước đã trả, từ khước chức quan do Lưu Bang phong thưởng, Trương Lương đi tu Tiên, học đạo với ngài Hoàng Thạch Công 黃石公.

⁽²⁹⁾ cầu truyền (requesting for being taught): Cầu xin được truyền dạy.

được tuổi tên như Hứa Do,⁽³⁰⁾ vua Nghiêu vồng giá⁽³¹⁾ đến cầu vời⁽³²⁾ mà còn rửa tai, ngó lơ, không muốn bận lầy⁽³³⁾ mùi phiền đình chung thế tục.

Các hiền còn ham gì, muốn gì?

BÀI

*Đường giải thoát kêu nhau cùng bước
Mỗi Đạo lành sau trước chung xây
Làm cho bốn biển vui vầy⁽³⁴⁾
Cho đời an tịnh đó đây một nhà.
Phải giác ngộ, thiết tha tu học
Phải quyết tâm, khó nhọc đừng lui
Ném cho thẩu vị biết mùi
Thì lòng mới khỏi ngược xuôi đoạn đời.
Nay ơn phước Cha Trời nhỏ đến
Đem mỗi tình thân mến cho nhau
Nhuộm tươi lẽ sống đậm màu
Xây nền Thế Đạo sang giàu tự do.
Người tự giác phải lo công quả
Quả công dày tội quá⁽³⁵⁾ trờn xong
Xong rồi Bồng Đảo⁽³⁶⁾ thong dong
Nương mây cỡi gió khỏe lòng chi hơn.⁽³⁷⁾
(...)*

Lão chào. Lão thăng.

⁽³⁰⁾ Hứa Do 許由: Hứa Do và Sào Phủ 巢父 là hai ẩn sĩ danh tiếng thời vua Nghiêu. Vua Nghiêu muốn tìm người hiền để truyền ngôi chứ không truyền cho con. Biết Hứa Do là người hiền, nên vua ngỏ lời mời ra nối ngôi. Hứa Do từ khước rồi đi vội ra sông rửa tai. Sào Phủ dắt trâu đến gặp, hỏi lý do. Hứa Do kể lại chuyện và nói rằng trót nghe lời danh lợi bắt tai nên phải đi rửa cho sạch. Sào Phủ bèn dắt trâu ngược lên phía trên dòng nước. Hứa Do hỏi tại sao. Sào Phủ đáp rằng để cho trâu khỏi uống nước dơ rửa tai của Hứa Do.

⁽³¹⁾ vồng giá: Vồng và giá mắc vồng. Trong thánh giáo này nghĩa là vua nằm vồng cho linh rước đi (travelling by hammock).

⁽³²⁾ cầu vời (thỉnh cầu 請求 / requesting): Thỉnh cầu, mời thỉnh.

⁽³³⁾ bận lầy (getting involved in): Vướng bận vào.

⁽³⁴⁾ vui vầy (being joyful together): Cùng vui, chung vui với nhau.

⁽³⁵⁾ tội quá 罪過 (sins): Tội lỗi.

⁽³⁶⁾ Bồng Đảo 蓬島: Cũng là Bồng Lai 蓬萊, một hòn đảo có Tiên ở; nghĩa bóng là cảnh Tiên, cõi Tiên (the abode of Immortals).

⁽³⁷⁾ chi hơn (nothing better): Chẳng có chi hơn được.

Huệ Khải chú thích (02-5-2019)

Được Thầy an bài thì đạo sự nên

Giáo sư Thượng Văn Thanh

*“Mừng được sanh trong cơ tái tạo
Được làm người học Đạo kỳ ba”*

Về nhiều phương diện, giữa những người học Đạo kỳ ba có sự đa dạng và chênh lệch rất lớn. Xin nói riêng về mặt chữ nghĩa thì đạo trong, đạo ngoài thường đầy dẫy tiếng La Tinh, tiếng Phạn, từ Hán Việt. Đạo chúng bình dân rất khó hiểu nhưng họ giữ Đạo, sống Đạo là nhờ đức tin. Đức tin lớn lên trong người họ qua các sự mầu nhiệm, qua các biến cố được vô hình thể hiện và qua đó họ trưởng thành, cứng cáp hơn. Ôn lại và chiêm nghiệm về những sự kiện ấy là một điều thú vị, giúp ta an nhiên, vui vẻ tu hành sống đạo mặc dầu đường đạo không phải là thảm đỏ hoặc luôn luôn có hoa tươi cỏ đẹp mượt mà, êm ả mà thường có sự đan xen lẫn tốt xấu, buồn vui, hanh thông và trắc trở.

*Vui chi cười, buồn chi than!
Hãy còn cay đắng con càng nên con.*

Luôn luôn có Thầy trong đó. Và tất cả đều có sự tác hợp giữa trời và người, tạo cơ duyên cho sự thành tựu.

Lần theo thứ tự thời gian, chúng ta bắt gặp những cột mốc với các sự kiện là một cơ duyên:

1. Một số người các tỉnh miền Trung tìm kế sinh nhai. Do khuynh hướng tâm lý hoặc do nhân lành sẵn có trong tâm, họ gặp sinh hoạt Cao Đài qua các huynh đệ miền Nam. Diễn tiến theo thời gian, những người ấy nhập môn và qua họ mỗi đạo truyền về Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam.

2. Lòng trong hiện tượng di dân, nhập đạo, đem đạo về quê nhà có việc chọn lựa Tứ Linh Đồng Tử, luyện tập và cho về quảng Nam truyền đạo. Trong sử đạo tại miền đất này có lắm điều huyền diệu, kỳ thú. Đọc lại và chiêm nghiệm sự kiện này là việc nên làm.

3. Sau khi tứ linh về Trung thì Thiêng liêng điều độ để nhiều nhân vật quyền thế về đạo và đời ra Trung giúp cơ đạo vượt qua giai đoạn “vạn sự khởi đầu nan”. Vận dụng các mối quan hệ cá nhân giữa chư

tiền bối ấy với các nhân vật Tây, Ta đương thời rất tài tình, nhạy bén.

4. Sự việc cậu thiếu niên Huỳnh Thanh tò mò xem phiên toàn xử “Tiên Thiên tuyên bố”, tò mò rình xem trộm đàn cơ và lăm lý sự biện minh trước gia tộc cùng quan viên Bình Định để bảo vệ đức tin, tận hiến trọn đời phụng đạo, trở thành một nhân vật hi hữu trong một thời kỳ hi hữu là bài học quý hiếm cho chúng ta.

5. Ôn Trên cũng dành cho môn sinh cơ hội lập công, được dịp thử thách để tỏ bày tâm trường trung thành sự đạo như ý Thầy muốn mượn các con làm giá chuộc để cho danh đạo được sáng và Ôn Trên đã điềm đạo:

Sự nghiệp nghìn thu hồi tưởng lại

Sử nào ghi chép hết công phu

6. Sau ngày thành lập Trung Thành Thánh thất (1938) thì chiến tranh Thế giới II (1931 – 1945) bùng nổ. Các hướng đạo ra giúp đều trở về Nam. Nền Đạo Trung Châu bị cách ly, cô lập và quý tiền bối miền Trung phải tự đương vi sứ mạng với lắm khó khăn chồng chất. Phải tồn tại hoặc bị mai một. Được trời an bài thì đạo sự nên - Nhờ Ôn Trên soi dẫn, chư tiền bối chèo chống và toàn đạo hết lòng trung tín nên Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ra đời ngày 01 tháng 6 Bính Thân như một sự ban thưởng xứng đáng cho một cộng đồng tín chúng dày dạn hy sinh, tận tín thờ Thầy giữ đạo.

Trong Bửu Điện Chí Tôn tại các thánh sở Hội Thánh Truyền Giáo đều có câu “Thiên Nhân Hiệp Nhất”. Và Thánh giáo đã minh họa ý này bằng những câu thơ dễ thuộc, dễ nhớ như:

“Lòng con tin Đấng Cao Đài

Đạo đời trời sẽ an bài cho con”

Hoặc: *“Xét muôn việc có tay Thượng Đế*

Nằm bên trong mưu kế con người

Bên trong tất cả sự đời

Lòng người tính cố ý Trời kèm theo”

Nghiệm suy về sự diễn tiến của cơ đạo qua các sự kiện nêu trên, chúng ta trí người khó liệu suy, đoán định. Nhiều việc tưởng hư mà nên, tưởng bại mà thành. Sự mất mát phải có để làm giá chuộc cho danh đạo tươi sáng như Đức Chí Tôn đã dạy.

Vậy nên lo toan việc đạo cần thật sự thanh tịnh, vô tư thì mới tốt đẹp trong sáng. ☯

TÌNH THỨC THANH NIÊN NHÀ ĐẠO

Đỗ Thế Hữu

Ngay sau ngày khánh thành Thánh thất Trung Thành năm Mậu Dần (1938), nhằm giúp cho công cuộc truyền đạo miền Trung trong bối cảnh khó khăn của thời cuộc thế chiến II - Chính quyền thực dân đàn áp Cao Đài, Ôn trên đã giảng cơ hiệu triệu thanh niên. Một số đoạn trích Thánh giáo dạy cho thanh niên được kết tập trong Thánh truyền Trung Hưng như sau:

1. Kêu gọi thanh niên

Đêm mùng 6 tháng 7 năm Đại Đạo 13, (Mậu Dần, 1938), tại Thánh thất Nam Trung Hòa, Thầy giảng đàn kêu gọi thanh niên.

[...]

NGỌC HOÀNG THUỜNG ĐỂ

kim viết CAO ĐÀI TIỀN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.

THẤY mừng các con.

THI

*CAO đường Từ Phụ có nào an,
ĐÀI ngự Long xa đến trước đàn;
TIỀN bút cạm phân cùng trẻ nhớ!
ÔNG thân biến hóa độ linh tàn.*

THẤY mừng mỗi con, các con nghe THẤY dạy:

Cuộc trần hoàn mãi mãi đến đây, cơ biến hóa lần muốn cực điểm rồi! Ôi! Vậy thì ngày dương sanh âm diệt, THẤY coi lại chóng tận kẻ bên, thời cuộc biến dâu THẤY có biến thân muôn ngàn THUỜNG ĐỂ cũng chưa chắc mà độ rồi các con.

Than ôi! Vậy các con sao khéo thần thờ bước đường chậm trễ, THẤY đã nhiều phương dìu dẫn, vậy mà các con cứ mãi mơ màng

mộng tưởng, cho đời của các con có thể vĩnh tồn. Nên chi các con cứ ổn thỏa một đời, chẳng biết lửa cháy bên đầu, nước tràn kịp gót, rồi đây ắt có nạn thủy hỏa đao binh tràn khắp đó các con. THẦY nói đã tận lời cũng là thương các con, khuyên các con chẳng nên hững hờ, phải cần cù trong mọi việc chớ nên lấy tư tâm mà quên hẵn lời THẦY.

THẦY cũng biết chắc, muốn làm việc lớn cần nhất phải có nhiều con đủ đức đủ tài, đủ thể lực, song lẽ buổi thái bình văn võ toàn tài, khi bất loạn trí ngu hữu dụng đó các con! Vì có ấy nên mỗi việc chi cần nhất phải tùy thời mà nói, tùy tục mà hành, dầu chi chi cũng bởi chúng sanh, chúng sanh thế ta đành phải thế.

BÀI

...

*THẦY đã nói tận tường con rõ,
Muốn đời sau đời có bình yên;
Đời nay phải cấy thanh niên,
Thanh niên hiện tại lưu truyền đời sau.*

*Thanh niên phải dồi trau đạo đức,
Thanh niên cần trí thức cho cao;
Thanh niên làm chủ đời sau,
Đời sau hư tệt tại màu thanh niên.*

*Đời vị tấn bình yên thanh trị,
Bởi thanh niên có chí lo đời;
Thanh niên sanh đứng trong Trời,
Thanh niên để tạo cái đời thanh niên.*

*Đời thanh niên biết truyền Đạo đức,
Đời vị lai nhờ sức thanh niên;
Thanh niên nắm vững mối giềng,
Thanh niên hiện tại chớ phiến phúc chi.*

*Sanh ra để trị vì lấy kiếp,
Kiếp sanh ra ngẫu hiệp với đời;*

*Đời hư bởi tại nơi người,
Người hư bởi tại nơi đời vô duyên.*

*THẤY đã nói thanh niên thế ấy,
Vậy ngày nào trông thấy thanh niên;
Thanh niên vị tước, vị quyền,
Thanh niên vì bạc, vì tiền kéo lôi.*

...]

2. Hoán tính thanh niên hồn

Đêm 15 tháng 7 năm Đại Đạo 13 (Mậu Dần, 1938), tại Thánh thất Trung Thành, Bạch Phụng Đồng Tử giảng đàn đề “Hoán tính thanh niên hồn.”

BẠCH PHỤNG ĐỒNG TỬ. Chào chư Hiền huynh, Hiền hữu.

THI

*Đời Đạo hai vai gánh nặng oằn,
Đường dài sao khỏi trở cùng ngăn;
Mây xanh chi sá cơn giông tố,
Mắt sáng ngại gì lúc chớp giăng.
Khí phách hùng anh xông bốn cõi,
Tâm hồn quân tử vững năm hằng;
Sơn hà gánh nặng chung nam nữ,
Dù trí, dù ngu cũng trọng phần.*

Gặp lúc lệnh đàn, Ôn Trên tạm bé, vừa may tôi đắc lệnh đức Tổng Lý giảng đàn viết cho các bạn thanh niên một bài là: “Hoán Tính Thanh Niên Hồn”, để đánh thức các thanh niên Tôn giáo còn đương mơ màng cơn mộng điệp, trong lúc đêm trường của trời đông quạnh quẽ, giữa lúc bước Đạo éo le, nhơn tâm lãnh đạm, kẻ nhơn tài còn khiếm khuyết, người tin đạo chưa hết dạ hy sinh, khỏi đâu người ngoại cuộc phê bình, kẻ bàng quan nhảm luận, cho nhà Đạo Tam Kỳ đã tro tàn khói lạnh, chùa bé, thất niêm, anh tù, em tội. Cơ hội nầy nhờ nơi nghị lực các thanh niên, nội trụ tinh thần, nấu nung khí phách, mới mong khỏi trôi theo trào lưu ác tập.

Này các bạn thanh niên! Kia dòng nước sông Cửu Long chảy mãi

không ngừng nghỉ phút nào, chẳng hạn ngày đêm. Kìa chòm cây cổ thụ cần cọc khô khan nơi dãy Trường Sơn thiết khó mong nảy mầm, đâm chồi mọc nhánh xanh tươi như ngày xuân của nó trước kia. Kìa đàn kiến tha mồi, đàn ong gầy mệt, trâu kéo cày, ngựa kéo xe, chim làm tổ, quanh năm suốt tháng không phút nào ngơi, không giây nào ngừng. Kìa vùng Thái dương mọc phương Đông, quanh vòng Thiên Địa sang phương Tây rồi lặn khuất mà hết ngày nọ đến tháng kia, cũng mãi mãi lo tròn bốn phận chiếu ánh sáng cho loài người.

Ôi! Thời gian thấm thoát, bóng quang âm nhật thức bên mình, hết giờ qua, đến ngày qua, tháng qua, năm qua, mãi mãi trôi theo thời tiết mà làm lũi trên bờ thiên diễn. Vì cảm xúc quang cảnh trước mắt mà xốn xang cho các bạn râu mày.

NGÂM

*Trắng răng bao thuở da mồi,
Hoa râu mái tóc, thôi rồi tuổi xuân!*

Ngọn gió hắt hiu, cảnh trời đông lạnh thấu xương lòng, rồi các bạn cũng kích thích đến thần kinh mà hồi tưởng lại cái ngày xuân mát mẻ, khí hậu ôn hòa, trăm hoa đua nở, muôn tía nghìn hồng. Các bạn ôi! Vì thấy sơn hà cây cỏ, động vật, côn trùng, bò, bay, máy, cưa, đều phải tận tụy với phận sự mình, không hề giải đãi, mà hôm nay có mấy lời “Hoán Tĩnh Thanh Niên Hồn” để làm cái thức mà đo con đường đời niên thiếu, từ lúc bắt tay vào việc, hạ thủ công phu, cho đến đầu con đường là mục đích tối chung của người hiệp nghĩa.

NGÂM

*Đời người có mấy lúc xuân,
Thôi rồi xuân quá nửa chừng kiếp sanh.*

Thế thì ngày xuân của con người, tuổi xuân của các bạn đây, là thời kỳ thanh niên tuổi trẻ đường xa, khí lực sung cường, tâm hồn trong sạch, là thời kỳ phấn đấu để lập công đền nợ của các bạn đây.

Ôi! Giờ phút quý hóa vàng ngọc này mà nó chẳng thêm chờ ta, đợi ta, thì âu là ta phải cùng nó, cùng bước cùng làm việc, cùng hy sinh cho Thiên chức đặt mình trên bờ công nghĩa. Càng bước tới rồi thử trông xung quanh ta, nào kẻ lữ hành trên thế lộ, rày chợ Bắc, mai bến

Nam, sớm gánh trâu, hôm gánh gạo, nước mắt lẫn mồ hôi, mà vẫn cứ vui, cứ tiến bước, nào thợ thuyền tấp nập trong xưởng máy, hy sinh cả năng lực, cả trí óc, mà chẳng chút tự kiêu, tận tụy phụng sự cho nghệ thuật mình, nào kẻ nông phu đương vất vả cấy cày, bạn với con trâu, đàn chim mà vẫn vui đi, tay nắm bắp cày nặng trĩu mà vẫn thân nhiên không hề thối bước, nào kẻ cầm bút thì vắt hết não cân, lo tính toán, sắp đặt, tất lực nhọc nhằn, tiêu trí hao tâm, vì phận sự mà đem hết sở năng cống hiến cho nhơn quần xã hội. Trước mắt ta, cái cảnh tượng tung bừng náo nhiệt đó, ai ai cũng tận sở năng, rồi mới được thủ sở nhu, chớ có ai ngồi không mà chờ cao lương mỹ vị, đã sung sướng tột bậc mà còn đòi kẻ hạ người hầu nữa đâu? Ai ai cũng nhận mình là một phận sự trên đời là lợi khí chung cho xã hội.

Thế mà tình trạng hiện kim, phong trào văn minh Âu, Mỹ diễn ra, ngày đêm tiếng bom không ngớt nổ, ngọn giáo chẳng lìa tay.

Ôi! Sóng ác cảm bốn bề vờ bùng.

Khỏi bất bình mười phương ngút tỏa.

Bao nhiêu giả văn minh, bao nhiêu lòng tư dực, thù vơ, oán chạ chất chứa nhẫn nạy đem ra quyết liệt một trận vong tôn, mạnh được yếu thua, khôn nhờ đại chịu, người đối với người ra đối chiếm đoạt quyền lợi nhau, cướp vợ, đoạt con, ghê tởm thế, dầu cho ác thú độc xà hăn là loài hung bạo, mang di địch lỗ đành là giống dã man cũng chưa hề đối đãi nhau đến thế, chà xát nhau đến thế. Té ra trên khoảng đất này, cứ mãi mãi chém giết nhau, biết làm sao đây?... Hỡi ai là kẻ mày xanh mắt sáng, khí lực sung cường, hy vọng xa xăm, bão phụ lớn lao, đường dài gánh nặng, mau phải ra tay tháo cũi sổ lồng, phát cờ giục trống, khu vực vang chuông cảnh tỉnh khắp ba ngàn thế giới, cùng cả Tứ Đại Bộ Châu, để đánh thức người đương chìm đắm ở chốn bần như thiên lương vùi lấp.

NGÂM

Ngang tàng bảy thước thân xanh,

Gặp cơn đổ nước xiêu thành phải sao?

Giờ đây, Thanh niên Tôn giáo phải thực hành theo hai kế hoạch sau đây để làm chỗ hướng đạo trong lúc trào lưu trỗi mạnh, vàng trắng phân vân, họa chẳng mới đủ nghị lực tinh thần giữa lúc tục đối phong dờn, gai rào, cây lắp.

Bảo tồn tư đức

Hoạt động sinh tài.

1- **BẢO TỒN TƯ ĐỨC:** Thì phải thực hành theo lời thầy MẠNH, giàu sang không nhiễm, nghèo hèn không thay, oai quyền không khiếp. Chỉ một lòng phụng sự cho danh dự và phẩm giá con người và phải tự trọng lấy mình mới khỏi trôi theo tuồng giả vắn mình quyền rũ.

2- **HOẠT ĐỘNG SINH TÀI:** Thì phải siêng năng cần lao kiếm ước, hoặc làm việc tư, hoặc chung lưng đấu cật mà lo công nghĩa, công lợi, đừng tìm phương nẩy nở tài chánh mà giúp cho Hội Thánh trong lúc bá ban vạn sự tiến hành. Thế là tư đức đã vững như sắt đá, tượng đồng, thì sanh tài mới khỏi nhiễm nổi trục lợi đồ danh, có hoạt động sinh tài mới khỏi mắc vào câu chán đời, nản việc, tiêu cực, vô bổ.

BÀI

*Lời tâm huyết chạm lòng thiết thạch,
Nhấn cùng ai là khách thanh niên;
Ấu thơ nặng nợ bút nghiêng,
Nổi cơn, nổi áo thung huyền nhọc nhằn.*

...

*Người nghĩa sĩ hữu duyên gặp hội,
Kẻ thanh niên đường lối rẽ rành;
Ngang tàng bảy thước thân sanh,
Thanh niên gánh nặng nhọc nhằn đừng than.*

*Chỉ những ước dọc ngang bốn bể,
Lòng những toan cứu tệ di truyền;
Phải cơn Đời Đạo chinh nghiêng,
Dãi dầu sương tuyết há phiền nhọc thân.*

*Dầu gặp cánh phú bản, quý tiện,
Dầu gặp cơn tai biến cũng thường;
Lắm đầu bao quản thân lương,
Gìn lòng thanh bạch noi gương Thánh hiền.*

*Trù kế hoạch đừng thiên đừng chấp,
Định phương châm chó tốc đừng trì;
Trước lo cách vật trí tri,
Chánh tâm, thành ý, phòng khi trị bình.*

*Tư đức trọn, gia đình vững mối,
Quốc gia thành, xã hội an bình,;
Thời kỳ bóng đã xế chình,
Lương tâm canh cải nhơn tình éo le.*

*Thanh niên phải dặt dè cho lắm,
Bước đường dài phải ngắm cho xa;
Thử xem trình độ dân ta,
Trước lo đạo đức an hòa dưới trên.*

*Đạo đức đủ là nền tảng đó,
Nhà Đại đồng nào khó dựng đâu;
Quảng truyền Á, Mỹ, Phi, Âu,
Đồng bào vạn quốc năm châu một nhà.*

...

*Hồi các đáng nhơn nhơn quân tử,
Gặp phải thời do dự nữa chi;
Thời gian lủi thủi trôi đi,
Khó mong cơ hội thời kỳ độ dân.*

*Hãy ra mặt cầm cân công lý,
Biện phân rành phi thị, ngụy chơn;
Nào ai ỉn dật thâm sơn,
Độ người trước phải luyện đơn mới thành.*

*Gánh nợ nước đàn anh lo trước,
Dân khôn nhờ người bước đầu tiên;*

*Trọng phần là đám thanh niên,
Dầu nam dầu nữ chẳng riêng ai nào.*

*Vui trước cảnh thiên lao vạn khổ,
Lượng thanh niên đại độ khoan hồng;
Tung hoành bể Bắc non Đông,
Đội trời đạp đất lướt xông dậm ngàn.*

*Lấy khí phách phá tan ác tập,
Dem tài năng bồi đắp sơn hà;
Gia đình xong phận tề gia,
Non sông đáng mặt tài ba siêu quần.*

*Tánh cương trực phá vùng mây tối,
Lượng công bình thay đổi trào lưu;
Trưởng thành đạo đức cho người,
Màng chi góc biển chân trời xa xăm!*

*Thất bại để rèn tâm chiến sĩ,
Gian lao nhiều nung chí anh hùng;
Thanh niên là tuổi vẫy vùng,
Phá tan ác tập mở tung cũi lỏng.*

*Dầu thất bại thành công định mạng,
Hạ thủ rồi chớ ngán dừng lại;
Thất thành xin phó mạng Trời,
Bền tâm kiên chí chiều mới ắt thành.*

...

*Thanh niên chớ dễ xuôi mà lạc,
Thanh niên đừng ước đạt mà sai;
Đừng vì nhảm luận chê bai,
Dở dang sự nghiệp lọt phai tất thành.*

Thôi chào chư Hiền huynh, Hiền hữu./

3. Danh dự của lớp người trẻ tuổi

Đêm 15 tháng Giêng năm Đại Đạo 15 (Canh Thìn, 1940), Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo giảng đàn nói về danh dự của lớp người trẻ tuổi.

THI

*Cất gánh tang bồng trả nợ trai,
Làm sao khỏi thẹn đáng râu mày;
Đường đường bảy thước thân nam tử,
Thuyền đã ra khơi há dễ quày.*

Tổng Lý TRẦN HƯNG ĐẠO chào chư Hương đạo, chào các Thanh niên. Giờ này Bán Thánh đến để lời phân trần cận kề, bốn phận làm người và cái trọng nhiệm của Tín đồ Đại Đạo, nhất là danh dự của lớp người tuổi trẻ.

Tuổi trẻ trung là cái tuổi ham làm việc hăng say với nhiệm vụ, xông pha vì đạo nghĩa, dày dạn với phong trần, để lo xóc gánh nhơn sanh đưa dân tộc yếu hèn nhu nhược đến một bước tự cường tự chủ. Chư Hiền ôi! Giữa lúc cánh buồm lạc gió, thuyền đã lướt ngoài khơi. Cơ Đạo phải cơn cuồng động phong ba này, mà ngoảnh lại kẻ thật dạ thương đời chưa có mấy, thử hỏi lấy ai chịu đựng với cơn mưa dầu nắng lửa, cam khổ tâm toan.

Hỡi các bạn thanh niên! Cơ Đạo hiện thời đã bước đến thời kỳ chuẩn bị rồi, với cái trọng nhiệm đem Đạo vào Đời, ai là người tai mắt, nở nào điềm nhiên! Vậy cần phải chỉnh đốn sắp đặt cho toàn thể Tín đồ có một phận sự, đều hiểu rành Luật Pháp, để thực hiện cho xứng đáng người công dân nước Thánh.

Muốn thế, trước phải lấy thanh niên làm nòng cốt và thí nghiệm, vì thanh niên là lớp người quan hệ cho tương lai, có nghị lực hăng hái làm việc. Như vậy trong bước đầu tổ chức phải huấn luyện thế nào cho mỗi thanh niên rành rẽ bốn phận của người giữ Đạo, truyền Đạo, có một bản chất thuần túy Đạo đức tiến thủ. Đó là chư Hiền bước từng bước một, cho vững chắc đứng khỏi lung tung. Nhưng bao giờ cũng phải lo tròn phận sự của mình để xứng đáng người thanh niên CAO ĐÀI và mỗi người cần đủ hạnh đức, hầu đem tư cách cá nhân tiêu biểu cho đại cuộc!

....]

4. Kỳ vọng vào thanh niên⁽¹⁾

Một bài Thánh giáo được Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo giảng tại Thánh thất Trung Thành năm Đại Đạo 13 (Mậu Dần, 1938) được trích đăng trong Đặc san Phụng sự của Tổng đoàn Thanh niên Hưng Đạo Đoàn, số Xuân Đinh Mùi (1967) dạy về thanh niên:

Tổng lý Trần Hưng Đạo Đại Vương

THI

*Đời đạo chừ ai nắm mối giềng,
Đã đành phận sự ấy thanh niên;
Thanh niên nung nấu phần tư đức,
Mối đạo nhờ tay quảng bá truyền.*

BÀI

*Truyền bút Thánh kêu gào nhân loại,
Chuyển thân cơ hạn hỏi thanh niên;
Phải cơn thế cuộc đảo huyền,
Đạo chia rẽ ấy, đời nghiêng ngả vậy.*

...

*Rời ra cũng thanh niên phụng sự,
Đã đành rằng nam nữ tu mi;
Vật kia thố tử hồ bi,
Người cùng há có ghét gì không thương.*

*Toan cất gánh lên đường nghĩa vụ,
Phải nấu nung trí đủ tài cao;
Hiệp nhau xây cái phong trào,
Vớ tay đánh thức đồng bào dậy nghe.*

*Nghe ta nói vấn đề đạo đức,
Nghe ta bàn nghị lực thanh niên;
Muốn đem nhau đến hòa bình,
Thanh niên phải lập chí mình cho cao.*

⁽¹⁾ Tựa do người viết đặt (vì Thánh giáo này không có kết tập vào Thánh truyền Trung Hưng).

*Thanh niên đã biết đường giải thoát,
Nước non nhà gánh vác lên vai;
Đường đường bảy thước thân trai,
Tang bồng nghĩa nặng, râu mày ơn sâu.*

...

*Dẫn thanh niên đừng tan, đừng tác,
Mặc dầu ai là chát là nông;
Gian nan trường học anh hùng;
Càng cay đắng lắm, càng nung nấu lòng.*

*Hỡi thanh niên đừng nôn nã lắm,
Coi chừng trời chậm chậm mà đi;
Lúa miều lớn có thời kỳ,
Ghen cho Tông Thị nôn gì nhỏ lên.*

*Lấy đạo đức làm nền xu hướng,
Lấy cảm tình làm tướng dục binh;
Thật tâm sẵn đủ cảm tình,
Cái ngày thế giới hòa bình khó đâu.*

*Á sẵn dầu, kìa Âu sẵn lửa,
Trời là bầu, người phải tìm chẳng;
Năm châu đốt một ngọn đèn,
Ai còn trông thấy lãng xãng màu mè.*

*Thanh niên chớ lập phe, lập đảng,
Thanh niên đừng bài báng, khen chê;
Mai đi, tối lại trông về;
Phụng hành chí hướng, mưa hè nấu nung.
...]*

5. Bốn phận tuổi trẻ

Đêm mùng 08 tháng Giêng năm Đại Đạo 23 (Mậu Tý, 1948), tại Thánh thất Trung Thành, Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo lại đến để nhắc nhở bốn phận của tuổi trẻ.

Tổng Lý TRẦN HƯNG ĐẠO

....

*Ai mến thương, con Hồng, cháu Lạc,
Hãy ra tay, gánh vác mỗi giếng;
Cả kêu nầy hỡi Thanh niên!
Chung lưng, đấu cật, mỗi giếng từ đây.*

*Hỡi Thanh niên! Phải xoay thời cuộc,
Chí làm trai, nợ nước ơn nhà;
Đạo, Đời, muôn sự đâu xa,
Sống trên cõi thế, phải mà lo âu!*

*Hỡi Thanh xuân! Gìn câu đức hạnh,
Chí Nữ hiền nặng gánh như ai;
Đồng thời gái cũng như trai,
Chớ mong giục bước, chớ phai tác lòng...*

Như vậy, kể từ năm Mậu Dần (1938) đến năm Mậu Tý (1948), trong vòng mười năm cơ đạo chìm nổi, bên ngoài thì đất nước trong cơn chiến tranh điêu linh, ảnh hưởng của Đại chiến Thế giới; người dân nước Việt lệ thuộc hoàn toàn vào sự cai trị của ngoại bang Pháp, Nhật và các phong trào nổi dậy giành giật chính quyền của Việt Minh; bên trong thì cơ đạo chia rẽ chi phái, Ôn trên đã minh định vai trò của người thanh niên trước thời cuộc. Ở đây chúng ta cũng cần nhận ra sự nhiệm ý mà Ôn trên đã gởi đến thanh niên cũng cần phân tích như sau:

Đầu tiên, là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Giáo chủ nền đạo đến kêu gọi thanh niên. Đêm 06.7 Đại Đạo 13 (Mậu Dần, 1938), tại Thánh thất Nam Trung Hòa. Câu đầu tiên giảng diễn, Thầy xưng đầy đủ Hồng

danh là Ngọc Hoàng Thượng Đế kim viết Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát. Đọc nhiều Thánh ngôn, chúng ta thấy mỗi khi Thầy đến với vai trò lập giáo, ban trao quyền pháp, ban truyền sắc dụ và hiệu triệu tín đồ thì Ngài đều xưng hô như vậy. Điều này chứng tỏ trong cơ đạo Trung Châu, thanh niên là đối tượng được Thầy hiệu triệu để đương vi sứ mạng. Bởi đứng trong thời cuộc chiến tranh tao loạn, bất an, đối tượng chịu tác động nhiều nhất vẫn là thanh niên. Thanh niên dễ bị cuốn lôi theo vòng xoáy của thế cuộc, người thì đao binh, kẻ vì bon chen danh lợi mà quên học đạo đức Thánh hiền... Thanh niên có cái chí lo đời, có cái tâm đạo đức sẽ là rường cột của nước nhà, là hiền tài của quốc gia dân tộc, là sứ vụ công đồ trong công cuộc truyền giáo. Nội dung bài Thánh giáo Thầy đề cao vai trò của người thanh niên đối với sự tồn vong và phát triển của nền đạo:

THẦY đã nói tận tường con rõ,

Muốn đời sau đời có bình yên;

Đời nay phải cật thanh niên,

Thanh niên hiện tại lưu truyền đời sau.

Lần thứ nhì, khoảng mười ngày sau khi Thầy giáng đàn kêu gọi thanh niên, đêm 15.7. Đại Đạo 13, Ngài Bạch Phụng Đồng Tử về “Hoán tỉnh thanh niên hồn.” Bạch Phụng Đồng Tử là một trong bốn đồng tử được Thầy tuyển dụng phò loan năm 17 tuổi, thực thi sứ vụ truyền giáo trong thời gian gần hai năm (1933 - 1935) và được Ôn trên triệu hồi năm 19 tuổi. Sau khi liễu đạo được ba năm, Ôn trên cho về dạy đạo. Như vậy, sau khi Đấng Giáo Chủ Đại Đạo đến kêu gọi thanh niên thì một chon linh cùng ở độ tuổi thanh niên giáng đàn để thức tỉnh đời sống tâm linh cho thanh niên. Và vì Bạch Phụng là một trong những tấm gương nhiệt thành phụng đạo, là một trong những công vụ sứ đồ đầu tiên của cơ đạo miền Trung, lại liễu đạo trong khi tuổi đời còn quá trẻ nên Bạch Phụng là cả một niềm thương luyện tiếc của cả bốn đạo miền Trung lúc bấy giờ. Một phần, Ôn trên cũng hé mở ra cho nhân sanh biết được thành tựu chứng quả vị thiêng liêng sau khi tu học và nhất tâm phụng đạo. Lời Bạch Phụng giáng dạy có sức ảnh hưởng rất lớn với không chỉ thanh niên mà cả bốn đạo miền Trung lúc bấy giờ: “*Gặp lúc lệnh đàn, Ôn Trên*

tạm bể, vừa may tôi đặc lệnh đức Tổng Lý giảng đàn viết cho các bạn thanh niên một bài là: “Hoán Tĩnh Thanh Niên Hồn”, để đánh thức các thanh niên Tôn giáo còn đương mơ màng cơn mộng điệp, trong lúc đêm trường của trời đông quanh quẩn, giữa lúc bước Đạo éo le, nhơn tâm lãnh đạm, kẻ nhơn tài còn khiếm khuyết, người tin đạo chưa hết dạ hy sinh, khỏi đâu người ngoại cuộc phê bình, kẻ bàng quan nhảm luận, cho nhà Đạo Tam Kỳ đã tro tàn khói lạnh, chùa bể, thất niêm, anh tù, em tội. Cơ hội này nhờ nơi nghị lực các thanh niên, nội trụ tinh thần, nấu nung khí phách, mới mong khỏi trôi theo trào lưu ác tập.”

Khi đọc kỹ toàn bộ nội dung bài Thánh giáo, từng câu, từng chữ, ta cảm nhận được cái lý, cái tình... Ngài dẫn dụ từ vũ trụ quan đến nhân sinh quan, từng lời như như vang vọng, như thúc dục vào tâm can người thanh niên nhà đạo lẽ sống và hun đúc được lý tưởng phụng sự. Song không chỉ dừng lại ở giáo luận, mà Ngài trực chỉ hai nhiệm vụ chính của thanh niên đó là: Bảo tồn đạo đức (phần tu dưỡng) và Hoạt động sinh tài (phần phụng sự). Bài Thánh giáo thực đúng là “*Lời tâm huyết chạm lòng thiết thạch*” vậy.

Lần thứ ba, hai năm sau, đêm 15/01 Đại Đạo 15 (Canh Thìn, 1940), tại Thánh thất Trung Thành, Đức Tổng Lý Trần Hưng Đạo với tư cách là Tổng lý Vô vi, Ngài nhận lãnh sứ mạng hộ trì cho cơ đạo Trung Châu kể cuối năm Mậu Dần (1938) kể từ Tiểu hội Vạn linh, đã giảng đàn đề cao danh dự của người thanh niên Cao Đài:

“Hỡi các bạn thanh niên! Cơ Đạo hiện thời đã bước đến thời kỳ chuẩn bị rồi, với cái trọng nhiệm đem Đạo vào Đời, ai là người tai mắt, nở nào điềm nhiên! Vậy cần phải chỉnh đốn sắp đặt cho toàn thể Tín đồ có một phận sự, đều hiểu rành Luật Pháp, để thực hiện cho xứng đáng người công dân nước Thánh.

Muốn thế, trước phải lấy thanh niên làm nòng cốt và thí nghiệm, vì thanh niên là lớp người quan hệ cho tương lai, có nghị lực hăng hái làm việc. Như vậy trong bước đầu tổ chức phải huấn luyện thế nào cho mỗi thanh niên rành rẽ bốn phận của người giữ Đạo, truyền Đạo, có một bản chất thuần túy Đạo đức tiến thủ. Đó là chư Hiền bước từng bước một, cho vững chắc đặng khỏi lung tung. Nhưng bao giờ cũng phải lo

tròn phận sự của mình để xứng đáng người thanh niên CAO ĐÀI và mỗi người cần đủ hạnh đức, hầu đem tư cách cá nhân tiêu biểu cho đại cuộc!”

Và đến đầu năm Đại Đạo 23 (Mậu Tý, 1948), Đức Tổng lý Trần Hưng Đạo lại đến và thôi thúc người thanh niên phải thực hiện bổn phận của người thanh niên Đại Đạo:

*Ai mến thương, con Hồng, cháu Lạc,
Hãy ra tay, gánh vác mỗi giềng;
Cả kêu nầy hỡi Thanh niên!
Chung lưng, đấu cật, mỗi giềng từ đây.*

*Hỡi Thanh niên! Phải xoay thời cuộc,
Chí làm trai, nợ nước ơn nhà;
Đạo, Đời, muôn sự đâu xa,
Sống trên cõi thế, phải mà lo âu!*

*Hỡi Thanh xuân! Gìn câu đức hạnh,
Chí Nữ hiền nặng gánh như ai;
Đồng thời gái cũng như trai,
Chớ mong giục bước, chớ phai tắc lòng...*

Như vậy, chúng ta thấy trong cơ đạo Trung Châu, vai trò và sứ mạng của người thanh niên Đại Đạo được Ôn trên tin cậy là một trong những yếu tố quan trọng để bảo tồn và xiển dương môi đạo. ☯



Lợi ích của CÔNG PHU và công dụng của TỊNH TRƯỜNG

Huệ Ý

I. CÔNG PHU

1. Thánh ngôn: “Công phu không phải là một sự bắt buộc như bề sứt nguội để làm binh khí, mà phải trui rèn từ từ theo khuôn mẫu hình thức của một vật hữu dụng đã định làm. Như thế, công phu là để tu tập sự tiến hóa của chơn thần giữ gìn cho tánh mạng nên mỗi khi đến giờ công phu, các hiền đệ hiền muội hãy cố tịnh định mười lăm phút để cho chủ nhân ông phát hiện, chữa trị các tà dục, hầu duy trì chánh tín khỏi sa ngã mê lầm thì chánh Đạo mới có thể sáng được”. (Đức Đông Phương Lão Tổ Thiên Lý Đàn Bính Ngộ (25-9-1966))

2. Học tập: lời dạy của Đức Lão Tổ chúng ta thấy phương tu Cao Đài Giáo dựa trên ba trụ cột: công quả, công phu, công trình.

“Công trình, công quả, công phu,
Ba công hội đủ đường tu vững vàng.”

3. Công phu là pháp môn giải thoát:

“Giải thoát lấy công phu làm chính,
Học tu tuân luật lệnh làm đầu.”

4. Đặc tính của công phu:

- Không thể và không phải là một việc làm xuất kỳ bất ý: bẻ cây làm roi.

- Công phu là một việc làm có chủ đích, tức là:

Hành giả có ý thức rõ ràng,

Phải có ý chí kiên trì theo đuổi,

Phải được sự hướng dẫn dạy dỗ của Ông Trên: *“Công phu là trui rèn từ từ theo khuôn mẫu hình thức của một vật hữu dụng đã định làm”*.

5. Ích lợi của công phu:

- Cơ thể con người phát triển đến khoảng 18 - 20 tuổi là đến mức giới hạn.

- Trí thức và tâm thức con người phát triển đến mức vô giới hạn.

- TRÍ là sự ghi nhận những hiểu biết từ người xưa truyền lại, rồi từ đó phân tích và tổng hợp để ứng xử vào những hoàn cảnh tương tự hoặc dự kiến những hoàn cảnh mới.

- TÂM là sự mở rộng cõi lòng. Con người dù thân xác đang sống ở cõi vật chất, nhưng tâm thức: -Hoặc mở rộng đến cõi Thần - Hoặc mở rộng đến cõi Thánh - Hoặc cõi Tiên hoặc cõi Phật.

Những vị mở rộng được như thế chính là các đấng Thần sống, Thánh sống, Tiên sống, Phật sống.

Sự mở rộng tâm thức này chính là sự tiến hóa của Chơn Thần, và đó chính là ích lợi thứ nhất của công phu.

6. Ngoài ích lợi về mặt tâm linh, công phu còn mang lại cho hành giả ích lợi vật chất cụ thể cho thân xác. Về phần này công phu là việc điều thân, điều khí và điều tức

- Điều thân: khi vào thiền, thân thể sáng khoái, thoải mái.

- Điều tâm: trụ thân

- Điều tức là dẫn khí

- Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân đã dạy các kết quả công phu:

- Khử trừ lưu thanh (tĩnh xuất mồ hôi...)

- Đoạn trừ thất tình lục dục (giảm dần cau có, giận hờn, si mê...)

- Ấn đường rực rỡ.

TÁNH ấy là THẦN: Thần ở thì người sống, Thần đi thì người chết.

MẠNG ấy là KHÍ: Khí đủ thì hình tươi nhuận, Khí thiếu thì hình khô héo.

Ôn Trên dạy:

*“Nhờ công phu con siêng học Đạo,
Nhờ công phu con bảo toàn căn;
Mới mong sửa tánh thấp hèn,
Mới thấu vọng tưởng mới tăng an hòa”.*

Vậy thì ích lợi của công phu là không những giữ gìn tánh mạng về mặt thể chất mà còn giúp tiến hóa tăng trưởng chơn thần nữa.

II. CÔNG DỤNG CỦA TỊNH TRƯỜNG

1. Thánh Ngôn:

“Lập tịnh trường không phải là để làm một tịnh trường bằng hình thức, hay danh hiệu. Tác dụng chính yếu của tịnh trường là mở con đường giải thoát cho người trần tục trở về ngôi Tiên Thánh” (Đức Đông Phương Lão Tổ Bắc Nhã Tịnh Đường 4-7 Canh Tuất (5-8-1970))

2. Từ trước Ôn Trên đã dạy chúng ta:

*“Đến chùa thất rửa lần tội lỗi,
Đọc sách kinh tắm gội linh hồn”.*

Thánh Thất, Thánh Tịnh, Chùa, Nhà Thờ, nói chung trụ sở tôn giáo là trường Đạo đức dạy nhơn sanh bỏ dữ về lành; có thể gọi đó là trường tiểu học, trung học Đạo đức. Còn tịnh trường, nơi hướng dẫn hành giả về Chơn đạo để thoát vòng luân hồi sinh tử.

“Tịnh trường là mở con đường giải thoát cho người trần tục trở về ngôi Tiên Thánh”

3. Ai hiển dương cơ sở để lập đàn (theo phái Chiêu Minh) hoặc lập thiền đường, tịnh trường là mình mở đường giải thoát cho chính mình và đồng Đạo thì công quả không nhỏ.

Một cách hình tượng chúng ta có thể nói: tịnh trường là dàn phóng tên lửa để giúp các hành giả thoát khỏi hấp lực của quả đất mà được tự do trong khoảng không bao la. Con người không còn dính mặt đất nữa, mà bay vào ba ngàn thế giới để cứu độ.

Tịnh trường là dàn phóng, mỗi người phải tự khai hỏa để ra khỏi hấp lực của trần gian.



BUÔNG XẢ

Cao Hoài Nhân

Buông xả là pháp môn thuộc Tứ vô lượng tâm (Từ, bi, hỷ, xả) được Đức Phật truyền dạy cho đệ tử để tu tập, thực hành trong sống đạo hằng ngày. Tu tập từ, bi, hỷ xả, chúng ta cũng đạt được chỗ tâm không sân hận và có được sự an nhiên, thanh tịnh. Có tâm xả, con người sẽ xóa đi được hận tâm, không vướng mắc, không bầu vịu vào những điều ưa thích và cũng không ghét bỏ những gì không hài lòng. Việc tu tập tâm xả sẽ giúp cho tâm từ, bi, hỷ trở nên vô lượng và dễ dàng hơn. Khi ta buông thì dễ mở lòng từ, dễ cảm tính bi và dễ rộng đường cho tâm hỷ. Thực hiện hành động buông xả chính là phương cách thực hiện tu tập tâm xả.

Hiểu một cách đơn giản, buông trong ngữ cảnh này là để cho rời khỏi tay ra, không cầm giữ nữa. Khi đã buông rồi, đồng nghĩa với việc không giữ lại, để rời khỏi mình. Xả là bỏ đi, làm cho trôi đi, cuốn đi. Ý nghĩa gần nhất của buông xả là buông bỏ mọi phiền não ưu tư để có được sự an yên trong lòng. Việc buông bỏ phiền não đôi khi còn khó ít, còn buông bỏ sân hận, buông bỏ điều mình đang ưa thích là điều vô cùng khó. Chính vì vậy, người ta nhận định rằng tu tập buông xả là điều khó nhất trong tứ vô lượng tâm.

Có câu chuyện Thiên như thế này. Một chú tiểu đi cùng với thầy. Họ đến một con suối. Một phụ nữ đứng bên con suối, trông rất buồn.

“Có chuyện gì thế?”, sư hỏi.

“Tôi lo lắng quá. Cha tôi đang ốm nặng, tôi cần băng qua sông để đến thăm cha nhưng cây cầu gãy rồi. Thầy có biết cây cầu tiếp theo nằm ở đâu không?”. Cô gái đáp.

“Ồ, cách đây cả dặm cơ, nhưng đừng lo. Tôi có thể đưa cô qua sông”, Vị sư trả lời.

Cô gái cảm kích, chấp nhận sự giúp đỡ, và sư cũng cô qua bên kia, đặt cô xuống rồi chào từ biệt.

Chú tiểu rất bất bình trước chuyện vừa diễn ra. Chú biết nhà sư không được phép đụng chạm nữ giới, nên chú không vui vì thầy mình đã phạm giới. Chú cứ âm ức vì chuyện này suốt đường đi. Cuối cùng, không chịu nổi nữa chú đành nói toạc ra với thầy.

Khi sư nghe xong lý do khiến chú tiểu bực bội thì bật cười lớn. Thầy nói *“Ta đã đặt người phụ nữ xuống khi sang bờ bên kia rồi, thế mà con vẫn còn công cô ấy cho tới giờ này à?”*.

Câu chuyện ngắn đưa ra thông điệp sâu sắc và nhắc nhở về sự buông xả, trong trường hợp này là buông bỏ phiền não. Khi con người làm theo tiếng gọi trái tim, vô tư không nhiễm dục thì một hành động tưởng như phạm luật lại trở thành ý nghĩa. Đôi khi, cuộc sống đặt chúng ta trước sự lựa chọn: phá luật để thực hiện một hành động yêu thương với người khác trong cơn nguy biến, hay tuân thủ luật định đúng sách vở và để mặc họ đau khổ? Mọi việc sẽ giải quyết nếu ta buông xả được và làm được với tâm vô ngại.

Khi thực hành buông xả, đâu là những việc đơn giản và gần gũi cần thực thi?

Đầu tiên, chúng ta cần nhận thức giá trị của hiện tại. Việc sửa chữa những sai lầm, tu tập những điều thiện, điều tốt là hành động của thực tại. Chính vì vậy, đối với quá khứ, cần phải tu tập buông xả, không cần nhớ những gì không nên nhớ. Thông thường, người ta cho rằng việc quên đi những buồn bã, thất vọng, đau đớn trong quá khứ là điều dễ làm. Không hẳn là vậy. Ai cũng nói quên đi quá khứ đau thương nhưng mấy ai làm được. Chính sự nuối tiếc, ân hận, dày vò, buồn tủi lại khơi gợi và duy trì xúc cảm làm ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ sống hiện tại của con người và góp phần làm cho cuộc sống của chính người đó trở nên tiêu cực hơn. Nói như vậy, không hẳn là quên sạch những gì thuộc về quá khứ. Những bài học giá trị về đạo đức, nhân cách và công đức của người trước cần được duy trì để thế hệ sau noi gương và nối gót.

Thứ hai, đối với người ra đi đừng vương vấn, bận lòng. Người ra đi ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa, người ra đi là người đã qua đời và người ra đi cũng có thể hiểu là người rời bỏ khỏi cuộc đời ta. Với quan điểm Cao Đài “sống gửi thác về”, người đã khuất sẽ trở về ngôi xưa vị cũ tùy vào căn cơ, tu học, sống đạo khi còn tại thế. Giờ sinh ly tử biệt

hắn ai cũng khó ngăn được sự thương tiếc, đau buồn nhưng cũng đừng vì thế mà quá bi ai, bi lụy một cách thái quá, hay bám lấy quá chặt vào ký ức của người thân làm cho vong linh người ra đi quẩn luyến khó dời cũng như ảnh hưởng tiêu cực và làm đảo lộn cuộc sống của người ở lại. Nếu người ra đi là người rời khỏi cuộc đời ta ở phương diện tình cảm càng nên cần phải mau chóng quên đi để làm lại một cuộc đời mới hay tạo dựng một mối quan hệ mới giúp chúng ta hướng về phía trước với một thái độ sống tích cực hơn.

Thứ ba, đối với những điều không làm được, cũng đừng tự trách bản thân. Mọi việc làm trong đời sống, chúng ta cần đặt ra mục tiêu, tìm phương cách và cố gắng hết sức để thực hiện. Nhưng có những điều nằm ngoài tầm tay của chúng ta, quá sức của chúng ta hay chưa đủ duyên gặp sẽ dẫn đến những kết quả không như mong muốn. Trong trường hợp đó, chúng ta cần tu tập buông xả để quên đi thất bại và hướng đến một mục tiêu mới với sự chuẩn bị tốt hơn, khả thi hơn trong tương lai. Nếu cứ bám víu vào thất bại hiện tại, những suy nghĩ tiêu cực sẽ xuất hiện và có thể dẫn đến những hậu quả khó kiểm soát hay ít nhất cũng làm đương sự thối chí, bẽ bề và mất định hướng. Còn nhớ sự kiện cậu học sinh nội trú tại một trường cấp III ở Sài Gòn đã tự tử cách đây hai năm chỉ vì dẫn vật không đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng của bố mẹ trong học tập. Sự thể đã rồi đặt ra bài học cho người lớn về những áp đặt và kỳ vọng thái quá lên con cháu đã vô tình tạo áp lực lớn cho các em. Với những thanh thiếu niên không vững vàng về tâm lý, lại thiếu sự gần gũi và động viên của bố mẹ, rất dễ dẫn các em đến những suy nghĩ tiêu cực do không buông bỏ được thất bại của chính mình để cho sự dẫn vật, tự trách bản thân luôn gặm nhấm dẫn đến những hành động tiêu cực như đã kể trên.

Thứ tư đối với những điều không có được cũng đừng lưu luyến quá. Lợi danh, vật chất là những thứ dễ sinh ra lòng tham cho con người. Vì vậy, khi mất đi, hoặc khi không có được chúng, con người thường sinh ra nuối tiếc, lưu luyến, từ đó dễ sinh ra những phản ứng tiêu cực. Lúc nhỏ, tôi có nghe những mẩu chuyện kể lại có người này, người nọ mất của trong chiến tranh, tiếc quá đến mức sinh bệnh mà chết. Nhà Phật thường nói đến chữ duyên. Trong trường hợp này, nếu cho rằng của hết duyên nên mất, việc không duyên bất thành thì có lẽ tâm lý sẽ nhẹ nhàng hơn và cũng giúp để buông xả được thực hiện dễ dàng hơn.

Đứng dưới góc độ pháp môn của Phật giáo, để có thân tâm an lạc, không vướng bận, các tu sĩ cần tu tập buông xả tam độc là Tham - Sân - Si thông qua việc xả Ngũ dục (Sắc, tài, danh, thực, thù): xả sắc dục; xả tiền bạc, tài sản; xả danh lợi; vừa đủ ăn; ngũ tính thức và xả Lục dục (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Bài viết không đi sâu vào các phương thức này mà chỉ đề cập đến tu tập buông xả trong đời sống của tín chúng.

Con người không buông xả được vì hai thứ: hoặc cố chấp hoặc vô minh. Vô minh là không hiểu, không biết để mà buông xả; còn cố chấp là hiểu biết nhưng vẫn chấp, vẫn khư khư giữ lấy, không chịu buông tay. Không biết nên không buông còn dễ; biết mà chấp thì khó bội phần. Xả là một trong Tứ Đại Vô Lượng tâm nên thường được giảng giải trong nhà Phật:

Bỏ cố chấp những điều phải quấy: Thường ai cũng có xu hướng cho mình là đúng. Thuận ta là phải, ngược ta là quấy. Cho mình là phải nên khi nói người khác không nghe, không chịu theo mình nên sinh ra giận, rồi sau đó là hận. Cần phải xả điều này.

Buông xả oán hờn: Phải khéo dùng nuôi dưỡng oán thù trong lòng. Cái gì qua rồi không chứa chấp nữa. Hờn thua, phải quấy, chuyện đó không có gì quan trọng. Quan trọng ở chỗ làm sao cuộc sống được bình an, thanh thản, tươi vui. Đó mới là điều đáng lưu tâm. Chúng ta sống muốn hạnh phúc, muốn được an lạc thì nên giữ hay nên xả? Nên xả... Vì vậy, muốn cho hết khổ thì phải xả, đừng ôm giữ.

Đừng cố chấp cho mình là đúng, người khác là sai: Nếu cố chấp cái nghĩ của mình đúng, cái nghĩ của người khác sai là gốc của đối kháng, tiêu diệt nhau. Vậy nên chúng ta đừng cố chấp. Cái đúng này là đúng của tôi, cái đúng kia là đúng của anh. Mỗi người giữ phần của mình, cãi nhau làm chi. Vậy là yên. Xả hết cố chấp, đừng bắt người khác phải nghĩ, phải thấy như mình mới đúng.

Đừng chấp thân của mình: Xả chấp thân mình là không dễ. Thường con người hay sợ chết. Vì sao? Vì cố giữ thân, cố chấp thân, nên nghe nói mất đi thì hoảng sợ. Do đó khi cái chết đến người ta thường lo lắng và sợ sệt vô cùng. *Người không sợ chết thì chết không phải là khổ. Sợ dĩ khổ là vì ta chấp chặt phải sống, sống chừng nào cũng được, sống hoài. Chấp chặt vậy cho nên lỡ ai coi tuổi hoặc bắt mạch nói bệnh sắp*

chết liền quên ăn, quên ngủ. Nếu hiểu được lẽ thật thì chết là vui thôi. Rõ ràng nếu buông xả cố chấp thì chúng ta an vui. Còn bám chặt giữ mãi thì chúng ta đau khổ.⁽¹⁾

Nhà đạo Kỳ ba Ôn Trên thường nhắc nhở chúng ta về tu tập buông xả.

“Phật nêu lòng hỷ xả từ bi

Tiên thực hiện vô vi bác ái.

Thánh Không, Mạnh trung dung nhưn nhõa

Cũng đều lo gieo tia lòng từ thiện yêu đời.”

*(Thánh Thất Thái Hòa, Đức Huỳnh Chơn Nhơn,
10/07/Ất Mùi ĐĐ 30-1955)*

*“Hỡi các con Hưởng đạo! Dù sao THẤY cũng khuyên các con nên tự trách mình, chưa đủ đức để cảm người, chưa đủ tài để phục người, chưa đủ uy để chấp hành Pháp Đạo trước mọi nghịch cảnh. Các con nên lấy đức **từ bi hỷ xả, nhẫn nhục và tiến thủ**, nếu không hơn được thì các con cũng cố gắng bảo tồn lấy đường lối Trung Hưng mấy mươi năm qua THẤY hằng dạy bảo, còn mọi sự chi chi THẤY sẽ sắp đặt.”*

*(Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, Ngọc Hoàng Thượng Đế,
04/03/Quý Mão, ĐĐ 38 -1963)*

“NĂM khuyên phải công phu công quả,

SÁU khuyên thân hỷ xả độ mình;

BẢY khuyên chí kính chí thành,

TÁM khuyên lễ độ nên hình trò Tiên.”

*(Thánh Thất Tịnh Quang, Diêu Trì Kim Mẫu,
07/12/Mậu Tuất, ĐĐ 33-1959)*

Pháp môn công phu tu dưỡng để chiêm nghiệm và thấy được lý lẽ đạo mầu. Tu một đời vẫn còn mê chấp, minh triết một giờ có khi thấu lẽ cao siêu. Sự minh triết có được khi đạt đến tâm không, mà hễ tâm không thì đó là cảnh giới tối cao của buông xả. Chính vậy, tu tập buông xả là vô cùng quan trọng và diệu dụng cho những ai muốn tìm đến đích thanh tịnh và tiến hóa tâm linh.



(1) Thích Thanh Từ, Một Chữ Xả

HỌC LỜI ƠN TRÊN DẠY VỀ NHẬP THỂ

Diệu Thuận

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn phải nhập thể lâm phạm khai mở nền Đại Đạo để cứu độ toàn thể nhơn loại nhằm Thế đạo đại đồng, Thiên Đạo giải thoát. Để xây dựng được thế giới đại đồng đòi hỏi người tín hữu Cao Đài không phải chỉ độc thiện kỳ thân trên con đường quay về bến giác mà phải hòa mình vào dòng chảy của kiếp nhân sinh để nhập thể cứu đời, đồng thời phải làm tròn bổn phận xuất thế hầu thực hiện sứ mạng mà Đức Chí Tôn giao phó:

*“Một sứ mạng Thầy giành hai ngổ
Một ra đi, một trở lại Thầy”*

Kiếp sống con người tại thế gian này không phải chỉ là để ngao du sơn thủy, mà nhiệm vụ là để tu học, hành đạo giúp đời. Đó chính là nhập thế, đồng thời xuất thế để trở về bản linh chơn tánh. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư dạy:

*“Vào đời nào phải để nhàn du,
Năm tháng ngày giờ ráng học tu,
Tự độ độ tha trong sứ mạng,
Công trình, công quả, vẹn công phu.”⁽¹⁾*

Người tu không phải là người chán đời ẩn dật, mà phải là người mạnh dạn vào đời để cống hiến, phụng sự. Đức Hiệp Thiên Đại Đế dạy:

“...Người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác. Làm thế nào trong một khoảng thời gian ngắn hoặc dài, hoàn thiện hóa hầu hết dân tộc của chư hiền đệ muội. Đó mới hoàn toàn thành công trong đời tu thân hành đạo.

Nếu trong một quốc gia, từ cấp lãnh đạo đến cùng dân đều hoàn thiện, có bổn phận trên xem dưới như con cháu tay chơn, dưới xem trên như cha anh mắt mũi, thì lo gì nước nhà không thanh trị, thiên hạ

⁽¹⁾ Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 04-11-Nhâm Tý, 09-12-1972)

chẳng thái hòa. Đó là tôn chỉ, mục đích chánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ở phần nhân sanh thế đạo.

Chư hiền đệ muội đừng bao giờ có ý nghĩ này: vào đạo để độ thiện kỳ thân, đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng Trời dẹp loạn.

(...) Nếu mỗi một tín hữu làm sao độ được 12 bạn khác hiểu đạo, hành đạo thì Bản Đạo tin rằng một thời gian không lâu, Thánh đường mọc lên như nấm, khám đường dẹp bỏ lần lần, để làm kho dự trữ phẩm vật cứu tế xã hội hoặc làm học đường, hoặc làm cô nhi dưỡng lão viện”⁽²⁾.

Người tu không phải là người chán đời ảm đạm mà phải mạnh dạn đi vào đời, hòa mình với đời để phổ truyền cho đời một lẽ sống hoàn hảo yên vui trên tinh thần đạo đức mà không để mình bị đồng hóa bởi cuộc đời hỗn tạp, ví như nguồn nước luôn giữ thể tính của nó trong những lúc đi về để hòa nhập với biển cả sông ngòi. Muốn đạt được điều đó người tu trước tiên phải hoàn thiện hóa bản thân mình, phải biết lấy giới qui làm khuôn mẫu, tu tâm sửa tánh, học hỏi giáo lý để mở mang tâm thức cho nên người đạo hạnh thì con đường nhập thể mới mong đạt kết quả tốt đẹp. Đức Mẹ dạy:

“Nhưng trước khi con đảm nhiệm và hiến thân hành đạo, hay con vì sự thiết tha thống khổ mà chia sẻ góp công, thì cũng phải trước tu tập cho được hoàn toàn một vi nhân đạo hạnh, thì con đường hành đạo nhập thể mới mong đạt được kết quả.”⁽³⁾

Phương tu của người tín hữu Cao Đài là phương tu nhập thể, người tu không tách rời nhân quần xã hội chỉ biết lo cho riêng mình, mặc cho cuộc đời đau khổ mà phải vào đời để nhập thể hành đạo. Đức Mẹ dạy: *“Cùng nhân loại, cùng con cái của Mẹ, cùng thủ túc đệ huynh thì mỗi khi động một chút vết thương ở một ngón tay hay một ngón chân, cũng làm cho đau đớn toàn thân và tâm linh xúc động. Vì thế nên vấn đề nhập thể hành đạo của các con phải thể hiện trong lúc này”⁽⁴⁾*

Đã là con chung một cha, máu chảy ruột mềm. Thì cuộc đời nhơn

⁽²⁾ Đức Hiệp Thiên Đại Đế, Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969)

⁽³⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, Rằm tháng 4 Bính Ngọ, (03-6-1966).

⁽⁴⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, Rằm tháng 4 Bính Ngọ, (03-6-1966).

sanh còn nhiều đau khổ thì chúng ta phải mạnh dạn vào đời để cứu vớt chúng sanh ra khỏi bể khổ. Đức Mẹ dạy:

*“Con tu là để giúp đời
Giúp đời chính thị giúp thời cho con
Còn trời còn nước, còn non
Còn nhơn sanh khổ con còn gia công”⁽⁵⁾*

Đời là cõi tạm, cái thân này cũng chỉ tạm mượn trong một kiếp này. Nên ta đừng quá nuông chiều nó, chỉ dùng thân xác này làm phương tiện để lập công bồi đức và khỏi uổng phí kiếp làm người.

*“Cõi thế là nơi tạm thế thôi,
Nương đây đạo đức ráng trau dồi,
Mượn thân lũ khách làm phương tiện,
Đừng quá nung niu quá bỏ bồi.
Nuông chiều nhục thể quá hư thân,
Nặng ký thêm cân khối thặng trần,
Linh tánh lu mờ không hướng thoát,
Lớp dày khó trở cái chơn thân”⁽⁶⁾*

Thế nên người tu khi nhập thế phải biết sống bình thường giản dị, biết đủ để không bị cuộc đời lôi kéo, điều chế dục vọng, ham muốn, sống một cuộc sống khiêm nhu, dưỡng sanh tánh mạng, giữ quân bình nội tâm. Lúc hướng ngoại thì lo giúp thế độ đời, lúc trở về nội tâm thì phải lo tu tâm sửa tánh, trau dồi đạo hạnh, hy sinh mọi lạc thú trên cõi đời, hy sinh những cái bản ngã để phục vụ nhân sanh.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

“Một cuộc đời đáng sống khi hướng ngoại thì lo giúp thế độ đời, lúc trở vào tâm nội thì trau dồi đạo hạnh, tu đức, tu công, mưu cầu ích chúng lợi dân, xây dựng nếp sống hòa hiệp trong thiên hạ. Hiền thánh xưa có chi đâu là lạ, biết dưỡng nuôi ý chí giúp đời, ở ăn cho thuận lòng Trời, đối với Đạo người thì không tự hối”⁽⁷⁾

⁽⁵⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Chơn Lý Đàn, 26-01-Quý Sửu, (25-02-1973)

⁽⁶⁾ Đức Ngô Minh Đạo Nhơn, Thánh Tịnh Ngọc Minh Đài, 15-4 Canh Tuất, (19-5-1970)

⁽⁷⁾ Đức Đại Tiên Lê văn Duyệt, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975)

Đức Không Tử có dạy: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Điều đó cho thấy muốn nhập thế cứu đời, trước tiên ta phải tu sửa thân mình cho thật ngay chánh, làm gương cho người khác noi theo; phải biết hy sinh cái bản ngã của mình. Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy người tu trên bước đường nhập thế phải biết khoan dung phá chấp, ban rải tình thương đến khắp muôn người. Mẹ dạy:

*“Trước hết phải ngọt ngon lời nói,
Hành động đừng xoi bói một ai,
Tình thương ban rải đó đây,
Khoan dung phá chấp ngày ngày nghe con!”⁽⁸⁾*

Đức Mẹ cũng dạy chúng ta trước tiên phải giải thoát cho chính mình khỏi những oan trái, thoát khỏi nghiệp duyên, thoát vòng phiền não thì mới có thể hành đạo độ đời. Mẹ dạy:

*“Tu cần giải thoát hời con ôi!
Giải thoát con xong để độ đời,
Giải hết trược phiền tâm vướng mắc,
Thoát qua chướng ngại tánh lôi thôi.
Giải oan trái trước không nhờn ngã,
Thoát nghiệp duyên sau để khứ hồi,
Giải thoát tự thân hành đúng phận,
Sẽ nên Tiên Phật, sẽ nên người.”⁽⁹⁾*

Tóm lại,

Cuộc đời nhơn sanh còn nhiều đau khổ, Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với mục đích cứu độ toàn nhơn loại, đem đến cho con người một cuộc sống ấm no hạnh phúc tại thế gian nên người vào Đạo tu hành không phải là chán đời ỉn dật, xa lánh việc đời, mà phải mạnh dạn đi vào đời để:

*“Khăn tu lau ráo ngàn mi ướt,
Áo đạo phủ choàng vạn cốt khô”.*

⁽⁸⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, TT Tân Định, 15-8 Canh Tuất, (15-9-1970)

⁽⁹⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Quý Sửu, (07-01-1974).

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư cũng dạy:

*“Hành đạo mở đường độ chúng sinh,
Phải đâu độc thiện để riêng mình,
Phật còn chẳng ngại nơi bông đảo,
Trong lúc nhân gian vương tội tình.”⁽¹⁰⁾*

Cõi đời nhân sanh còn nhiều đau khổ, chúng ta phải đem thân mình dâng hiến cho đời, để đưa người ra khỏi chốn mê muội thì mới có thể thực hiện được vai trò của người con hiếu thảo. Đức Chí Tôn dạy:

*“Dem thân dâng hiến cho đời,
Cứu người mê muội độ người đau thương,
Là con biết rõ vai tuồng,
Hiếu Thầy, trung Đạo làm gương sau này.”⁽¹¹⁾*

Tóm lại, để tư tưởng thông suốt với sứ mạng cứu thế độ đời, chúng ta nên ghi nhớ lời Đức Mẹ dạy:

“Con ôi! Con hãy dành tất cả tình thương cho đồng loại. Hãy quên mình vì cứu độ, quay bánh xe đại thừa vào khắp chốn, đừng buồn khi gặp những chướng ngại. Có vào lửa đỏ mới cứu được kẻ bị hỏa tai, có chịu sóng gió bão bùng mới vớt được người chết đuối, có hòa mình cùng nhân thế mới độ được thế nhân, tùy khả năng, tùy duyên cứu độ.”⁽¹²⁾

⁽¹⁰⁾ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 23-11 Mậu Thân, 11-01-1969.

⁽¹¹⁾ Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Canh Tuất, (06-02-1970)

⁽¹²⁾ Đức Diêu Trì Kim Mẫu, CQPTGLĐĐ, 13.8 Mậu Ngọ, (14-9-1978)



Tài liệu tham khảo:

1. Thánh giáo sưu tập Cơ Quan PTGL Đại Đạo 1965, 1966-1967, 1968-1969, 1970.
2. Nhập thế và xuất thế, Diêu Nguyên

GIAI THOẠI

BẢO THẾ HUỲNH THANH

(1921-1985)



Ngài Bảo thế Huỳnh Thanh tu đồng chơn từ nhỏ. Cuộc đời Ngài là cả một kho tàng quý giá về sử liệu, về giai thoại. Những câu chuyện đã xảy ra trong đời Ngài đều là những bài học, những kinh nghiệm và những tấm gương soi sáng cho kẻ hậu sinh. Xin nêu một số giai thoại sau đây như những nén hương tưởng niệm một bậc Hướng đạo can trường:

1. Lén xem đàn cơ sớ hoảng hồn:

Chiều ngày 30/2/ Kỷ Mão (1939), sau khi biết Đạo Cao Đài, Ngài theo ông Giáo Hữu Phú đến Thánh Tịnh Đại Thanh dự đàn lễ. Giờ tý mồng một ấy có đàn cơ nội bộ do Ngài Chương Pháp Lê Kim Ty chứng đàn. Đêm ấy bốn đạo về đông, cúng tý xong, ra ngủ hết. Vốn tính hiếu kỳ, Ngài thức để xem cúng lễ rồi lén leo lên cửa sổ

dòm vào cơ đàn.

Đàn dạy chừng hơn một giờ, Ngài nghe có lệnh Ngài Võ Tánh gọi tên Ngài vô hầu đàn, Ngài đứng trên cửa sổ nghe vậy hoảng hốt sợ bị quở phạt nên vội vàng nhảy xuống chạy vào Đông lang chen nằm giả đồ ngủ say. Ông Giáo Hữu Phú nghe kêu tên Huỳnh Thanh mừng quá, liền bùng đèn chạy ra đông lang tìm Ngài. Ông bảo Ngài đi rửa mặt súc miệng rồi lấy áo dài đưa cho Ngài mặc vào hầu đàn.

Khi đó, trong đàn, cụ Lê Kim Ty không biết Huỳnh Thanh là ai nên bạch hỏi Thiêng Liêng. Khi Ngài vào hầu đàn, cụ Chương Pháp bảo Ngài quì gần bàn cơ để nghe dạy. Ngài run sợ vì nghĩ rằng chắc lên trộm coi cầu cơ nên Ôn Trên bắt vô xử tội. Nhưng không! Ngài Võ Tánh dạy: “Huỳnh Thanh, em có căn lành được thâm vào Đạo, em có vui lòng chăng?” Ngài bạch thưa: “Nếu Ôn Trên thương con, con vui lòng vào Đạo.”-“Vậy Bàn Đạo khá khen cho em!”

2. Hậu sinh khả úy:

Sau khi Ngài nhập Đạo ở Thánh Tịnh Đại Thanh, về Phù Cát để thăm gia đình và thưa với cha mẹ. Vừa về đến nhà, Ngài liền bị cha và anh đập bàn chất vấn theo luận

điều nho gia:

Còn Gia Tô xưng Chúa cứu thế lại để cho Giu Đà bán nộp cho địch, bắt hành hạ sỉ nhục, đóng đinh trên Thập Tự Giá, Chúa đâu không cứu hả? Xin thưa nếu không có Đức Chúa Trời thì ai cứu Giê Su sống lại để làm chứng muôn đời! Cùng đưa về Trời đứng cạnh đức Chúa Cha. Và lại, nếu không có Đức Giê Su, không chịu đóng đinh, không chịu đổ máu thì lấy cái gì xưng Chúa cứu thế? Chịu chết để chuộc tội cho loài người! Còn Giu Đà bán Chúa có mấy ai phụng thờ? Kê khen Chúa khen mãi, kê chê Giu Đà chê hoài! Vậy anh muốn làm Gia Tô chịu chết hay muốn làm Giu Đà để bán Chúa?

Còn theo Đạo Gia Tô bỏ ông bà không cúng quải. Nếu nói không đơm cúng cổ đầy bàn là bỏ ông bà thì tôn giáo nào cũng bị tội cả. Như Nho Giáo nói: “Bất vị tế hương nhi giáng phước, bất vị giảm lễ nhi giáng họa. Kính Qui Thần nhi viễn chi”. Sống chẳng cho ăn, chết làm văn tế ruồi!... Cũng vì âm thanh sắc tướng, bùa mê thuốc lú, tróc Qui trừ ma, dâng chay cúng mặn, thế đồ vớt vong... nên mới có câu Phật bảo “Hư vô tịch diệt chi giáo dị đoan-

Thế sự vạn bang đô thị giả, nhân gian đạo đức giả vi chơn”.

Ngài khẫu chiến một hơi, mọi người ngồi nghe im phăng phắc. Ngài vừa ngừng, ông Phó Hai Huỳnh Tuân (con ông Bác) ngó mặt cha Ngài bảo “thật là hậu sinh khả úy chú ơi! Bẩy mươi chịu học mười lăm, con hơn cha là nhà có phúc, đũa khôn từ thuở lên ba, đũa đại già đầu cũng đại. Đó là đại nghi đại ngộ”.

Thế là chẳng những cha anh chấp nhận cho Ngài theo Đạo mà cả gia đình cùng họ hàng đều nhất loạt nhập môn Cao Đài.

3. Sự sắp đặt tuyệt vời của Thiên liêng:

Khi ở quê nhà có lệnh tâm nã của chính quyền thì Ngài đang ở Sài Gòn lại có lệnh Ôn Trên bảo phải về vì ở nhà bốn đạo bị khủng bố. Sau khi lập cơ đàn bạch xin Ôn Trên chỉ dạy, Ngài phải tuân lệnh lên đường, Thiên Liêng hứa sẽ bảo hộ.

Ngài ra đi từ Thánh Tịnh Đại Thanh hồi sáng sớm, đến ga xe lửa, sắp hành mua vé, đứng ở đầu hàng chờ mãi đến chiều. May gặp ông Đội Cảnh sát đến lân la:

- Trò mua vé về đâu?

- Cháu về Bình Định.

Ông Đội mừng quá, vì đi cả gia đình mà mới đến, người ta đã sắp hàng quá dài, nên thương lượng với Ngài:

- Tôi cũng về Bình Định đây, thôi cháu đi ra đi để tôi đứng vào hàng mua vé giùm luôn cho.

Rồi ông chỉ chỗ vợ con ông ngồi giữ hành lý cho Ngài đến đó ngồi chung. Ông đứng mua được vé trước tiên, ông ra đưa vé cho Ngài và cảm ơn rồi giới thiệu Ngài với vợ con. Ông nhờ Ngài dẫn giùm 2 đứa con nhỏ của ông lên tàu vì vợ ông bận ẵm đứa nhỏ, còn ông mắc xách hành lý. Sắp xếp đâu đó xong xuôi, ông lại ngồi chỗ Ngài và mấy đứa con, cảm ơn Ngài một lần nữa.

Vì Ngài không có giấy tờ gì hết nên viên cảnh sát bảo Ngài hãy ra mấy nơi xét giấy thì đừng đi đâu hết, cứ ngồi đấy ngủ với mấy đứa nhỏ con ông, để ông nhận lãnh cho.

Quả vậy, dọc đường tàu chạy, mỗi khi nhân viên soát giấy đến thấy ông Đội, họ cúi đầu chào bắt tay và ông giới thiệu gia đình ông, họ chào cười rồi đi ra.

Thế là suốt hành trình rõ ràng Ngài được bảo lãnh, chẳng trốn tránh sợ sệt chút nào mà còn được ông bà Đội trả ơn bằng ba bữa ăn

có đùi gà, Lạp xưởng, chả lụa, xôi vò nữa. Ngài phải dùng kể từ nan (vì ăn chay trường, nhưng Ngài không dám lộ tông tích), nên cả ba bữa ăn Ngài đều tìm cách tránh né: bữa chiều Ngài giả đồ tìm kiếm anh em bạn cùng đi tàu, bữa khuya giả vờ ngủ, buổi sáng giả đau bụng đi cầu.

Ra đến ga Diêu Trì, ông bà Đội sang tàu chợ về Qui Nhơn nên bà soạn bánh mì, xôi, chả, thịt giao cho Ngài hai ba gói. Ngài phải nhận tự nhiên. Ông bà Đội còn đưa carte visite và dặn khi nào xuống Qui Nhơn nhớ ghé nhà ông chơi.

Thật là Ôn Trên đã xếp đặt để hộ trì Ngài trong chuyến về Bình Định thật tuyệt diệu!

4. Quì hương tập thể:

Khoảng năm 1942-1944, Ngài lánh nạn ở Tiểu Đại Thanh (nhà ông Mười Tha) ở ga xóm Thơm, Gò Vấp cùng với các ông Trần Hoanh, Phạm Trường Xuân... Ông Hoanh thì chăm chỉ học Tiếng Anh, ông Xuân học Tiếng Nhật, còn Ngài thì ham học Thánh Ngôn, Thánh Giáo, quì hương tiếp diễn.

Một hôm ông Hoanh đi học về thấy mấy người đang tiếp

diễn, rung múa chuyển cả mình trước bàn Thầy, ông không tin có diễn, cho là làm bộ giả dối làm thất lễ, nên trách cứ ông Mười Tha rồi chạy vô đứng trước điện nói lớn:

- Tụi bay làm cái gì trước bàn Thầy vung múa vô lễ vậy? Đi ra không?

Mấy người bên trong vẫn tiếp tục quì và tiếp diễn rung chuyển. Ông Hoanh bước vô nắm tay ông Mười Tha kéo ra thì diễn lại nhập qua ông Hoanh làm ông ta rung chuyển mạnh một hồi một đờ! Ngài phải đốt nhang cầu nguyện xin xả diễn ra nằm nghỉ. Tới bữa cơm ông Hoanh mới ngồi vào bàn, cầm đũa xá tức thì tiếp diễn vung múa âm âm. Ông Mười Tha bụng chén cười nói:

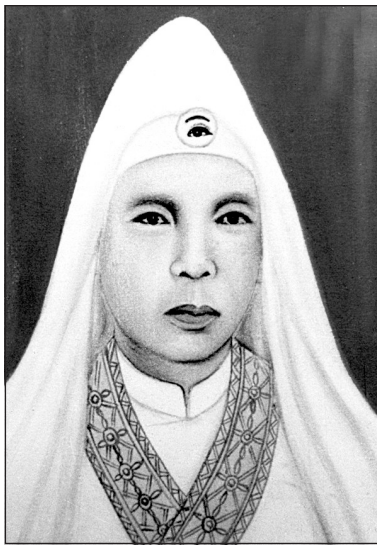
Chết rồi! Bị phạt bảo đi quì hương tiếp diễn chứ không cho ăn! Ông Mười Tha vội vã vào bàn Thầy đốt nhang cầu nguyện xin Ôn Trên tha thứ, vì ông Hoanh đã biết sợ diễn rồi! Từ đó về sau ông Hoanh không dám quở chuyện ai tiếp diễn nữa.

*(viết theo tập hồi ký
của Huệ Thanh Vân)*



TIỂU SỬ

ĐỨC BẢO THỌ THÁNH NƯƠNG TRẦN DOÃN CƠ (1912 - 1944)



Tiền bối Trần Doãn Cơ thế danh Trần Thị Tín, sinh năm Nhâm Tý (1912) tại làng An Tráng, phủ Thăng Bình tỉnh Quảng Nam (nay là xã Bình Sơn Hiệp Đức), được sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Nho học lâu đời. Tiền bối là con thứ hai của cụ Trần Lương (Thánh danh Trần Tri Cẩn thường gọi thầy Kê), cụ bà Trần Thị Nhã (Thánh danh Trần Tịnh Mỹ).

Năm 1920, Tiền bối cùng với người em kế là Ngài Trần Nguyên Chí đến thọ giáo chữ Nho với thầy giáo Hai - Huỳnh Ngọc Trác. Chỉ trải qua bốn năm, Tiền bối đã đọc thông viết thạo và được thầy giáo Hai cải danh lại là Trần Doãn Cơ. Vì hoàn cảnh riêng, người chị cả sớm theo chồng, ba người em còn nhỏ, đều chuyên tâm vào học đường, nên năm 12 tuổi Tiền bối phải nghỉ học ở nhà phụ giúp cha

mẹ nuôi các em. Chân dung của Tiền bối còn lắng đọng trong ký ức đồng đạo một nữ lưu tuổi thiếu niên học giỏi, tính tình cởi mở, hoạt bát, đảm thắm, lanh lợi cần chuyên và năng động, tháo vát.

Những năm tháng trưởng thành, Tiền bối Trần Doãn Cơ được un đúc trong môi trường truyền thống đạo đức của giòng đạo Minh sư, dù ở vùng thôn quê An Tráng nhưng sớm được đón nhận ánh sáng khai hóa nhân sinh. Tiền bối Trần Doãn Cơ may mắn được sự dạy dỗ của hai Thầy Trần - Huỳnh, nên dù hấp thụ những tư tưởng tiến bộ, lại biết khép mình trong khuôn phép lễ giáo Nho phong. Ngoài tài đảm đương công việc gia đình, Tiền bối luôn cùng với Đạo tỷ Võ Phi Yến và các tu sĩ ở chùa Tam Giáo chung lo việc lập hạnh tu thân. Thực tế này khiến dân làng thường khen chị hai Tín là người “rảnh việc nhà, na việc chùa”.

Tuy học hành dở dang nhưng chữ nghĩa rất thông, nhờ ảnh hưởng sự giáo dục của hai Ngài Trần Nguyên Chất và Huỳnh Ngọc Trác nên Tiền bối nuôi chí lớn, phát nguyện độc thân dâng trọn đời mình phụng sự cho nhân

sanh. Có lần thân mẫu sắp gả Tiền bối cho một gia đình môn đăng trong làng. Nài xin từ chối không được, cuối cùng Tiền bối đích thân tới nhà trai khấn thiết trình bày tâm nguyện và xin trả lễ, mãi sau gia đình mới biết và thâm phục chí hướng của Tiền bối.

Năm 26 tuổi (1938), Tiền bối quyết chí thọ hành pháp môn giải thoát. Kết thân với một số chị em tâm đắc và cùng chí hướng tập hợp lại thành nhóm Bạch Liên diu dẫn nhau tu học. Về sau nhóm nữ tu đồng chơn này lập nên Hội Bạch Liên, khơi dậy tinh thần sống đạo cho Nữ Đoàn giải thoát sau này.

Ngày 24-6 Mậu Dần, Đại Đạo 13 (1938) tất cả môn đồ Minh Sư tại An Tráng (trong đó có gia đình Tiền bối) đều làm lễ quy hiệp Đạo Cao Đài tại chùa Tam Giáo (sau là Thánh thất Trung An). Từ đây Tiền bối tu học theo chơn truyền của nền tân pháp Cao Đài.

Bấy giờ, phong trào Tân Nữ Lưu Đạo Đức với tổ chức “Nữ Phái Liên Đoàn” do Tiền bối Chơn Giác lãnh đạo đang hoạt động sôi nổi, nhận thấy đường lối chủ trương thích hợp với chí hướng mình, nên Tiền bối tích

cực tham gia Liên Đoàn Nữ Phái, quyết xây dựng một đoàn thể nữ giới thật vững mạnh. Tiền bối lãnh phần sinh hoạt tài chánh, tạo lập cửa hàng buôn bán ở cổng ngõ Thánh thất Trung An. Công việc ở cửa hàng đang trôi chảy, sau mấy năm dành dụm được chút ít vốn liếng thì chẳng may bị kẻ trộm lấy sạch, cửa hàng phải đóng cửa. Đứng trước cảnh ngộ khó khăn này, Tiền bối xin nghỉ về nhà.

Những người bạn cùng học, cùng tu thân thiết với Tiền bối từ nhỏ ở trường đào tạo Mầm non, như Tiền bối Võ Thị Phi Yến đã động viên và khuyến tấn Tiền bối trở lại nhà tu tiếp tục lập công hành đạo tại Thánh thất Trung An. Tiền bối nguyện hiến dâng đời mình cho Đạo pháp, cho nhân sinh. Sống trong tình thương yêu của chị em đồng đạo, cùng nương tựa nhau trên đường tu học lập công, lại được thầy dạy và bạn đồng môn gần gũi giải bày sự lý, Tiền bối vui vẻ trở về với nhiệm vụ.

Đối với Đoàn nữ tu, Tiền bối càng biểu hiện sâu sắc tinh thần phục vụ tích cực, vừa giữ hạnh tu gương mẫu, vừa chăm lo cho cộng đoàn cách chu đáo tận tình.

Năm Quý Mùi (1943), Ngài Hiệp Lý Trần Nguyên Chất (chú ruột của Tiền bối) bị mật thám Pháp bắt giam ở Hội An, sau đó đưa đi an trú ở Phú Bài, Huế. Được tin, Tiền bối lặn lội từ An Tráng xuống Hội An để tiễn chân thúc phụ. Khi trở về, đi ghe dò từ Hội An về chợ Được gặp trời mưa lớn, bị cảm lạnh, Tiền bối vội ghé vào nhà bà Diễm (bạn đạo) để tá túc, an dưỡng. Thế rồi, vào giờ Sửu ngày mùng 09 tháng 9 Giáp Thân (thứ năm 26-10-1944) Tiền bối Trần Doãn Cơ đột ngột liễu Đạo tại nhà bà Diễm - chợ Được, nay là xã Bình Triều, huyện Thăng Bình (Họ Đạo Từ Vân, Quảng Nam), vừa tròn 32 tuổi. Ở quê nhà An Tráng, thân quyến và anh chị em đồng đạo được tin vô cùng thương tiếc. Gia đình họ Trần mất một người con hết lòng thuận thảo, Họ Đạo Trung An mất một người bạn đạo trẻ trung, gương mẫu, hăng hái trong các đạo sự, hằng tâm giúp đỡ và dìu dắt đạo hữu tu học. Tiền bối về cõi vĩnh hằng, Nữ phái Liên Đoàn từ đây vắng bóng một “kiện tướng” quyết đoán, nhạy bén và tài năng không kém phần lỗi lạc trên hành trình phục vụ nhân sinh, tu cầu giải thoát. Tiền bối được gia đình

đưa về an táng tại quê nhà (làng An Tráng). 48 năm sau, năm Nhâm Thân (1992), Hội Thánh và Cơ quan Nữ phái cải táng mộ phần Tiên bối về nghĩa trang Quảng Nam tại Kỳ Nghỉ, thành phố Tam Kỳ. Tưởng niệm sâu sắc công đức bậc “nữ lưu thượng đẳng” toàn đạo có câu đối:

- *Trải bao năm Tam Giáo đến Cao Đài, quyết tâm học đạo lập công, gió bụi xông pha, dìu dắt chị em nơi bể tục.*

- *Vừa một thuở khiêm an rồi liễu Đạo, nhẹ gót nương mây cõi hạc, móc mưa nhuần gội, thông dong ngày tháng đến non Tiên.*

Sau ngày qui Tiên, chơn linh Tiên bối được an nhiên trở về Cung Diêu tu luyện và sau 14 năm đã đắc quả, Ôn Trên giảng cơ phong Tiên bối Trần Doãn Cơ Thiên vị “BẢO THỌ THÁNH NƯƠNG”, nhận sứ mạng dìu dắt tinh thần cho “Nữ Đoàn Giải Thoát”. Tiên bối thường về cơ dạy Đạo tại Trung Hưng Bửu Tòa và nhiều nơi, nhất là khuyến tấn chị em nữ phái trong việc tu học hành đạo. Năm Kỷ Hợi (1959), Hội Thánh Truyền Giáo thành lập Dòng Tu giải thoát lấy tên “Dòng Tu Bảo Thọ” dành cho những chị em có chí nguyện xuất gia, nối gót người truyền giáo năm xưa.



Thừa sử NGUYỄN TRINH CÁN (1920-1982)



Hằng năm đến 20 tháng 6 âl, ngày giỗ Thừa sử quân Nguyễn Trinh Cán (1920-1982), Sống Đạo giới thiệu bài viết về cuộc đời, hành trạng của tiền bối, tưởng niệm một bậc thừa sai tài đức và đã đóng góp nhiều công tích cho giáo hội.

Tiền bối Nguyễn Trinh Cán tên thật Nguyễn Uyển, biệt hiệu Duy Châu, sinh năm Canh Thân (1920) tại làng Châu Sơn nay là xã Sơn Long huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam trong một gia đình trung nông giàu truyền thống Nho gia, sống đời thanh bạch. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Thành Ngoạn, môn đồ Minh Sư tại chùa An Tráng, sau qui hiệp đạo Cao

Đài được phong Lễ sanh. Thân mẫu là cụ bà Cao Thị Khuê cũng là môn đồ Minh Sư, sau qui hiệp Đạo Cao Đài được phong Lễ sanh chỉ đạo Nữ phái Thánh thất Trung An, sau về hành đạo tại Thánh thất Trung Kiên.

Tiền bối có nhiều anh em nhưng đều yếu mạng, chỉ còn người anh cả là Nguyễn Thành Ngọc sinh năm Ất Mẹo (1915), một người Cao

Đài thuần thành được hàm phong Lễ sanh, qui liễu năm Tân Tỵ (2001).

Năm lên 8 tuổi tiền bối học chữ Nho được ba năm rồi qua học Quốc ngữ. Tiền bối là thiếu niên sớm biểu lộ óc thông minh, đặc biệt có trí nhớ thiên bẩm nên học rất nhanh. Năm 14 tuổi, cùng gia đình thọ giáo Minh Sư và được đi học ở chùa An Tráng với thầy giáo Hai (ngài Huỳnh Ngọc Trác), được thầy Huỳnh đổi tên là Nguyễn Trinh Cán. Nhờ sớm tiếp thu nền học mới và thực hiện nề nếp đạo đức của hai thầy Trần - Huỳnh, tiền bối trở thành người học trò sống khuôn phép, học xuất sắc được các thầy quý mến, nhất là ngài Trịnh Thanh Thảng rất thương yêu và nhận làm người bảo trợ cho.

Năm Bính Tý (1936), tiền bối được gọi ra Hà Nội cùng Anh lớn Trần Nguyên Chí và chư vị Nguyễn Lương Ngọc, Trần Nguyên Khởi, Phan Đề, chuyên học chữ Nho và nghiên cứu Phật học với cụ Thiệu Chử Nguyễn Hữu Kha tại chùa Quán Sứ - trụ sở Hội Phật giáo Bắc Kỳ.

Nhờ tính cần mẫn và chí cầu tiến tiền bối trở thành một người Nho học uyên thâm, đặc biệt rất giỏi chữ Hán. Tiền bối còn bộc lộ tài viết chữ rất đẹp, các bạn đồng lứa ít ai sánh bằng, nên càng được mọi người thương mến và cảm phục.

Ngày 24/6/Mậu Dần (1938). Gia đình tiền bối Nguyễn Trinh Cán cùng môn đồ Minh Sư qui hiệp Cao Đài giáo tại chùa An Tráng (Thánh thất Trung An). Từ đó tiền bối vừa tu, vừa học với quý thầy và tỏ ra là một thanh niên xuất sắc, phụ giúp đắc lực mọi đạo sự tại Thánh thất Trung An thời kỳ Anh lớn Trịnh Trung Tín làm Đầu Họ Đạo.

Thời gian cơ đạo bị thử thách 1939-1943, tiền bối đều không vương cảnh tội tù như nhiều Hướng đạo đương thời. Ở quê nhà, tiền bối phải gánh vác các đạo sự nặng nề, từ việc dạy kinh lễ cho bốn đạo và quản luôn việc làm sổ sách văn phòng. Tiền bối còn giúp giảng dạy tại các trường và đào tạo được nhiều học trò xuất sắc sau này.

Tháng 6 năm Ất Dậu (1945), tiền bối tháp tùng phái đoàn Quyền Hội Thánh vào Quảng Ngãi hành đạo, sau đó tổ chức lễ “Đại Đạo phục hưng” tại các Thánh thất Nghĩa Lập, Mỹ Công, Bình Thiện, Mỹ Long. Khi đến Thánh thất Mễ Sơn thì có Thánh lệnh dạy tiền bối cùng Anh lớn Như Sơ phải trở về Quảng Nam. Khi quý ngài ra khỏi cửa biển Sa Kỳ thì trong đất hai ngày sau phái đoàn Hội Thánh gặp nạn.

Năm Bính Tuất (1946) chiến tranh lan rộng, thành phố Đà Nẵng bị thực dân Pháp đánh chiếm. Cơ Quan Truyền Giáo phải tản cư lên sở nông Phước Hội (huyện Quế Sơn, Quảng Nam), Năm sau bị Pháp thả bom, sở nông bị tàn phá phải dời về Thánh thất Trung An 1947-1948, Những năm tháng này. Tiền bối luôn theo chân chư Hương đạo vừa học tu vừa lập công tham gia tích cực những đạo sự của giáo hội.

Ngày mùng 09/01/Mậu Tý (1948) Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ được thành lập tại Thánh thất Trung An, tiền bối lãnh nhiệm vụ độc giả trong bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài. Thời kỳ cơ đạo chinh nghiêng trở lại vào những năm 1949-1950, tiền bối vẫn giữ đức tin, thăm mom nhắc nhở bốn đạo lo thờ Thầy giữ đạo. Năm Tân Mẹo (1951), tiền bối Nguyễn Trinh Cán kết hôn với bà Trịnh Thị Hòe sinh năm Tân Mùi (1931).

Sau ngày Ký hiệp định Genève (1954), hòa bình lập lại, các chức sắc Hương đạo trở về đoàn tụ, cơ đạo phục sinh. Tiền bối được điều về hành đạo tại Cơ quan Truyền Giáo.

Năm Ất Mùi (1955), tiền bối được Thiên phong Lễ sanh. Cuối năm 1955 “Nữ Đoàn Giải Thoát” được thành lập, tiếp theo là công cuộc vận động xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa ở Đà Nẵng và Linh Tháp ở Quảng Ngãi, tiền bối đã đóng góp tích cực vào các đạo sự này. Cuối năm 1955, Ôn Trên điểm hồng danh:

*Cán(g) đáng lấy thiện duyên gánh đạo,
Cảnh hồng trần mộng ảo nên lo;
Chông gai bước phải lượn đờ,
Thiên ân nhiệm vụ phận trò phải sao?”.*

Ngày 01/6 Bính Thân (1956) Lễ khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa và thành lập Hội Thánh Truyền Giáo, tiền bối được cử làm Thư ký Toà Nội chánh. Đàn cơ tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày mùng 09/01/Đinh Dậu (1957), tiền bối Nguyễn Trinh Cán được Ôn Trên Thiên phong Truyền Trạng cùng lúc với Anh lớn Nguyễn Thanh Giang và Ngô Thanh Toàn. Tiền bối được cử giữ chức vụ Trưởng phòng Minh Tra Hội Thánh. Sau đó cùng chức sắc Hiệp Thiên Đài đăng đàn Hồng thệ vào ngày 16/01 Kỷ Hợi (1959).

Đàn cơ tại Trung Hưng Bửu Tòa ngày 16/01 Kỷ Hợi (1959), Đức

Đông Phương Lão Tổ giảng dạy chư chức sắc Hội Thánh và điểm danh tiền bối như sau:

*“**Ba Truyền Trạng** hồng từ đã nhỏ,
Nhỏ cho mình trăm họ cũng yên;
Yên đây bởi ở pháp quyền,
Đứng trên nắm giữ mối giềng cân phân.
Cân cân đã bao lần còn lệch,
Sửa sao cho y hết lòng Thầy;
Bên lưng lấy ở bên đây,
Ở mình sáng suốt, ở Thầy được vui”.*

Thời gian này tiền bối vẫn tham gia trong bộ phận thông công với cặp. Tuy đang lãnh trọng trách ở Cơ quan Hiệp Thiên Đài, nhưng theo Hội nghị Hội Thánh vào tháng 4/1972, Truyền trạng Nguyễn Trinh Cán được Hội Thánh cử giữ chức Phó Chương quản kiêm Chánh Văn phòng Cơ quan Hành chánh.

Trong những năm chiến tranh 1965-1975 quê nhà bị bom đạn thiêu hủy, năm 1967 vợ con tản cư xuống Đà Nẵng ở tại khu định cư An Hải, đến năm 1973 gia đình tiền bối cùng hàng ngàn bôn đạo vào lập nghiệp tại khu khẩn hoang Suối Nghệ thuộc Tỉnh đạo Phước Tuy, nay là xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Suốt 20 năm hành đạo tại Hội Thánh với nhiều nhiệm vụ, tiền bối đã đem hết tâm lực sở học uyên thâm biên soạn nhiều tài liệu giáo lý có giá trị. Tiền bối có công dịch thuật, san định toàn bộ các sơ biểu, văn tế từ chữ Hán sang Quốc ngữ để ban hành và ứng dụng trong toàn Hội Thánh cho đến ngày nay. Đây là một công trình đòi hỏi nhiều tâm huyết và có năng lực Hán học thâm sâu mới chu toàn. Tiền bối vốn hay chữ lại viết rất đẹp, từng chấp bút đã viết nhiều văn tế, liễn đối cả chữ Hán lẫn chữ Việt. Theo lời Anh lớn Tiếp Cơ Quân Liên Hoa thì tiền bối Nguyễn Trinh Cán là người truyền lại bửu pháp luyện châu và Tứ Bửu Pháp cho quý vị Lễ sanh và Đầu Họ Đạo buổi đầu.

Sau ngày đất nước thống nhất (1975), mọi sinh hoạt đạo sự của Hội Thánh được thu gọn trong việc thờ Thầy giữ Đạo, sinh hoạt tu học lễ bái thuần túy tín ngưỡng. Tiền bối tuổi chưa cao nhưng lại hay bệnh hoạn, nên xin Hội Thánh được về an dưỡng, sinh sống với gia đình tại Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu. Thời gian này tiền bối được mời làm cố vấn cho Tỉnh đạo, tham gia hội tri đóng góp ý kiến

xây dựng trong mọi đạo sự tại Tỉnh đạo Đồng Nai.

Trải bao năm tháng phụng sự cho Giáo Hội, sức khỏe ngày một yếu, bệnh tình ngày càng trầm trọng. Ngày 20/6/Nhâm Tuất (1982), tiền bối Nguyễn Trinh Cán đã quy thiên tại Văn phòng Tỉnh đạo Đồng Nai, hưởng thọ 62 tuổi.

Tưởng nghĩ cuộc đời trải nửa thế kỷ thật ngắn ngủi, từ học tu đến nhận lãnh sứ vụ Thiêng liêng, tiền bối biểu lộ trái tim chưa hề cạn nguồn nhiệt huyết tâm thành phụng đạo. Tiền bối tuy không có bằng cấp nhưng giỏi văn chương Quốc ngữ lại thông thạo chữ Hán, càng uyên thâm Nho học.

Từ một thanh niên điềm đạm, kỹ tính giúp chư Hương đạo việc hiến lễ, lo sổ sách văn phòng Trung An thất, làm giáo viên gương mẫu, qua thời khảo thí trong xã hội đầy biến động, đức tin người Cao Đài thêm ngời sáng. Rồi được Thiên phong Lễ sanh, nhận lãnh sứ vụ Thư ký Tòa Nội chánh. Đạo hạnh và tài năng vun bồi nên nội lực tu học thâm sâu, tiền bối trở thành bậc thừa sai vun bồi công tích đặc biệt, được Ông Trên Thiên phong Truyền trạng – Hội Thánh giao làm Trưởng phòng Minh Tra Hiệp Thiên Đài. Ở cương vị nào tiền bối cũng cần mẫn chu toàn phận sự.

Ngày được Đức Chí Tôn triệu hồi cự vị về cõi hằng sống, Văn phòng Tỉnh đạo Đồng Nai đã có lời điệu:

“...Toàn thể chức sắc chức việc và đạo đồ nam nữ xin nghiêng mình trước linh vị, đau đớn nói lên câu giã biệt nghìn thu. Trong niềm cảm thông sâu sắc đó xin đưa tiễn giác linh bằng câu đối:

- Năm mươi năm gặp mới tân truyền, Lễ sĩ đến Trưởng ban, quyết chí vun bồi nền đạo mới.

- Sáu ba tuổi về ngôi vị cũ, Trung An rồi Hội Thánh, đau lòng tưởng nhớ bóng người xưa.

Tang lễ tiền bối được Hội Thánh và Tỉnh Đạo tổ chức trọng thể, với đông đảo chức Sắc bôn đạo các Thánh thất thuộc Tỉnh đạo Đồng Nai đến phúng điệu và tiễn đưa linh cửu tiền bối.

Sau ngày quy thiên, Hội Thánh cầu chơn linh tiền bối Nguyễn Trinh Cán được truy phong phẩm Thừa sử.



Thánh nữ TÊRÊSA thành CALCUTTA

Trần Quốc Huân



Để chuẩn bị viết một bài về đề tài thánh nữ Teresa thành Calcutta, tôi đọc lại nhiều tư liệu về Mẹ. Tuy nhiên, càng đọc thì tôi cảm thấy các ý tưởng của mình càng trở nên tan biến trong sự vĩ đại của những điều hết sức đơn sơ mà Mẹ đã nghĩ, đã làm, đã nói. Ý tưởng viết một bài lấy cảm hứng từ cuộc đời của Mẹ Teresa Calcutta, một bài viết với nội dung mới mẻ, khác lạ so với hàng triệu bài viết về Mẹ, ý tưởng đó tan biến đi, đổi lại, trong tâm trí tôi dâng tràn cảm xúc “Thầy là tình yêu và lẽ thật”. Vì vậy, xin được chép lại đây những câu chuyện do chính Mẹ Teresa kể mà không thêm một lời nào khác; tự những câu chuyện ấy đã có một ý nghĩa lớn lao rồi.

Mẹ Têrêsa (còn được gọi là Thánh Têrêsa thành Calcutta; tên khai sinh tiếng Albania: Anjezë Gonxhe Bojaxhiu; (sinh ngày 26 tháng 8

năm 1910, mất ngày 5 tháng 9 năm 1997) là một nữ tu và nhà truyền giáo Công giáo Rôma người Ấn Độ gốc Albania.

Bà sinh tại Skopje (thủ đô Cộng hòa Macedonia ngày nay), khi đó thuộc Đế quốc Ottoman. Sau khi sống ở Macedonia trong 18 năm, bà tới Ireland rồi Ấn Độ, nơi bà sống đến chết. Bà sáng lập Dòng Thừa sai Bác Ái tại Kolkata (Calcutta), Ấn Độ năm 1950. Trong hơn bốn mươi năm, bà chăm sóc người nghèo, người bệnh tật, trẻ mồ côi, người hấp hối, trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ, và đến các quốc gia khác.

Năm 1970, Mẹ Têrêsa trở thành một nhân vật nổi tiếng toàn cầu với các hoạt động nhân đạo cứu giúp người nghèo và những người sống trong hoàn cảnh tuyệt vọng, một phần là nhờ một quyển sách và cuốn phim tư liệu tựa đề *Something Beautiful for God* của Malcome Muggeridge. Bà được trao Giải Nobel Hòa bình năm 1979 như một sự vinh danh cho các hoạt động nhân đạo của bà.

Dòng Thừa sai Bác ái của Mẹ Têrêsa tiếp tục phát triển, đến thời điểm bà từ trần, tổ chức từ thiện này đang điều hành 610 cơ sở truyền giáo tại 123 quốc gia, trong đó có các nhà trọ và nhà tình thương có người mắc bệnh HIV/AIDS, cũng như bệnh nhân phong và lao, các bếp ăn từ thiện, các chương trình tư vấn cho gia đình và trẻ em, các trại mồ côi, và trường học.

Sau khi mất, bà được Giáo hoàng Gioan Phaolô II phong chân phước. Chủ nhật ngày 4 tháng 9 năm 2016, Giáo hoàng Phanxicô đã chủ sự thánh lễ tuyên thánh cho bà tại Quảng trường Thánh Phêrô ở Vatican với khoảng 120.000 người tham dự.

Dưới đây là những câu chuyện do chính Mẹ Teresa Calcutta kể.

MÓN QUÀ CỦA TÌNH YÊU

Năm 1982, một hôm có 2 người trẻ tới nhà chúng tôi tại Calcutta. Họ đã nghe rằng, hằng ngày chúng tôi nấu ăn cho 7 ngàn người, nên họ tới và tặng cho chúng tôi một món tiền lớn để chúng tôi giúp người nghèo.

Thấy họ còn quá trẻ, tôi tò mò hỏi:

- Hai con có thể cho mẹ biết tiền đâu mà hai con có nhiều thế?

Họ trả lời:

- Chúng con vừa cưới nhau được hai ngày. Trước ngày cưới, chúng con đã suy nghĩ nhiều. Sau cùng, chúng con quyết định không may đồ cưới, cũng không tổ chức yến tiệc linh đình, và chúng con muốn dùng khoản tiền chi phí cho đám cưới để tặng những người không được may mắn như chúng con.

Tôi phân vân, vì đám cưới tại Ấn là một chuyện lớn, quyết định làm như 2 bạn trẻ này thực là điều ngoại lệ, nên tôi hỏi thêm:

- Tại sao anh chị lại quyết định như vậy?

- Vì chúng con yêu nhau, chúng con muốn có cái gì đặc biệt cho nhau, cái gì đẹp đẽ, và chúng con quyết định hy sinh.

Ở Ấn Độ, đối với một người Hin-đu thuộc giai cấp thượng lưu khá giả, đám cưới mà không có quần áo cưới và tiệc cưới là một điều nhục nhã. Vì thế, chắc chắn mọi người, nhất là những thân nhân họ hàng của đôi vợ chồng trẻ đó đã rất lấy làm lạ và cho quyết định của họ là một việc làm gây tủi hổ cho cả hai gia đình, đàn trai cũng như đàn gái.

- Tại sao chúng con lại quyết định táo bạo như thế, chúng con không sợ rằng việc làm như thế sẽ làm phật lòng cha mẹ và họ hàng sao?

Hai bạn trẻ ấy trả lời:

- Chúng con yêu nhau tha thiết. Vì thế chúng con muốn tặng cho nhau một món quà cưới thật đặc biệt. Chúng con muốn khởi đầu cuộc chung sống của chúng con bằng một hy sinh mà cả hai đều dự phần vào.

Thật là tuyệt vời khi nghĩ đến tình yêu cao quý như thế. Tôi luôn luôn cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin ban cho những người trẻ ơn thánh và sức mạnh, để trong ngày thành hôn, họ có thể cho nhau trái tim trong sạch, trái tim trinh khiết, thân xác trong trắng là món quà lớn lao của tình yêu nhau.”

SỐNG NHƯ CON VẬT, CHẾT NHƯ THIÊN THẦN

Tôi không bao giờ quên, một hôm tôi xuống phố, và chợt thấy vật gì động đậy ở trong rãnh. Tôi gạt bùn đi, và thấy đó là một người, ông ta bị sâu bọ rúc rĩa. Sau khi đem ông ta về nhà, chúng tôi phải mất 3

tiếng đồng hồ để lau rửa cho ông. Người sống dơ bẩn trong rãnh này, sau cùng đã nói:

- Tôi đã sống như con vật trên đường phố, nhưng tôi sẽ chết như một thiên thần, được yêu mến và được săn sóc.

Và ngay khi chúng tôi còn cầu nguyện với ông, cầu nguyện cho ông, ông nhìn vào một Sơ mà nói:

- Sơ ơi, tôi sắp đi về nhà Chúa.

Rồi ông chết. Trên mặt ông nở nụ cười rạng rỡ. Tôi chưa hề thấy nụ cười nào giống như thế.

TÌNH YÊU BẮT ĐẦU TỪ GIA ĐÌNH

Mẹ Têrêsa ngạc nhiên thấy càng ngày càng tăng số những thiếu niên nam nữ con nhà giàu cũng như nhà nghèo nghiện ngập ma túy ... Mẹ gắng tìm hiểu nguyên nhân nào đã đưa đến nông nỗi này, và đã tìm được câu trả lời: Khi chúng trở về nhà, thì không ai trong gia đình ở đó để đón tiếp chúng. Con cái cậy nhờ vào cha mẹ trong mọi chuyện – sức khỏe, của ăn, sự an toàn, sự nhận biết và yêu mến Chúa. Với tất cả những điều đó, con cái tìm đến cha mẹ với sự tin tưởng, hi vọng, mong mỏi. Sự gãy đổ mỗi liên kết trong gia đình là nguyên nhân của tệ nạn trong giới trẻ. Mẹ nói:

- Yêu thương kẻ nghèo, nhưng trước hết phải yêu thương những người trong gia đình mình.

Mẹ kể: Một đêm tôi đi xuống phố với các nữ tu. Tôi thấy một em trai tóc dài đang ngồi cạnh đường với những em khác. Tôi hỏi em:

- Sao em lại ở đây? Em không nên ở đây, em nên về nhà với cha mẹ.

Em đó trả lời:

- Thưa Mẹ, nhiều lần con gắng trở về nhà, nhưng má con không nhận con. Mỗi lần con về, má con đuổi con đi, vì má con không thích con để tóc dài.

Tôi cho em một tô súp và miếng bánh kẹp thịt, rồi chúng tôi đi. Khi chúng tôi trở lại, chúng tôi thấy em nằm xõng xoài trên đất. Em bị sốc ma túy. Chúng tôi đưa em vào nhà thương. Tôi không thể nghĩ rằng má em, dù bận rộn chuyện này chuyện kia, lại không chấp nhận, không yêu thương, và chỉ muốn đuổi em đi ra khỏi nhà.

Tôi không giúp gì được. Đây là một đứa trẻ muốn về nhà, nhưng má nó không có thì giờ lo cho nó. Đây là sự nghèo thật nghèo.

YÊU THƯƠNG NHƯ GIÊ-SU

Một ngày nọ, Mẹ Têrêsa nhận được 15 đôla do một người bị bắt toại đã 20 năm gửi tặng. Ông ta bị toàn thân bắt toại chỉ còn bàn tay phải là có thể cử động được. Ông sống trong cô đơn và chỉ có một người bạn duy nhất là điều thuốc lá.

Hôm ấy, Mẹ Têrêsa đến thăm, an ủi ông và ông đã nói với Mẹ:

- Thưa Mẹ, con đã ngừng hút thuốc từ một tuần nay, và đây là số tiền con dành dụm được. Con xin biếu Mẹ để Mẹ mua cơm bánh cho những kẻ nghèo khó.

Đó là cử chỉ bác ái anh hùng của một tâm hồn cao thượng! Thật vậy, trên đời này, không ai nghèo đến nỗi không có gì để chia sẻ với người khác và cũng không ai giàu đến độ không thể nhận thêm được cái gì của người khác! Với số tiền nhỏ bé 15 đôla kia, Mẹ Têrêsa đã mua cơm bánh cho người nghèo đói, và cả hai - người bắt toại trong việc cho đi và người nghèo đói trong việc nhận lãnh - đều cảm nhận được một niềm vui sâu xa. Có lẽ nhiều lần chúng ta đã dễ dàng quên đi một sự thật căn bản này là: mỗi một dịp chia sẻ với người khác tức là một lần đón nhận món quà Chúa gửi đến.

Ngày 10/12/1979. Mẹ Têrêsa đã được trao tặng giải thưởng Hòa Bình. Nhân dịp đó, Mẹ phát biểu: “Chúng ta hãy dâng lời cảm tạ Chúa, vì cơ hội tốt đẹp này. Giải thưởng Hòa Bình này nhắc nhở mọi người chúng ta hãy sống trong an bình!” Nhưng niềm an bình thực sự phát xuất từ đâu nếu không phải là từ một trái tim biết yêu thương? Yêu đến nỗi chấp nhận mọi đau khổ. Yêu như Đức Giêsu yêu thương nhân loại trên thập giá. Yêu cho đến khi tự hiến trọn thân mình và không từ chối bất cứ một hy sinh nào!

KHÔNG AI NÊN THÁNH MỘT MÌNH

Trong những ngày đầu, khi mới khởi sự làm việc cho những người cùng khổ nhất trong vùng ngoại ô, tôi đã bị sốt liệt giường. Trong cơn mê sảng, tôi bỗng thấy mình đến trình diện trước mặt thánh Phêrô, người giữ cửa Thiên đàng. Nhưng thánh Phêrô chặn tôi lại ở cửa, không cho vào. Thánh nhân bảo tôi:

- Không thể để cho một người thuộc khu ổ chuột được vào, Thiên đàng không có nơi cùng khổ!

Lúc bấy giờ, tôi giận nói với ngài:

- Thưa ngài, thật thế ư? Vậy thì con sẽ tìm mọi cách để làm cho thiên đàng đầy đầy những dân cư từ các khu ổ chuột, và đến lúc đó, ngài sẽ buộc phải để cho con vào thiên đàng.

Tội nghiệp thánh Phêrô! Kể từ sau giấc mơ ấy, các nữ tu của dòng đã không để cho ngài được yên chút nào. Đã có không biết bao nhiêu người cùng khổ và cô đơn qua đời trong vòng tay ôm ấp của các nữ tu Thừa Sai Bác Ái. Thiên đàng đã trở thành nơi cư trú của những người cùng khổ.

Không ai nên thánh một mình! Không ai lên thiên đàng một mình!

NIỀM VUI CHIA SẺ

Hồi đó, nhằm lúc thiếu đường trong thành phố Calcutta, có một cậu bé chừng 4 tuổi đem đến cho tôi một chén đường bảo tôi:

- Thưa Mẹ, con đã nhịn ăn đường suốt một tuần nay. Xin Mẹ hãy dùng ít đường này cho các trẻ mồ côi của Mẹ.

Một cử chỉ anh hùng biết bao đối với một em bé mới có 4 tuổi ! Em đã học biết yêu kẻ khác đến độ hy sinh những gì mình cần thiết.

Một dịp khác, một em nhỏ muốn đem rá gạo tôi đem đến ra vo để nấu cơm cho cả nhà ăn. Nhưng rồi có một người đàn ông đến gặp tôi và nói:

- Thưa Mẹ, gần đây có một gia đình người Hindu có 8 đứa con, mà cả tuần nay họ chẳng có gì ăn cả.

Lập tức, tôi bung rá gạo đi theo người đàn ông ấy và tìm đến nhà người Hindu kia. Bước vào túp lều lụp xụp, tôi bắt gặp những khuôn mặt xanh xao và con đói lúc đó đang hành hạ họ. Không cầm lòng được, tôi trao hết rá gạo cho bà ta. Bà này cảm động đón lấy rá gạo, rồi lập tức ngồi xuống chia làm hai phần. Sau đó, bà bung một nửa ra đi... một lúc sau, bà trở lại. Tôi ngạc nhiên hỏi bà:

- Bà đi đâu vậy? Đem gạo cho ai?

Không chút do dự bà nói:

- Họ cũng đói lắm!

- Nhưng họ là ai?

- Họ là những gia đình Hồi giáo. Họ cũng có những đứa con đói khổ như con. Họ ở bên kia đường, và cả tuần nay, họ cũng chẳng có gì ăn cả.

Rồi tôi trở về nhà. Tôi không muốn đem thêm gạo cho họ ngày hôm đó, để họ có dịp hưởng niềm vui của sự chia sẻ!

NỤ CƯỜI BIẾT ƠN

Một buổi tối nọ, tôi mang theo về nhà mấy bệnh nhân gặp bên lề đường, trong đó có một bà già bị bệnh nặng lắm. Tôi săn sóc bà ấy. Khi đặt bà lên giường, bà ấy siết chặt tay tôi và mỉm cười thật tươi, một nụ cười thật đẹp mà tôi chưa từng gặp thấy trên khuôn mặt nào khác, một nụ cười thật tế nhị. Bà ấy nhìn tôi với tất cả vẻ triu mến và chỉ kịp thốt lên tiếng “Cám ơn!” rồi nhắm mắt tắt thở.

Tôi nhìn bà ấy và tự hỏi: Nếu ở trong trường hợp bà ấy, tôi sẽ nói gì? Dĩ nhiên tôi sẽ tìm sự chú ý của người khác, hoặc tôi sẽ nói “Tôi lạnh, tôi đói, tôi khát nước...”

Nhưng người đàn bà ấy thì không làm như thế! Bà ấy đã cho tôi một món quà lớn hơn cả sự chăm sóc mà tôi đã dành cho bà. Bà ấy đã biết tặng tôi lòng yêu mến biết ơn qua nụ cười tươi đẹp đó.

NGƯỜI NGHÈO LÀ ÂN NHÂN ĐỂ TA THỰC HIỆN TÌNH YÊU CHÚA

Chúng ta biết rằng cách cho thì quý hơn là của cho. Để có thể đem Chúa Giêsu đến với người khác, điều quan trọng chính là cách chúng ta thực hiện và điều chúng ta làm cho những anh chị em nghèo hèn.

Hôm ấy có một người lạ mặt đến thăm các bệnh nhân. Ông ta đến nhà vào lúc một Sơ vừa mới đem một người hấp hối từ ngoài đường về. Sơ này tìm thấy kẻ hấp hối đang nằm bất tỉnh bên ống cống, mình phủ đầy giòi bọ, trông thật ghê tởm. Thế nhưng, không chút ái ngại, Sơ ấy vẫn chăm sóc bệnh nhân cách kỹ lưỡng. Sơ nhặt từng con giòi, rửa sạch sẽ mọi chỗ, vừa làm vừa mỉm cười với tất cả lòng thương mến. Sơ làm việc cách thản nhiên, không bận tâm để ý đến ai cả. Trong khi đó, người khách lạ đứng ở một góc phòng quan sát từng cử chỉ của Sơ ấy. Sau cùng, người khách lạ kia đến gặp tôi và trút hết tâm sự:

- Thừa Mẹ, sáng nay con đến nhà này với tâm hồn của một kẻ vô thần. Lòng con đầy căm hờn và oán giận. Nhưng bây giờ... con ra về

với một tâm hồn hoàn toàn đổi mới. Con bắt đầu tin vào Chúa, bởi vì con đã chứng kiến tình yêu của Chúa được diễn tả một cách cụ thể qua hành động và qua cách Sơ ấy đã đối xử với người hấp hối bản thủ kia. Bây giờ con tin thật Chúa là tình yêu. Không có tình yêu Chúa trong tâm hồn, không thể nào có đủ nghị lực để yêu mến tha nhân được.

Chúng ta phải tỏ lòng biết ơn đối với Chúa, vì Người đã ban cho chúng ta những anh chị em nghèo khổ. Chính vì họ mà chúng ta có cơ hội tụ họp lại chung vai sát cánh làm việc với nhau. Người nghèo không phải là một gánh nặng, cũng không phải là những con người đáng xa lánh. Trái lại, họ chính là các vị ân nhân tinh thần của chúng ta, bởi vì qua họ, chúng ta có dịp để thực hiện tình yêu Chúa. Người nghèo cũng có tinh thần cao thượng và lòng hảo tâm. Qua việc tiếp xúc với người nghèo, chúng ta có thể học được nhiều bài học tinh thần phong phú.

Tại Úc châu, dòng có mở một nhà nội trú dành cho các thanh thiếu niên nghèo. Một lần kia, tôi thấy một thanh niên đang bị đánh đập tàn nhẫn, mình mẩy anh ta bầm tím hết. Tôi phải gọi cảnh sát đến, và khi cảnh sát hỏi anh: “Ai đã đánh anh?” thì anh thanh niên này nhất định không trả lời các câu hỏi. Cuối cùng, cảnh sát phải chịu thua anh ta và bỏ ra về. Lúc đó, tôi mới ôn tồn hỏi anh:

- Sao con không khai người đã đánh đập con với cảnh sát?

- Thưa Mẹ, nếu con khai ra, người đó sẽ bị trừng phạt và rồi những đau khổ của người đó cũng không thể làm giảm đi nỗi khổ đau của chính con!

Người nghèo giàu tình thương biết bao! Chúng ta bảo họ nghèo, nhưng thực sự, chính họ lại giàu có. Họ giàu tình thương và giàu lòng nhân ái. Chúng ta cần phải có một tình thương và đôi mắt nhân hậu để có thể khám phá ra những hạt giống tốt đã được gieo rắc trong tâm hồn họ và giúp cho những hạt giống ấy phát triển thêm nhờ vào cách đối xử nhân từ của chúng ta đối với họ.

KHI VỀ HƯU TÔI SẼ ĐI DỌN PHÒNG VỆ SINH

Mẹ Têrêsa Calcutta, một người nổi tiếng vì những công việc bác ái mà chính Mẹ và các chị em trong dòng do Mẹ sáng lập đang giúp đỡ những dân túng quẫn ở khu ổ chuột tại Calcutta. Mẹ đã được giải Nobel Hòa Bình, nhưng điều làm cho nhiều người cảm động nhất chính là

câu trả lời của Mẹ với báo chí khi được hỏi: “Mẹ đang điều khiển một nhà dòng có ảnh hưởng khắp thế giới, vậy có bao giờ Mẹ nghĩ Mẹ sẽ về hưu không? Khi về hưu Mẹ sẽ làm gì?” Mẹ đã thẳng thắn trả lời: “Tôi sẵn sàng về hưu lắm chứ. Việc của Chúa đã có Chúa lo. Còn tôi sẽ làm gì ấy à? Tôi có thể ở với các chị em của tôi tại Washington này để dọn dẹp nhà vệ sinh cho các chị, để các chị có thời giờ đi giúp đỡ những người nghèo ở thủ đô của một nước giàu nhất thế giới...”

CHO ĐI LÀ CHIA SẺ NHỮNG GÌ MÌNH QUÝ TRỌNG

Cho đi là mình chia sẻ cả những cái mình quý trọng chứ không phải để làm bớt đi những cái dư thừa!

Một lần, có một người đàn bà giàu có người Hindou đến thăm và nói với tôi:

- Thưa Mẹ, con ước ao được chia sẻ với Mẹ và cộng tác với Mẹ trong các hoạt động từ thiện.

- Tốt lắm! - Tôi đáp lại một cách vui vẻ.

Rồi bà ta thú thực là bà ta có một điều rất khó bỏ, đó là tính khoe khoang, ưa làm dáng. Bà thích mặc những chiếc áo xari, những bộ đồ Ấn Độ lộng lẫy và đắt tiền. Hôm ấy, bà mặc bộ áo xari trị giá 65 đôla, trong khi chiếc áo xari của tôi đang mặc chỉ có giá 65 xu, chưa đầy một đôla. Như được ơn trên soi sáng, tôi bỗng nảy ra một tư tưởng hay. Tôi đề nghị với bà ấy cộng tác bằng những bộ áo xari đó:

- Từ nay trở đi, thay vì mua sắm những bộ áo xari trị giá 65 hoặc 100 đôla, thì bà chỉ nên mua những bộ rẻ tiền hơn, chừng 45 hoặc 50 đôla thôi. Số tiền còn lại, bà hãy mua những bộ áo xari đơn sơ khác dành cho người nghèo.

Bà ấy vui vẻ hưởng ứng lời đề nghị, rồi dần dần bà đã biết dùng những bộ áo xari rẻ tiền hơn. Sau này, chính bà ấy đã thú nhận rằng:

- Thưa Mẹ, từ ngày con bắt đầu từ bỏ những vẻ hào nhoáng vô ích bên ngoài đó, tâm hồn con cảm thấy được tự do hơn, nhẹ nhàng hơn. Con đã học biết và hiểu rõ hơn thế nào là cho đi, thế nào là chia sẻ. Và trong cách chia sẻ như thế, con phải thú nhận rằng chính con đã được lãnh nhận nhiều hơn những gì con đã cho đi và chia sẻ với những anh chị em nghèo khó!

PHỤC VỤ ĐỂ LÀM CHỨNG CHO CHÚA

Sau khi Mẹ Têrêsa được giải thưởng Hòa Bình, một ký giả người Mỹ đến Ấn Độ để phỏng vấn Mẹ. Người ký giả đã tìm gặp được Mẹ Têrêsa trên đường phố Calcutta, khi đang phục vụ những người nghèo tật bệnh. Người ký giả ngỡ ngàng hỏi Mẹ Têrêsa:

- Làm thế nào Mẹ có thể thành công trong việc giúp đỡ một số đông người nghèo khó như thế này?" Sau một ít phút, Mẹ Têrêsa nhìn người ký giả trả lời:

- Chúng tôi không phục vụ để trông đòi thành công, chúng tôi phục vụ để làm chứng cho công việc của Chúa."

THẤY CHÚA KI-TÔ TRONG NGƯỜI NGHÈO

Chúa Giêsu đã trở nên một người đói, như vậy tôi và bạn có thể làm thỏa mãn cơn đói của Người, che đậy sự trần trụi của Người, và cho Người chỗ ở. Người nói: "Con đã làm điều đó cho Ta. Ta đã đói, Ta đã ở trần, Ta đã không có nhà".

Chúng tôi đã mang về một người bị bỏ rơi trên đường phố Calcutta, đó là Chúa Giêsu dưới hình dáng người này. Đó là Chúa Giêsu bị đói. Tôi không thể nào quên được một người bị sâu bọ ăn hết một nửa, khi chúng tôi tìm thấy ông ta. Chúng tôi đưa ông về nhà dọn mình chết. Giữa đường đi, ông thều thào nói: "Tôi đã sống như một con vật, nhưng bây giờ tôi sẽ chết như một người được yêu thương săn sóc". Người ấy được chết và về nhà Chúa như thế đó. Đó là Chúa Giêsu cải trang dưới hình dạng người nghèo.

Một tập sinh đến với chúng tôi từ một nơi xa xôi, từ một gia đình khá giả. Chúng tôi sai chị đến phục vụ trong nhà hấp hối. Trước khi sai đi, tôi dặn chị: "Trong Thánh lễ chị đã thấy linh mục cầm cách cung kính và nhẹ nhàng Mình Chúa Kitô biến đổi từ tám bánh trở nên như thế nào, chị hãy làm như vậy trong nhà hấp hối".

Ba giờ sau, chị nhà tập trở về, chị đến với tôi, vui vẻ nói: "Thưa Mẹ, con đã chạm đến mình Chúa Kitô trong ba giờ". Tôi hỏi lại: "Làm cách nào chị có thể chạm đến mình Chúa?". Chị nói, chị đã cứu được một người bị sâu bọ gặm hết một nửa thân. Con đã thực sự cảm thấy con đụng đến mình Chúa Kitô.

Chị nhà tập trẻ tuổi này là một người biết suy niệm. Chị đã được đựng chạm tới Chúa Kitô trong ba giờ, chị đã dâng tình yêu chị cho Chúa. Muốn làm như chị, cần phải nhận biết những người nghèo.

Người nghèo là người vĩ đại. Người nghèo đáng được yêu. Bạn có biết đến những người nghèo đang ở giữa bạn không? Thật là buồn, nếu bạn không nhận ra sự nghèo khó trong nhà bạn.

Tình yêu phải bắt đầu từ trong nhà bạn, sự nghèo khó cũng bắt đầu từ trong nhà bạn. Bạn phải biết ai là người cô đơn, ai không được yêu mến, ai đang bị bỏ quên ngay trong gia đình bạn.

THƯƠNG YÊU CON CÁI, ĐỪNG PHÁ THAI

Một sự nghèo nàn không thể tin được đang hiện diện trong xã hội ngày nay, đó là những trẻ em không được sinh ra, đã bị phá thai, vì cha mẹ chúng không muốn chúng chào đời. Con trẻ chết trong lòng bà mẹ, vì họ không muốn sinh chúng ra. Một quốc gia cho phép phá thai là một quốc gia rất nghèo. Người mẹ có thể giết con mình, chỉ vì họ sợ có thêm một đứa con, thì quả thực họ cũng nghèo nàn. Bà ta sợ nuôi thêm một đứa con, dạy dỗ thêm một đứa con. Bà muốn có thêm một dàn TV, một chiếc xe mới hơn là có thêm một đứa con. Con trẻ bị kết án tử hình là vì lý do đó. Tuy nhiên, chúng ta đọc trong Kinh Thánh rằng: “Dù cho người mẹ có thể quên con mình, thì Ta cũng không bỏ quên con đâu. Ta giữ con trong lòng bàn tay Ta”.

Nếu người Mẹ có thể giết con mình, thì đến bao lâu nữa, chúng ta sẽ còn chém giết lẫn nhau? Chúng ta sẽ không còn ngạc nhiên khi nghe nói về giết người, về cái chết, về chiến tranh, về thù hận trong thế giới hôm nay. Đừng bao giờ cho phép dù chỉ một đứa trẻ, đã sinh hay chưa sinh, vào sổ bất đắc dĩ. Hãy cùng đi tìm những con trẻ bị bỏ rơi và đem chúng về tổ ấm gia đình.

CƯỜI VỚI BẤT CỨ AI

Nhiều người đến thăm tôi tại Calcutta và trước khi ra về thường ngỏ ý với tôi: “Xin cho chúng tôi một lời khuyên để chúng tôi sống tốt đẹp hơn”.

Tôi liền bảo họ: “Quý vị hãy về và hãy ban tặng cho nhau những nụ cười. Một nụ cười cho vợ của ông. Một nụ cười cho chồng của bà. Một nụ cười cho con cái của ông bà. Hãy cười tươi với tất cả mọi người,

bất luận người đó là ai. Với những nụ cười tươi như thế quý vị sẽ lớn lên trong tình yêu hỗ tương.

Nghe vậy một người trong nhóm hỏi tôi:

- Bà có lập gia đình không?

Tôi gật đầu và nói:

- Đôi khi tôi cũng cảm thấy khó nở một nụ cười với vị hôn phu của tôi. Đúng thế, Chúa Giêsu có thể đòi hỏi rất nhiều. Và chính khi Ngài đòi hỏi như thế thì không gì đẹp cho bằng nở một nụ cười thật tươi với Ngài.

THẮP ĐÈN LÊN

Ở Úc Châu có một người thổ dân sống trong một hoàn cảnh thật thảm thương. Ông ta đã cao niên rồi. Từ bao năm tháng ông chỉ một thân một mình cô đơn trong túp lều tối tăm xiêu vẹo. Lần đầu tới thăm ông, tôi đề nghị:

- Để tôi dọn dẹp nhà và sửa soạn giường chiếu lại cho ông.

Ông ta hồ hững nói:

- Tôi đã quen sống như vậy rồi.

Nhưng tôi bảo ông:

- Tuy vậy, ông sẽ cảm thấy dễ chịu hơn với căn nhà sạch sẽ và ngăn nắp.

Sau cùng ông ta bằng lòng để tôi dọn dẹp lại nhà cửa cho ông. Trong khi quét dọn tôi thấy một cái đèn cũ, đẹp nhưng phủ đầy bụi bẩn.

Tôi hỏi ông:

- Có bao giờ ông thắp đèn này không?

Ông ta trả lời với giọng chán ngán:

- Nhưng thắp đèn cho ai? Có ai bước chân vào nhà này bao giờ đâu. Tôi sống ở đây đã lâu rồi mà chẳng hề trông thấy một ai cả.

Tôi hỏi ông:

- Nếu như các nữ tu đến thăm ông thường xuyên, ông có bằng lòng thắp đèn lên không?

Ông vui vẻ đáp: Dĩ nhiên rồi.

Từ hôm đó, các nữ tu của chúng tôi quyết định mỗi chiều sẽ ghé qua nhà ông. Cũng từ đó, ông ta bắt đầu thắp đèn và dọn dẹp căn lều cho sạch sẽ hơn.

Ông còn sống thêm hai năm nữa, Trước khi chết ông nhờ các nữ tu nhắn tin cho tôi:

- Xin nhắn với mẹ Têrêsa, bạn tôi, rằng ngọn đèn mà mẹ đã thắp lên trong đời tôi vẫn còn chiếu sáng. Đó chỉ là một việc nhỏ, nhưng trong bóng tối cô đơn của đời tôi, một tia sáng đã chiếu lên và vẫn còn tiếp tục sáng mãi.

QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC

Tất cả chúng ta muốn yêu mến Chúa. Nhưng yêu thế nào, yêu ở đâu? Chính Chúa đã dạy chúng ta: “Điều gì các con làm cho kẻ rốt hèn là làm cho chính Ta”.

Vào cuối đời, ta sẽ bị phán xét về tình yêu đối với nhau, về những việc ta đã làm cho người đói, người trần truồng, người không nhà.

Đói ở đây là gì? Có phải là đói ở Phi châu, ở Ấn Độ, nơi nhiều người đói một miếng bánh, một chén cơm không? Đúng, nhưng cũng là đói tình yêu thương, đói được người khác quan tâm. Hãy quan tâm tới người khác. Điều kinh hãi là bị bỏ rơi.

Một hôm, khi tôi đi bộ trên đường phố tại London, tôi thấy một người ngồi một mình, trông rất cô đơn. Tôi bước tới và giờ tay bắt tay ông ta. Tay tôi ấm áp, ông kêu lên: “Ồ, sau bao nhiêu lâu, nay tôi mới được cảm thấy ấm áp của tình người”. Rồi mặt ông ta sáng lên. Ông ta không còn giống như lúc trước nữa. Cái nồng ấm của bàn tay con người là chuyện nhỏ, nhưng qua cái đó, ông ta cảm thấy có ai thực sự quan tâm tới ông, có ai thực sự săn sóc cho ông. Từ trước, tôi chưa bao giờ để ý rằng: một việc nhỏ có thể đem niềm vui lớn cho người nào đó.

TÍN THÁC

Vào lúc đầu, dòng khởi sự không có tiền, không có nhà, không có người tu, không chỗ dựa, không người giúp đỡ. Nhưng, tôi không bao giờ nghi ngờ đây không phải là việc của Chúa, do đó tin chắc nó phải thành công. Tất cả đều là công việc của Chúa.

Tin vào Chúa Quan phòng, nên dòng từ chối nhận tiền trợ cấp hàng

tháng cho các sơ tại New York và tại Montreal, sợ rằng, nếu nhận trợ cấp, các sơ sẽ mất đi lòng tin cậy Chúa, và niềm vui hoàn toàn cậy dựa vào Chúa Quan phòng.

Đức tin đem lại ý nghĩa cho sự đau khổ. Đau khổ mở ra khoảng trống để Chúa đến và chứa đầy. Chúa đã ban cho tôi ơn vĩ đại, Người gửi cho tôi đau khổ. Qua đau khổ, tôi dứt bỏ mọi an ủi của người đời, để hoàn toàn đón nhận sự hiện diện và hành động của Chúa Cha như Chúa Giêsu hấp hối trên thập giá xưa.

Ta không thể tỏ tình yêu ta cho Chúa, Đấng ta không thấy và Người không thiếu của gì, nhưng ta có thể yêu mến và phục vụ những người chung quanh, ta có thể thấy và yêu mến họ như những con cái của Thiên Chúa. Không yêu thương nhau, gia đình không có hạnh phúc, thế giới không có hoà bình. Việc làm của tình yêu là việc làm của hoà bình.

Sự thánh thiện là tất cả và đức mến bắt đầu từ trong gia đình.

Khi tôi nói đến sự thánh thiện, nhiều người lạ lùng, họ nghĩ sự thánh thiện chỉ dành cho linh mục, tu sĩ, những người sùng đạo. Tôi giải nghĩa cho họ, thánh, nghĩa là làm cách trọn hảo ơn gọi của mình, một bác sĩ, giáo sư, một thương gia, một nông gia, một bà nội trợ, một học sinh, sinh viên đều được kêu gọi nên thánh tùy theo chức phận trong cuộc sống của họ...

Hạnh phúc trong gia đình tùy thuộc phần lớn nơi người Mẹ. Bà là trái tim của gia đình. Bà phải ban ra lời khuyên thực tế cho gia đình hạnh phúc, đó là “nụ cười”.

Sau gia đình là đến hàng xóm, nơi có những người nghèo, những người bị bỏ rơi... hãy đi thăm họ, hãy tươi cười với họ. Tươi cười khi thăm người nghèo, dù không có gì đem cho họ. Hãy cười với họ, cười đâu có mất gì.

CẦU NGUYỆN

Không cầu nguyện thì không có đức tin,
Không có đức tin thì không có tình mến,
Không có tình mến thì không có phục vụ,
Không có phục vụ thì không có niềm vui, không có bình an.

Đó là 4 bước căn bản: Cầu nguyện - Đức Tin - Tình mến - Phục vụ. Kết quả là niềm vui nội tâm và hòa bình trong xã hội. Để đạt được kết quả này, điều kiện tiên quyết là: Cầu nguyện để thính lặng bên trong và bên ngoài. Thính lặng con mắt, thính lặng lỗ tai, thính lặng tâm trí, thính lặng tưởng tượng. Người ta phải tự tập trung, mở lòng cho sự soi sáng của Chúa. Thính lặng bên ngoài từ những ồn ào của thành thị, đòi người ta tìm một góc thính lặng trong căn phòng hay trong công viên.

Thiên Chúa nói trong thính lặng của tâm hồn. Nếu bạn đối diện với Chúa trong thính lặng và cầu nguyện, Thiên Chúa sẽ nói với bạn.

Để thực hành sự thính lặng bên trong thực sự, cần theo các bước sau:

Thính lặng của mắt: bằng cách tìm kiếm vẻ đẹp và sự tốt lành của Thiên Chúa ở mọi nơi; và đóng lại trước những sai lỗi của người khác, trước những tội lỗi và tất cả những gì có thể gây rối loạn cho tâm hồn.

Thính lặng của tai: bằng cách lắng nghe tiếng nói của Chúa, tiếng kêu than thống thiết của người nghèo, người túng quẫn; và đóng lại trước những lời nói thiếu bác ái, nói chuyện không tốt của người khác.

Thính lặng nơi lưỡi: bằng cách luôn ca ngợi Chúa và nói những lời mang lại sự sống của Người; kiềm chế hãm lại những sự chống chế, và tất cả những lời nói gây ra sự tối tăm, rối loạn, đau khổ và chết chóc.

Thính lặng trong trí: bằng cách mở ra trước sự thật và sự hiểu biết về Chúa trong sự cầu nguyện và chiêm niệm; và đóng lại trước những sự giả dối, điên cuồng, những ý nghĩ phá đổ, phán đoán bừa bãi, những hoài nghi sai lầm về người khác và những ý nghĩ cùng ước muốn trả thù.

Thính lặng trong trái tim: bằng cách yêu mến Chúa hết tâm hồn, hết trí khôn và hết sức lực, và yêu thương tha nhân như Chúa yêu thương họ; tránh tất cả những sự ích kỷ, hận thù, tham vọng, ghen ghét và tham lam.

Mẹ Teresa thường nói: “Nên thánh không phải là chuyện xa hoa, nghĩa là chỉ dành cho một ít người. Nên thánh là một bổn phận đơn giản của mỗi người chúng ta. Nên thánh là nhận bất cứ gì Chúa Giê-su ban cho ta, và cho Chúa Giê-su bất cứ gì Người đòi nơi ta, với một nụ cười thật tươi.”

CÓ NHỮNG TẮM LÒNG

Thuần Đức

Theo quy luật phát triển vật chất và nhu cầu tín ngưỡng tâm linh, thờ phượng lễ bái của cộng đồng tín chúng Cao Đài nói chung, Hội Thánh Truyền Giáo nói riêng, thập niên qua đã mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên “tạo tự” cho toàn giáo hội. Và “mùa xuân xây dựng” nở rộ khắp mọi miền đất nước. Vô hình chung, nó đã tạo thành một mạng lưới kết nối phong trào công quả trong khắp cộng đồng nhân sinh, trong đạo lẫn ngoài đời, trong nước và cả hải ngoại. Đến giai đoạn này, có thể nói là giai đoạn đỉnh điểm của kỷ nguyên “tạo tự”. Nói rõ hơn là có quá nhiều áp lực đối với đơn vị vận động công quả xây dựng và đối với đạo tâm, bổn đạo đóng góp công quả. Vào thời gian cao điểm, trong toàn giáo hội thống kê cùng lúc có gần 10 đơn vị đi vận động công quả xây dựng; Thánh Thất nào, tháng

nào, ngày đàn lệ nào cũng có đặt bàn vận động,... Điều đó là bình thường và trở thành thiện duyên với những bổn đạo vững vàng về đức tin và tài chính, nhưng ngược lại nó trở nên áp lực, nổi e ngại với đại đa số bổn đạo ta còn nhiều khó khăn thiếu thốn, eo hẹp về kinh tế. Điều này đã được mọi người trong giáo hội thừa nhận.

Công trình xây dựng Nhà tu Trí Huệ được tiến hành trong thời điểm chính của “mùa xuân xây dựng”, tất nhiên sẽ không tránh khỏi những khó khăn chung vừa nêu. Tuy vậy, tu sở đã được hoàn thiện khá sớm (trong khoảng thời gian 18 tháng), nhờ ơn soi dẫn, vận chuyển và bố hóa của Thánh linh Đại Từ Phụ. Có lẽ tất cả chúng ta - con cái của Đức Chí Tôn cũng đều đồng ý với nhau rằng mỗi một cơ sở Thánh thể của Thầy nơi cõi thế này được xây dựng ở đâu, vào thời điểm nào



rồi cũng sẽ hoàn tất trong hồng ân soi dẫn và chuyển hóa của Thiên liêng. Vấn đề đáng nói là thời gian và lòng người! Theo suốt công trình xây dựng Nhà tu Trí Huệ, tôi vô cùng xúc động và cảm thông, thấu hiểu trước những hoàn cảnh, những tấm lòng của cả giáo hội, của các thiện tâm, đạo hữu, bốn đạo xa gần trong nước và hải ngoại. Người viết xin được chia sẻ để vinh danh “những tấm lòng” “điển hình tiêu biểu” qua lăng kính của một người xuất gia.

Hình ảnh mà người viết muốn đề cập đầu tiên là Đạo trưởng Phối sư Thượng Hựu Thanh là một tấm gương soi sáng cho toàn đạo. Cụ đã dành phần lớn cuộc đời mình cho sự nghiệp Trung Hưng. Ở độ tuổi xưa nay rất hiếm

(gần 100 tuổi), cụ vẫn đương vì sứ mạng và nhiều lần thân hành đến công trình xây dựng Nhà tu Trí Huệ để tận mắt tham quan và sách tấn, động viên huynh đệ chúng tôi. Có một lần Đạo huynh Giáo hữu Thượng Thuận Thanh - Trưởng Ban điều hành Nhà tu Trí Huệ mời cụ vào tham quan công trình xây dựng, cụ chân chừ rồi nói: “thôi để vài bữa có ít tiền rồi hể vào thăm luôn”. Và thế là khoảng nửa tháng sau, Đạo huynh Huệ Quang con của cụ lái xe đón cụ vào thăm công trình. Xuống xe, vào hội trường tỉnh đạo, chưa kịp nghỉ ngơi cho khỏe, cụ phần khởi và đích thân đi dạo khắp công trình xây dựng từ tầng một đến tầng hai, rồi đi dạo quanh khắp. Đến khu vực nào cụ cũng

cười khen: “Ồ! rộng rãi quá, đẹp quá, hoành tráng quá...”. Cụ còn cười đùa với mọi người cùng đi rằng: “Ngon hơn Hội Thánh, đẹp hơn Tịnh Đường rồi đó, anh em ráng tu ráng học cho xứng nghe”. Khi vào hội trường tỉnh đạo nghỉ chân uống nước, cụ rút từ trong túi áo một gói nhỏ, bọc giấy rất kỹ lưỡng vừa nói vừa cười: “Tôi có ít tiền mọn mấy anh em biểu để dành, nay biểu lại Nhà tu để góp phần vào công trình và cầu nguyện cho tu sở sớm hoàn thành để có nơi ăn chốn ở cho các Tu sinh Tu sĩ tu học, rèn luyện rồi ra phụng sự giáo hội”. Đạo huynh Trưởng ban điều hành Nhà tu xúc động, hai tay đón nhận phần quà cao quý của Đạo Trưởng. Huynh đệ Tu sinh Tu sĩ chúng tôi ai nấy đều ngập tràn niềm hân hoan và như được tiếp thêm nguồn năng lượng tâm từ “người sứ mạng”. Có lẽ Nhà tu Trí Huệ là một trong những nơi vinh dự được cụ quan tâm cả về vật chất - tinh thần và không ít lần đến tham quan khen ngợi. Như thể cụ đã tìm được niềm vui ở cái tuổi “gần về với Thầy” mà thấy Hội Thánh ta có hai tu sở khang trang tinh nghiêm dành cho giới “tăng ni”, mở ra một tương lai tươi sáng cho sự nghiệp

“tạo tăng” của giáo hội. Hơn lúc nào hết, huynh đệ Tu sinh Tu sĩ chúng tôi như cảm nhận và hòa cùng niềm vui với cụ.

Một “tấm lòng” rất hy hữu mà tập thể Nhà tu luôn lấy làm trân quý, đó là anh Sử. Anh là một Phật tử thuần thành, nhân hậu và điềm đạm, với vốn kiến thức đạo học và thế học rất khá. Trong một cơ duyên rất kỳ lạ giống như có một bàn tay vô hình sắp đặt, chuyển hóa. Có lẽ nhiều lần đi ngang qua khuôn viên Thánh đường Quảng Nam, nên anh biết có công trình đang xây dựng. Và thế là, không ai bảo, tự anh lái xe máy kéo xe bò phía sau với những viên gạch cũ được sắp gọn gàng, chạy vào công trình, anh gặp chúng tôi, anh cười và “xin biểu” gạch cũ đã được anh tuyển chọn còn rất tốt để tận dụng phục vụ công trình. Anh em Nhà tu ngạc nhiên trước tấm lòng tốt bụng với hơn cả thiên gạch cũ được anh nhiều lần chở đến và sắp xếp rất kỹ lưỡng. Và từ đó Nhà tu kết duyên với anh Sử. Chúng tôi mới hay anh là một lao động phổ thông, chuyên vận chuyển thực phẩm chay rau củ quả tại các chợ ở Tam Kỳ. Gia đình anh thuộc diện không khá giả (chúng tôi đã đến thăm chơi) với ngôi nhà cấp 4

lục xục, tường đã có nhiều vết nứt, ván cửa đã cũ,... nhưng được cái, anh rất chân thành và rộng lượng với mọi người. Tôi được biết anh là một thanh niên “độc thân”, ở với mẹ. Hằng ngày, ngoài việc khuôn vác rau quả tại chợ Tam Kỳ (khi có người thuê), anh đạp chiếc xe đạp cũ chở theo sau là cái rọ nhựa đựng tất cả các loại rau củ quả mà anh “suru tầm” ở chợ mang đi phân phát cho các chùa, nhà thờ, trường học,... Điều đặc biệt nữa ở anh, là người ăn chay trường chỉ tiếp xúc với “đồ chay”. Công việc “suru tầm rau quả” của anh rất dễ dàng vì ở chợ các cô đều biết anh làm nhiều việc thiện bất vụ lợi. Và thế là ngày nào anh cũng mang “rau củ quả biếu không” đến các nơi mà anh thuận tiện “có duyên”, không cần biết đó là đạo hay đời, tập thể trường học hay tôn giáo nào,... Tấm lòng đáng tâm phục ấy đã kết nối với những người xuất gia Trí Huệ. Thế là mỗi ngày đều đặn, dù nắng hay mưa, không sáng thì trưa, không chiều thì tối, anh ung dung đạp chiếc xe với rọ rau phía sau vào khu nhà bếp của tịnh đạo (nơi cấp dưỡng của công trình xây dựng Nhà tu Trí Huệ). Lúc đầu, các cô nhà bếp rất ngại, trả tiền công và tiền rau cho anh nhưng

không bao giờ anh lấy tiền cả. Mà cũng vui, với anh Sử, khi có chè làm chén chè, có bún làm 1 tô, có chuối thì ăn chuối, anh dễ lòng đến mức rau quả anh để đó, các cô nhà bếp muốn lấy bao nhiêu tùy ý, lấy hết cũng được, lấy còn cũng xong, không lấy cũng chẳng sao, anh không hề có ý kiến. Anh chỉ lên mạng internet học ngoại ngữ, đọc báo một khoảng thời gian ngắn rồi lại đạp xe chở rau củ đi nơi khác. Ngày nào cũng vậy, anh không mệt mỏi hay uể oải, cũng chẳng muộn phiền một ai. Có lần anh em Trí Huệ nói vui: mai một xây xong Nhà tu, anh vào ở với chúng tôi cho vui hỉ. Anh cười rằng: anh không tu ở chùa thất mà chỉ tu tại gia và tại tâm thôi. Khi hỏi giáo lý tôn giáo nào anh cũng biết, anh còn biết cả tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ả rập, tiếng Hán. Với anh Sử, biết chỉ là biết thôi, chứ chẳng ăn nhập gì với công việc kiếm sống hằng ngày của một người bình dị, tự tại như anh. Chúng tôi cảm nhận và học hỏi ở anh Sử nhiều điều về tấm lòng, ý chí và sự chân thành. Có những lúc, ai đó biếu anh vài chục ngàn, anh lại mang cúng cho Nhà tu. Một hôm, anh đem 5 phân vàng cúng cho công trình xây dựng. Chúng tôi ngạc nhiên không

dám nhận vì chúng tôi biết gia cảnh của anh, anh nói không phải vàng của anh. Rồi theo lời anh kể, có 1 cô ở Tam Kỳ mang vàng đi tham gia lễ “đúc chuông” ở một ngôi chùa (tôi không nhớ tên), cô đến trễ nên không bỏ vàng vào bể đúc kịp. Anh thấy vậy, bèn an ủi và xin 5 phân vàng để giúp cô ấy làm việc thiện tương tự. Biết rõ về anh, cô này liền trao 5 phân và cảm ơn anh. Chuyện anh kể khó tin quá, nhưng làm quen với anh rồi nghe chính anh kể thì mới tâm phục khẩu phục một phật tử hiếm có trên đời này.

Huỳnh đệ Nhà tu Trí Huệ không tán thán, ca ngợi anh như cách của đời thường nhưng mọi người đều phải thừa nhận từ khi công trình Nhà tu khởi công đến lúc an vị, những người xuất gia chúng tôi phải tri ân công đức của anh Sử, từ cái công mang “biểu” rau củ quả, gạch, gỗ ván cửa,... mà chan chứa cả cái tâm, cái tình và sự chân thành cao quý. Thiết nghĩ, công trình Nhà tu Trí Huệ đã đem lại một sự kết nối hy hữu, chuyển hóa công đức to lớn, thâm lắng giữa chúng sanh và “tăng ni” rất đáng được chia sẻ với cộng đồng tôn giáo và xã hội.

Thêm một tính huống khác, tôi

nghe các huynh kể lại như vậy:

Khi đến một Thánh Thất nọ để đặt bàn vận động công quả xây dựng Nhà tu Trí Huệ, có một em nhỏ (con nhà đạo mình) chuẩn bị sẵn một “cọc tiền” để công quả. Huỳnh Tu sĩ tươi cười đón nhận cả “tấm lòng và gói tiền”. Huỳnh đếm một hồi mới xong, nào là từ 500 đồng, 1000 đồng, 2000 rồi 5000 đồng đủ các mệnh giá,... cộng lại cả mấy trăm ngàn chứ không phải ít. Lúc này, mọi người mới hay ra, em đã dành dụm, nuôi con heo đất để chờ ngày “xuất chuông” cho Trí Huệ - em cười hi hi. Chúng tôi như rung động trước một tâm hồn cao quý, đáng khen.

Rồi có lần, tôi đến một Thánh Thất ở huyện miền núi của Quảng Nam (người viết xin không nêu cụ thể), với tôi lại thêm một lần xúc cảm!

Bồn đạo ở đây đa phần không khá giả nhưng được cái rất tâm thành và hiếu khách. Đương lúc chúng tôi ngồi trò chuyện, hỏi thăm đạo sự,... Một cô nữ đạo hữu tuổi trung niên đến bên cạnh, sau khi hỏi thăm trò chuyện về việc xây dựng của Nhà tu, nhân lúc tôi không để ý, cô liền “đúi vào túi” áo bà ba trắng của tôi từ 20 nghìn đồng đã nhả và cũ.

Sau đó, cô bẽn lễn, lặng thinh đứng dậy đi chỗ khác, khi mà tôi trở mắt chưa kịp nói gì; lúc này cũng một đạo hữu khác cầm trên tay 200 nghìn, gọi tôi và xin góp công quả xây dựng Nhà tu. Trong thoáng chốc, tôi như ứa lệ trước những tấm lòng của bà con đồng đạo mình nhưng rồi phải cố giấu cảm xúc. Sau này, tôi mới hay cô đạo hữu ấy, nhà nghèo, hằng ngày phải đi “chăn bò”, nhưng rất ham tu học và tốt bụng nữa. Một “tấm lòng” khó quên!

Một lần khác, chúng tôi vận động công quả ở các Họ Đạo thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Khi huynh đệ tôi đến Thánh Thất vào ngày đàn lễ, đa phần là các bác, các cô, các cụ đã có tuổi và cao tuổi. Bốn đạo rất vui mừng vì thấy và biết về hoàn cảnh, chí nguyện những người xuất gia trẻ tuổi của giáo hội ta. Có trường hợp, một cụ bà vui mừng quá, đi “quần quanh một hồi” mượn từng đồng tiền lẻ góp lại để công quả. Những đồng tiền nhỏ bé vô tri vô giác trong tay cụ bà đang móm mém nhai trầu, tươi cười với ánh mắt như loé lên niềm hy vọng. Cứ như là cụ đặt đề vào những người xuất gia chúng tôi niềm tin yêu kỳ vọng về thế hệ kế thừa tương lai

của giáo hội. Huynh đệ chúng tôi - những tấm lòng rung cảm trước những tấm lòng.

Có trường hợp các đạo tâm ở hải ngoại gửi ngoại tệ về công quả. Có đạo tâm đích thân đón taxi vào thăm công trình xây dựng và đóng góp hàng chục triệu đồng. Có nhiều đạo hữu gần xa, có điều kiện khá giả, tự nguyện đóng góp hàng chục, hàng trăm triệu đồng mà chẳng cần nêu danh, có khi yêu cầu giấu tên. Có nhiều bốn đạo công quả vật liệu, vật phẩm, lương thực, thực phẩm, mũ nón, bao tay, bột giặt,... công quả tất cả những gì có thể phục vụ công trình xây dựng Nhà tu.

Vẫn là thiếu sót nếu không kể đến những cô cấp dưỡng phục vụ phần ẩm thực. Các cô như những người mẹ nuôi của anh em xuất gia chúng tôi trong giai đoạn mà chúng tôi vừa “lăn lộn” ngoài công trình xây dựng, vừa kiên kiên phần công phu, cúng sám nội dưỡng.

Phải kể đến đó là các cô nữ phái Họ Đạo Trung Mỹ 2, Từ Vân, Hưng Đông, Thái Hòa, Trung Khánh, Trung Phước, Nhà tu Phước Huệ, dòng tu Chơn giác,... có trường hợp, các cô phục vụ ẩm thực đến ngã bệnh truyền nước, nhập viện mới chịu nghỉ ngơi.

Thật là cảm động trước tinh thần phục vụ của những “người mẹ nuôi”.

Công trình xây dựng Nhà tu Trí Huệ cũng nhận được nhiều trợ duyên từ những bữa cơm chiêu đãi, những bữa ăn nửa buổi từ những Xã đạo, Họ Đạo trong Quảng Nam như: Từ Vân, Thái Hòa, Hưng Đông, Trung Khánh, Trung Mỹ 2, Nhà tu Phước Huệ, Dòng tu Chơn giác,... Những món gỏi, những đòn bánh, gói chả ram,... từ những bàn tay và tấm lòng bốn đạo đã tiếp thêm tinh thần và năng lượng cho huynh đệ chúng tôi nói riêng và các anh thợ công trình nói chung. Một sự kết nối giữa người Trí Huệ với bốn đạo gần xa trong tình thương của những tấm lòng hiếm hoi giữa đời thường.

Một điều mà người viết muốn nhấn mạnh đó là tấm lòng của những người thợ “chiến đấu” nơi công trình xây dựng. Điều đáng trân quý, những thợ cả và thợ chính, công phụ đều là những đạo hữu của các Họ đạo trong tỉnh Quảng Nam (chỉ trừ phần thợ đóng cốt-phá). Ở các anh, đa phần là tham gia Ban trị sự, chức việc của Họ đạo và đã ăn chay trường, thợ châu. Vì vậy, các anh không những tham gia công trình với

lòng nhiệt huyết mà còn tinh tấn nữa. Trong số đó có vài anh ở lại công trường, cùng với anh em Tu sinh Tu sĩ, ngày lao động, đêm ăn, ngủ, công phụ, cúng thời, “đàm đạo”,... rất thân thiết với Nhà tu. Vào mùa tịnh truyền thống của giáo hội, tất cả thợ có tu châu đều không bỏ giờ công phụ nào tại công trình Nhà tu. Một sự nỗ lực tinh tấn hết mình làm cảm động đến cả Chức sắc Ban đại diện, huynh đệ Nhà tu và cả những anh thợ còn lại (chưa thọ pháp tu châu). Chính vì vậy mà tất cả mọi thành phần tham gia đều được Ôn hộ trì soi dẫn và quá trình xây dựng hạn chế tối đa những tai nạn lao động (có trường hợp rất nguy hiểm). Trong tinh thần tâm huyết và tinh tấn cầu nguyện, các anh thợ xem việc xây Nhà tu cho giáo hội như là việc xây nhà cho chính mình vậy. Từ việc tham gia công trình “lăn lộn” cùng anh em Nhà tu, có những huynh thợ tinh tấn hơn: phát nguyện trường trai, thọ pháp tu châu, thiết Thiên bàn tại nhà,... Anh em Nhà tu chúng tôi rất lấy làm hân hoan và càng tinh tấn hơn. Tình huynh đệ đồng đạo của người xuất gia và “người thợ nề” trở nên keo sơn thắm thiết hơn bao giờ hết. Có những anh

thợ phát nguyện công quả nhiều ngày công lao động, có người cho mượn không những dụng cụ thiết bị, máy móc phục vụ công trình,... Có những lúc “trả lương” cho thợ (vì tôi phụ trách thư ký kế toán tiền công), phải nhận lại những đồng tiền (công quả) thấm giọt mồ hôi công sức và tâm thành của các huynh, lòng tôi xúc động vô cùng, nhiều khi ứa cả nước mắt. Theo số liệu chúng tôi thống kê được, con số ngày công lao động mà toàn đạo công quả gần 1500 ngày công. Biết bao nhiêu là mồ hôi, công sức, tâm huyết của chư đạo hữu khắp Quảng Nam. Người xuất gia chúng tôi thật trân quý vô cùng.

Biết kể sao cho xiết những tấm lòng, những việc làm của chư thiện tâm đạo hữu đã làm “rung động con tim” của những người xuất gia chúng tôi. Nó như một trợ lực quý báu mà chúng tôi nhận được để tinh tấn hơn trong học đạo, tu đạo và phụng đạo.

Chính vì vậy, trong huynh đệ Nhà tu đã có những nỗ lực không ngừng nghỉ để đền đáp lại phần nào những “tấm lòng cao quý” của cộng đồng giáo hội và nhân sinh cũng như những bậc thiện tri thức, thiện tâm đạo hữu.

Những ngày đầu công trình, công việc khá nặng nhọc nhưng Tu sinh Tu sĩ chúng tôi không nề hà gì cả. Anh em cùng nhau làm mọi việc trong giới hạn sức mình nào là bung bê, mang vác, khiêng đẩy, đào đắp,... những công việc không đòi hỏi “tay nghề” nhưng cần rất nhiều sức lực. Có những lúc đẩy xe rùa đất, hồ xây, gạch,... khá nặng nhưng anh em vẫn vui với nhau bằng câu Thánh giáo: “Cố lên Thầy sẽ dắt con lên”. Thế là mọi người cười hì hì, xua tan đi nỗi mệt nhọc và căng thẳng.

Qua mỗi giai đoạn của công trình, công việc nặng nhọc không còn nhiều, anh em chúng tôi vẫn tiếp tục những việc vụn vặt, kể cả công việc nhà bếp cũng phân công Tu sinh tham gia từ đầu đến cuối công trình. Trong quãng thời gian gần một năm rưỡi, ban ngày “lăn lộn” công trình xây dựng, ban đêm tinh tấn công phu, thay phiên nhau trực cúng thời cầu nguyện; bây giờ nhìn lại, tôi tự nghĩ “anh em thế mà khỏe giỏi”! Mà cũng đúng thật đó, người tu xuất gia trẻ tuổi, khỏe phần xác, mạnh phần hồn, vững chí nguyện thì mới kiên kiên kham nổi nhiều việc cùng lúc như vậy.



Xóm đạo ngày ấy

Mục Đồng

Tôi sinh ra và lớn lên trong một xóm đạo. Xóm tôi ở một làng quê nghèo như bao làng quê khác của xứ Quảng; người dân quanh năm suốt tháng bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, gánh gồng bão lụt mỗi mùa mưa về. Những người xóm khác gọi xóm tôi là xóm Cao Đài, vì hầu hết những người trong xóm tôi đều theo đạo Cao Đài. Từ dưới đường quốc lộ chạy lên, hỏi xóm Cao Đài thì người ta sẽ chỉ về xóm tôi.

Tôi và những đứa trẻ trong xóm cũng có tuổi thơ như những đứa trẻ khác ở miền quê. Nghĩa là cũng cời đồng tằm mưa, cũng lang thang trên những cánh đồng, triền đồi cùng với con bò, con trâu, cũng sùng bori lời, cũng hoa đủ dẻ, một buổi đến trường, một buổi trên đồng...

Giữa xóm tôi có một khu vườn, người quê tôi thường gọi đó là Vườn dừa vì xung quanh vườn có nhiều cây dừa. Trước kia, khu đó là vườn nhà của ông Tãi, ông cùng hàng với ông cố tôi, sau khi ông mất không ai ở nữa, bỏ trống, nên khi nói vườn ông Tãi cũng là chỉ về khu vườn ấy. Tôi chỉ nghe nói thế thôi, chứ từ khi lớn lên tôi chẳng thấy cái nhà nào ở đó, chỉ biết rằng đó là nơi tụi con nít xóm tôi tụ tập sau khi giữ trâu, giữ bò ở đồng về vào buổi trưa hay chiều tối. Ở đó chúng tôi chơi với nhau những trò chơi dân gian như bắn bi, tán dế, cò rập, năm mười, đá banh...

Những tháng hè là lúc Vườn dừa xóm tôi tập trung đông đủ tụi con nít nhứt. Ngày hè chúng tôi không phải đến trường, ngày hai buổi tụi con nít chúng tôi cùng nhau giữ trâu, giữ bò ngoài đồng; những đứa nhà không có trâu bò cũng theo ra đồng chơi, vì ở nhà chẳng có ai chơi, trong khi đó theo chúng tôi ra đồng biết bao nhiêu điều thú vị.

Sau một buổi sáng ở ngoài đồng, buổi trưa chúng tôi thường tụ tập tại vườn dừa. Ở đó chúng tôi chơi đủ trò. Tụi con trai thì chơi đá banh, bắn bi, tán dép; tụi con gái thì chơi nhảy dây, đánh thẻ, ô ăn quan...

Năm mười là trò mà con trai con gái gì cũng chơi được. Trò này, có những đứa chơi gian nó trốn kỹ lắm, có khi nó về nhà trốn, đồ ai mà biết ở đâu! Những trường hợp như thế cũng là cá biệt, vì chúng tôi chơi vui là chính, không hơn thua gì, tìm một đứa nào lâu quá không ra là biết nó về nhà ngủ một giấc rồi, thế là trò chơi bắt đầu lại không tính nó nữa.

Nói về cái trò năm mười này tôi có một kỷ niệm không thể nào quên. Trong xóm có một anh nổi tiếng là chạy nhanh nên khi ảnh là người chịu phạt thì chúng tôi ai cũng sợ, phải trốn cho thật kỹ, thật xa. Lần đó, tôi chui vô bụi rào, nghĩ rằng ở trong này kín đáo, anh ta có đi qua cũng không thấy, mới vừa chui vô bụi, chưa kịp khoái chí cho một nơi trú ngụ đất địa, nghe có tiếng gì o o, vù vù trên đầu, ngược nhìn thấy có một ổ ong vò vẽ, thế là tôi vụt chạy bắt kẻ sự đời. Dù tôi có chạy nhanh đến mấy cũng không qua mấy chú ong đó, nhưng khi đã chạy xa nơi ấy một khoảng xa thì tụi ong không đuổi theo nữa; trên đầu tôi bắt đầu lú lên những cái u và khắp mình tôi ê ẩm. Ai đã từng thấy ổ ong vò vẽ và bị ong đốt thì sẽ hiểu hoàn cảnh của tôi lúc đó. Nhưng dù có như thế tôi cũng không thể nói chia tay trò chơi đầy thú vị ấy, đó chỉ là một bài học.

Năm mười là một trò chơi đầy thú vị, nhưng đá banh mới là trò tụi con trai chúng tôi thường xuyên chơi hơn, vì trong đá banh sẽ có sự phân biệt hơn thua rõ ràng, và nó thiên về sức mạnh, khéo léo, điều mà tụi nhóc chúng tôi đều có và muốn thể hiện. Chúng tôi có thể đá banh vào buổi trưa và buổi chiều tối. Trận đấu không có thời gian cụ thể cho từng trận, có khi đến giờ chiều phải đi ra đồng lại hoặc chiều tối không thể đá nữa thì trận đấu kết thúc, các trận đấu của chúng tôi đều không có trọng tài, vì thế cãi nhau là điều không thể tránh khỏi, và cũng có khi trận đấu kết thúc không phải vì hết giờ mà là vì chúng tôi cãi nhau.

Các trận đá banh của chúng tôi thường có một vị khán giả, đó là ông Ba. Ông Ba là một bô lão trong xóm, cùng hàng với ông nội tôi, nhưng

những người hàng đó đều đã ra đi, chỉ còn ông Ba ở lại... coi tội tôi đá banh! Mỗi lúc ông Ba đi làm đồng về, thấy chúng tôi đá banh là ông đứng lại xem, tôi cũng không hiểu tại sao ông lại như thế, chỉ biết rằng có một vị khán giả như thế làm cho chúng tôi đá hăng say hơn.

Và rồi, một buổi trưa hè, khi chúng tôi đang đá banh như thường lệ, nhưng không có ông Ba đứng xem. Hôm nay mừng tám, ông Ba phải đi cúng ở Thiên Bàn. Thiên Bàn là một danh từ để chỉ Xã đạo của chúng tôi. Người miền Trung quê tôi thường gọi Xã đạo là Thiên Bàn, vì thế Thiên Bàn có khi là một địa hạt trong đạo, có khi là một cơ sở thờ tự của Xã đạo, chứ không thể hiểu là bàn thờ Ông Trời gồm có Thiên Nhân và lễ phẩm như nghĩa phổ thông trong đạo được.

Thiên Bàn của chúng tôi nằm lệch về phía đông của xóm, không ở vị trí trung tâm như Vườn dừa. Ở Thiên Bàn thường dâng lễ vào giờ Ngọ các ngày 30, 8, 14, 23; ngày mừng 1, rằm đạo hữu về dâng lễ ở Thánh thất. Trước giờ dâng lễ ở Thiên Bàn, người trực sẽ đánh một hồi trống để mọi người biết đến giờ về dâng lễ. Từ khi còn bé tí tôi đã quen với tiếng trống này rồi, trong kí ức, sau tiếng trống ấy tôi thường thấy ông nội tôi ghé nhà tôi chơi một lát rồi vào Thiên Bàn dâng lễ hoặc dâng lễ rồi ông ghé nhà tôi chơi, vì nhà tôi ở phía trước Thiên Bàn.

Trở lại buổi trưa đá banh hôm đó, ông nội Ba không xem chúng tôi đá banh vì trưa nay ông phải đi cúng; hôm nay là mừng 8, ông là Chánh Trị sự, phải đi chứng lễ. Chúng tôi đang đá banh ở Vườn dừa thì chú Trung đi cúng, chú nói sao mấy đứa bây không đi cúng? Lúc này chúng tôi mới dừng lại, hay là mình về tắm rửa đi cúng đi? Chúng tôi nói với nhau như thế. Trước giờ đi cúng là chuyện của người lớn, tội con nít chúng tôi đâu có liên can gì. Ấy thế mà cái hôm nay, chúng tôi học đòi đi cúng. Thực chất thì hôm đó đâu phải đứa nào cũng chịu khó đi cúng, chỉ vài đứa thôi, và dĩ nhiên trong đó có tôi.

Sau bữa cúng hôm đó, chúng tôi đi cúng ở Thiên Bàn thường xuyên hơn, tự dưng muốn đi là đi thôi, chẳng ai nhắc nhở gì. Một thời gian sau, tôi không đi cúng ở Thiên Bàn với mấy đứa nữa, tôi vào Nhà tu Trí Huệ. Sinh hoạt ở Nhà tu một thời gian, tôi về xóm cúng với tội nhỏ. Tội con nít chúng tôi lần này “chơi riêng”, vì chúng tôi còn phải

đi học, những ngày đàn lệ chưa hẳn đã trúng Chủ nhật để chúng tôi cúng, thế là chúng tôi cúng vào tối Thứ Bảy. Lúc này tôi có phần trội hơn mấy đứa trong xóm rồi, tuy không phải là “lão làng” trong đám nhưng tôi có vẻ chừng chạc hơn, có nhiều thiện cảm với mấy đứa và ba mẹ tụi nó cũng tin tưởng ở tôi.

Vậy là mỗi chiều Thứ Bảy tôi đạp xe từ Tam Kỳ về quê, đoạn đường chừng mười cây số, đường nhựa, dễ đi, nhưng có phần nguy hiểm. Tôi nói nguy hiểm vì con đường đi về là đường quốc lộ 1A, xe nhiều, đường hồi đó chưa mở rộng, chỉ có 2 làn cho xe cơ giới, và 2 làn cho xe thô sơ, không có điện đường. Cứ mỗi lần có chiếc xe đối diện chạy qua là phải đi từ từ, và có khi dừng lại vì chói; cũng có khi đường vắng, không có xe, trời tối om thì nhìn vào vạch phân làn nổi lên màu trắng trắng mà đi. Ngày cuối tuần tôi thường về hai bận. Chiều Thứ Bảy về cúng với mấy em ở Thiên Bàn, cúng xong về lại Nhà tu, sáng Chủ nhật, đi phát cháo ở bệnh viện xong lại về Thánh thất sinh hoạt. Khi đã vô Nhà tu rất hiếm khi tôi về ở nhà qua đêm, lâu dần thành quen nên ba má không phản nản gì chuyện đã về đến nhà mà không ở lại.

Những lúc về tuy mệt nhưng trong lòng tôi vẫn hăng hái. Vì tôi biết ở quê có những đứa em đang trông chờ tôi về. Tôi về với tụi nhỏ bằng tất cả tấm lòng nên tụi nhỏ mến tôi lắm; tụi nhỏ luôn giành cho tôi những lời chào hỏi, kể cho tôi nghe những câu chuyện vu vơ mà tụi nó gặp phải ở trường, ở nhà. Giờ đây khi nhìn lại khoảng thời gian ấy, tôi thấy tụi nhỏ như đàn gà con quần quýt bên tôi như là gà mẹ.

Tôi về cúng với mấy em không mong điều gì lớn lao, chỉ mong rằng tạo được nếp sinh hoạt đạo trong xóm, để xóm tôi là một xóm đạo thực sự bởi đời sống đạo của những người đạo hữu, để mỗi sáng và chiều, nhà nhà ở xóm tôi ngân lên tiếng chuông, vọng ra lời kinh, để khỏi phụ ơn lành Thầy đã ban cho cái xóm nhỏ này. Muốn như thế, nhưng tôi chỉ là đứa nhỏ, chỉ có thể làm cùng những đứa nhỏ.

Ấy thế mà cũng có lúc tác động vào người lớn. Có lần tôi về xóm, chú Ba An nói với tôi là sắp tới chú sẽ thượng tượng thờ Thầy. Thấy mấy đứa nhỏ con chú đi cúng được chú cũng mừng, chú muốn thờ Thầy để có chỗ cho mấy đứa nhỏ cúng. Chú nói rằng cũng muốn

thường xuyên sinh hoạt đạo nhưng vì cuộc sống mưu sinh phải đi làm xa nhà, không có thời gian cúng kính nên chưa dám thờ Thầy, nay mấy đứa nhỏ đã biết cúng thì chú sẽ thượng tượng, để khi đi làm không có ở nhà cũng có người dâng lễ.

Có lần, buổi chiều Thứ Bảy tôi đạp xe về, thằng Linh thấy tôi, ở trong nhà chạy ra, nó cời trần, mặc cái quần đùi chạy theo tôi, nó vừa chạy vừa khoe với tôi là đã thuộc mấy câu đầu của bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế Bửu Cáo. Tôi cười, bảo nó như thế thì giỏi quá. Mấy lần trước nó chưa mạnh dạn đi cúng, nó nói với má nó xin tôi cho nó đi cúng với chúng tôi; thế là từ đó nó gia nhập “tăng đoàn” của chúng tôi. Có lần cúng cầu siêu ở Thiên Bàn vào dịp rằm tháng bảy, mấy tụi nhỏ chúng tôi cũng tham gia cúng. Cúng xong, thằng Linh hỏi tôi mình đọc bài gì mà lạy nhiều thế, lạy đến 53 lạy luôn! Ở quê tôi, các danh vị Phật ở cuối bài đều phải lạy một lạy. Nghe nó nói tôi có nhiều suy nghĩ. Quả thực là khi cúng bài kinh Di Lặc ai cũng lạy chớ có đếm bao nhiêu lạy đâu, ngay cả tôi, nhưng nó lại đếm, như vậy là tuy chưa thuộc kinh nhưng nó vẫn có sự tập trung vào kinh, không suy nghĩ lung tung.

Nhưng đau đớn thay, không lâu sau này chúng tôi lại đọc bài kinh ấy để cầu siêu cho em nó vào dịp cúng cửu. Nó ra đi đột ngột quá! Trong buổi sáng thứ bảy ngày 20 tháng 11, Linh cùng một số bạn trong lớp đi thăm thầy cô, sau đó xuống biển tắm, và biển đã mang em đi mãi mãi cùng với một đứa bạn. Hôm đó cũng là ngày 14 tháng 10 âm lịch, khi tôi cùng một số anh em trong Thánh thất đang tất bật chuẩn bị chương trình đêm sinh hoạt hồi hướng kỷ niệm lễ Khai Minh Đại Đạo thì nghe hung tin về em. Lúc đó nghe tin tôi hoang mang lắm, nhưng vì chưa tìm được thi thể em nên trong tôi còn nuôi một chút hi vọng, hi vọng rằng em sẽ bình an, hi vọng rằng có một con thuyền nào đó... Đêm hồi hướng diễn ra không thành công như ý muốn, tôi là người đứng ra tổ chức, sau khi nói lời cảm ơn đến các Gia đình Hưng Đạo bạn tham gia, tôi ngồi xuống tựa vào bục trên sân khấu khóc, lúc này mọi chuyện đã xong tôi mới thấy mệt, chuyện của Linh, chuyện đêm hồi hướng không thành công, nhiều chuyện dồn nén đều được tuôn trào không kiểm soát qua hai dòng nước mắt.

Khóc ở ngoài sợ mọi người thấy, tôi vào Bữa điện khóc để không ai biết, lúc này, những giọt nước mắt không phải là hèn yếu mà là cảm xúc...

Ngày hôm sau tìm được thi thể Linh, vậy là hi vọng trong tôi đã tan như bọt nước theo con sóng dạt vào bờ.

Còn chị em nhà bé Tý, gia đình em từ lâu lập nghiệp ở Tây Nguyên, nay mới chuyển về nguyên quán, ba em bỏ sinh hoạt đạo từ lâu, mấy chị em không biết gì về đạo, ấy thế mà khi ở trong xóm, thấy chúng tôi đi cúng, đi sinh hoạt đạo chị em nó cũng xin tham gia. Trong lần phát động viết báo tường cho lễ kỷ niệm Khai Đạo, bé Tý bộc bạch:

“Tổ tiên nhà em có rất nhiều đời ở Đạo, tu thân. Ông cố em đã được mọi người cung kính và ông đã được chôn ngôi. Riêng em là một người xa quê hương từ hồi còn nằm trong bụng mẹ. Lớn lên, không biết Đạo là gì, đến nỗi không biết ăn chay là gì. Vì ba em đã bỏ Đạo từ khi đi làm ăn, do công việc, do giao tiếp nên không thể ăn chay nên từ đó từ bỏ. Em ở trên Buôn Mê Thuật tới 6 tuổi mới về lại quê nhà. Từ đó em vẫn sống bình thường. Sau 3 năm, khi em đã học lớp 3 thì em mới biết Đạo. Ngày thứ Bảy đẹp trời (15/8) em thấy từng dòng người áo trắng nườm nượp vào một ngôi nhà nhỏ, có một cái bàn trên đó thờ Thiên Nhân. Em thấy thế liền hỏi ba, ba nói đó là những người ở Đạo. Từ đó em ao ước được vào Đạo. Em xin ba để được đi Thánh thất, đi cúng như mọi người, thế rồi ba cũng cho.

Một buổi sáng chủ nhật đẹp trời, lần đầu tiên đi con đường lên Thánh thất, tới nơi, em ngỡ ngàng khi thấy Thánh thất, nó to lắm, nó cao lắm, nó lộng lẫy lắm, nó như một cung điện. Bây giờ em mới biết bàn Thiên Nhân là bàn thờ Thầy. Từ đó em ăn chay, lúc nào em cũng muốn tới ngày chủ nhật, để đi lên Thánh thất sinh hoạt; chơi trò chơi rất hào hứng vui nhộn, học giáo lý rất trầm tĩnh, thâm thúy; học hát rất thú vị, có nhiều bài lạ và hay.

Nhưng thời gian trôi qua, không thể đi thường xuyên nên em rất nhớ Thánh thất. Có nhiều lúc mẹ cho đi thì mừng quýnh, mừng quá. Nhưng nhiều lúc không đi được thì miệng không nói nên lời, chảy nước mắt, chỉ biết niệm danh hiệu Thầy cho đỡ buồn. Lúc nào cũng

nhờ mọi người vào nhà để xin ba mẹ, nhưng thành công thì ít, thất bại thì nhiều, nhìn mọi người đi mà buồn. Từ đó em rất buồn, tối Thứ Bảy nào cũng cầu Thầy để sáng ngày được đi. Vì xin mẹ mãi nên lúc nào cũng bị mắng, nên không dám xin xỏ gì, nhưng em vẫn rất nhớ Thánh thất và luôn luôn ăn chay thường xuyên để xứng đáng là đệ tử của Thầy.

Em sẽ cố gắng đi Thánh thất và luôn ăn chay vì em là một người ở Đạo. Em sẽ thực hiện đủ 5 điều của ngũ giới cấm. Em luôn yêu Thánh thất”.

Chúng tôi không chỉ cúng ở Thiên Bàn, có khi nhà đưa nào có thờ Thầy và ba mẹ tụi nó mời gọi thì chúng tôi đến cúng. Những buổi cúng như thế thì gia chủ sẽ chứng lễ, còn cúng ở Thiên Bàn thì tôi thường là người chứng lễ. Những buổi cúng tuy đơn sơ mà thân tình, đầm ấm. Trong quá trình cúng như thế các em cũng đã dần thuộc kinh, quen nghi thức hành lễ, các em lớn thì biết thị lập. Sau buổi cúng các em thường trại nước cúng và chia nhau uống, mỗi đứa một ít, các em tin rằng uống nước dâng cúng Thầy sẽ cho mình sự thông minh, sáng suốt. Giờ đây, khi dâng lễ Thầy tôi cũng thường xin nước Thầy uống như là mong Thầy thêm sức, soi đường dẫn lối trên bước đường tu học.

Chúng tôi cúng không phải đưa nào cũng có lễ phục. Hầu như chưa có ai được sắm cho mình một bộ đồ lễ, có đưa lớn lớn thì lấy đồ của ba má mặc, còn mấy đứa nhỏ thì mặc đồ sơ mi như đi học ở trường. Có lần, khi cúng xong, ngồi nói chuyện, tôi hỏi bé Chuột, nếu như năm nay được học sinh giỏi, mẹ em có phần thưởng, thì em muốn mẹ thưởng gì? Nó nói rằng xin mẹ thưởng cho bộ áo dài mặc cúng như mấy chị. Nghe nó nói tôi thương lắm. Thế rồi trong đầu tôi nảy ra một ý định phải may lễ phục cho các em. Nhưng tiền thì tôi không có. Cũng may trong dịp tết, có người đạ hữu hỗ trợ anh em Tu sinh vải để may đồ. Tôi thấy đồ của mấy anh cũng tạm đủ nên xin một số anh em vải đó để về may áo dài cho các em. Vải đã có, nhưng may cũng tốn tiền lắm, nhờ tôi quen thân với cô Mận may đồ trước Tỉnh đạo nên cô hỗ trợ tôi. Sở dĩ tôi thân với cô Mận vì những buổi tối tôi thường ra quán

cô lấy xác mía về phơi để nhen lửa; ngoài may lẽ phục cô còn cho thuê bàn ghế và bán nước mía để làm kế sinh nhai. Ở Nhà tu lúc đó tôi thường ngủ trễ hơn các anh nên có nhiệm vụ khóa cổng, tiện đó lấy xác mía luôn. Những lần ra lấy xác mía tôi thích nhứt câu nói của cô Mật: “mía đó, ăn khúc mô lấy ăn”, thế là tôi lấy một khúc gặm và nói chuyện trên trời dưới đất với cô cho đến khi hết khúc mía thì bó xác mía lại, mang vô sân.

Ngoài ra quán cô lấy xác mía tôi cũng thường ra chỗ cô để gửi cô bán xả, cà, mướp các loại khi trong vườn Nhà tu làm ăn không hết. Có một mối quan hệ thân thiết như thế nên không những cô hỗ trợ may mà còn nhiệt tình về Thánh thất đo số từng em để may đồ cho chính xác. Khi nhìn các em tôi vui mừng khoác trên mình đạo phục trắng tinh khôi như chính tâm hồn các em dâng lễ lòng tôi hạnh phúc ngập tràn, nhớ đến câu hát trong bài Hạc trắng ngày xưa: đàn hạc trắng đến thế gian cùng Thầy, dựng Nam Bang đạo Kỳ Ba phóng khai, đại ân xá cứu nhân loại từ đây, đuốc Cao Đài thấp sáng cả đông tây.

Để duy trì sinh hoạt lâu dài, cho cả Gia đình Hưng Đạo của Họ đạo chớ không riêng cho các em ở Thiên Bàn mình, chúng tôi muốn tự chủ về kinh tế cho Gia đình Hưng Đạo. Thấy anh Vui ở Nhà tu trồng hoa cúc bán cũng được nên tôi về xin bác Năm tôi vạc đất trước nhà bác trồng hoa, nhờ anh Vui chuyển giao kỹ thuật. Chúng tôi tính trồng bán tết Đoan Ngọ, trong quá trình trồng chúng tôi cũng được sự hỗ trợ của nhiều người đạo hữu, họ giúp chúng tôi trồng, làm cỏ, bón phân, bác Năm tôi thì giúp tưới nước hằng ngày. Bước đầu hoa cũng sống và phát triển tốt, nhưng dần dần khi lớn lên cây bị chết nhiều, tôi lại ở xa không thường xuyên về theo dõi để chữa bệnh kịp thời, nhưng bệnh chết cây làm thiệt hại nhiều nhưng chưa là dấu chấm hết với vườn hoa của chúng tôi, mà dấu chấm hết là sau một trận mưa dông. Tôi cũng không hiểu sao chiều hôm đó trời mưa lớn đến thế, vạc đất trồng hoa lại là vạc đất trũng, khó thoát nước, vậy là vườn hoa của chúng tôi chấm dứt từ đó, đầu tư vào đó nhiều của lẫn công và tâm tư nhưng của và công giờ đã tan thành mây khói, chỉ còn lại chút tâm tư...

Nhưng chúng tôi chưa từ bỏ, mong muốn tự lập kinh tế, chúng tôi

còn xin ba tôi và cô Bốn hai vạc đất để trồng đậu phụng, nhưng đậu chúng tôi trồng sao cũng không có trái. Giờ ngẫm nghĩ lại, ở cái tuổi mười chín đôi mươi mà bày đặt làm kinh tế thì có khác chi mấy đứa con nít chơi đồ hàng. Nhưng tôi vẫn tôn trọng lý tưởng của chúng tôi, tôi luôn cho hướng đi đó là đúng, mặc dù thất bại, nhưng không ai bước đến thành công mà chưa từng trải qua thất bại. Và bây giờ trong tâm trí tôi, vườn hoa cúc ấy vẫn còn, những luống đậu kia vẫn còn, và nó sẽ nở hoa và cho trái, chỉ là giờ nó đang giấu mình mà thôi...

Giờ đây, tôi không còn ở quê để về với xóm đạo nữa, cuộc sống đang đổi thay từng ngày, các em năm xưa tôi dẫn dắt giờ cũng đã xa quê để đi học đi làm. Nhìn những lớp sau lớn lên mà lòng tôi mang nhiều suy nghĩ, giá như mình có thể tách ra làm hai, về với xóm đạo, tạo một môi trường sinh hoạt đạo cho các em nhỏ, để các em có môi trường giáo dục tốt không chỉ về mặt đời sống đạo mà còn tiếp thu những kiến thức xã hội để đưa quê hương mình phát triển. Để xóm đạo quê tôi mãi ngân vang tiếng kinh Tứ thời, để hương đạo mãi bay xa, thấm thấu vào tâm hồn mỗi người dân quê, như câu hát: có ai về, ai về miền Trung nước tôi, để nghe câu kinh Tứ thời núi sông bồi hồi. Cờ đạo in bóng lòng đất, cờ đạo in bóng trong nguồn nước, để xây Thánh đường, ngôi Thánh đường nội tâm thể nhân.

Phía trước của tôi giờ đây không chỉ là một xóm đạo nhỏ ở quê đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người và cảm nhận về đời sống người tín đồ, lòng tôi vẫn nhiều ưu tư cho những nơi mình đã đi qua. Ưu tư cho đời sống đạo, đời sống kinh tế của những người đạo hữu, cho sự nghiệp giáo dục của lớp trẻ nhà đạo. Ưu tư chỉ là ưu tư, một mình tôi đâu thể làm được gì, một cánh én đâu thể làm nên nổi một mùa xuân, nhưng biết đâu một cánh én đơn độc trên bầu trời ấy lại báo hiệu một mùa xuân sắp đến.



Phép màu tại hồ BẾT-DA-THA

Nguyên tác: Ralph F. Wilson

Chuyển ngữ: Huệ Khải

Lời dẫn: Phúc Âm theo Thánh Lu-ca (3:23) cho biết: *Khi Đức Giê-su khởi sự rao giảng, Người trạc ba mươi tuổi.* Trước khi hy sinh trên thập giá, trong khoảng vài năm rao giảng Tin Mừng, Chúa làm nhiều phép màu. Có một phép màu được Phúc Âm theo Thánh Gio-an (5:1-15) chép như sau:

Sau đó, nhân dịp lễ của người Do Thái, Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem. Tại Giê-ru-sa-lem, gần Cửa Chiên,⁽¹⁾ có một hồ nước, tiếng Híp-ri⁽²⁾ gọi là Bết-da-tha. Hồ này có năm hành lang. Nhiều người đau ốm, đui mù, què quặt, bất toại⁽³⁾ nằm la liệt ở đó, (chờ cho nước động, vì thính thoảng có thiên thần xuống hồ khuấy nước lên; khi nước khuấy lên, ai xuống trước, thì dù mắc bệnh gì đi nữa, cũng được khỏi). Ở đó, có một người đau ốm đã ba mươi tám năm. Đức Giê-su thấy anh ta nằm đấy và biết anh sống trong tình trạng đó đã lâu, thì nói: “Anh có muốn khỏi bệnh không?” Bệnh nhân đáp: “Thưa Ngài, khi nước khuấy lên, không có người đem tôi xuống hồ. Lúc tôi tới đó, thì đã có người khác xuống trước mất rồi!” Đức Giê-su bảo: “Anh hãy trỗi dậy, vác chõng mà đi!” Người ấy liền được khỏi bệnh, vác chõng và đi được. Hôm đó lại là ngày sa-bát.⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Cửa Chiên (the Sheep Gate): Bản King James ghi là the sheep market (chợ bán cừu).

⁽²⁾ tiếng Híp-pri: Tiếng Do Thái (Hebrew).

⁽³⁾ bất toại: Không thuận theo ý muốn. Thường nói là bán thân bất toại 半身不遂, nghĩa là nửa thân mình tê liệt, không thể cử động theo ý muốn (hemiplegia; paralysis of one side of the body).

⁽⁴⁾ ngày sa-bát: Theo nghi lễ đạo Do Thái, đây là ngày thứ bảy cuối tuần, mọi người không được làm việc để tưởng nhớ Thiên Chúa đã tạo dựng muôn loài trong sáu ngày và nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy. Người Hoa dịch là an tức nhật 安息日 (ngày ngơi nghỉ an nhàn).

Người Do Thái mới nói với kẻ được khỏi bệnh: “Hôm nay là ngày sa-bát, anh không được phép vác chõng!” Nhưng anh đáp: “Chính người chữa tôi khỏi bệnh đã nói với tôi: Anh hãy vác chõng mà đi!” Họ hỏi anh: “Ai là người đã bảo anh vác chõng mà đi?” Nhưng người đã được khỏi bệnh không biết là ai. Quả thế, Đức Giê-su đã lánh đi, vì có đám đông ở đấy. Sau đó, Đức Giê-su gặp người ấy trong Đền Thờ và nói: “Này, anh đã được khỏi bệnh. Đừng phạm tội nữa, kẻo lại phải khốn hơn trước!” Anh ta đi nói với người Do Thái: Đức Giê-su là người đã chữa anh khỏi bệnh.

Dựa theo đoạn Phúc Âm dẫn trên, họa sĩ Bartolomé Esteban Murillo (Tây Ban Nha, 1617-1682) khoảng những năm 1667-1670 đã vẽ bức sơn dầu *Đức Ki-tô Chữa Người Bị Liệt Tại Hồ Bết-da-tha* (*Christ Healing the Paralytic at the Pool of Bethesda*).

Còn mục sư Wilson thì viết thành câu chuyện *Chữa Lành Phân Nửa Tại Hồ Bết-da-tha* (*Half-Healing at the Pool of Bethesda*) và đặt tên cho người vô danh thọ ơn Chúa là A-ma-sai. Tại sao lại *chữa lành phân nửa*? Tại sao lại là A-ma-sai mà không là người nào khác? Đó chính là điểm nhấn (*emphasis*) của câu chuyện do Wilson kể lại sau đây.

Ralph F. Wilson kể chuyện như sau

Hôm nay Đức Giê-su chăm chú nhìn một trong số những người đau khổ ở Giê-ru-sa-lem. Kẻ thất cơ lỡ vận, què quặt, và tội lỗi nặng nề này chẳng phải là một ứng viên lý tưởng để được ban phép mầu.

A-ma-sai sống tàn phế ba mươi tám năm, một phần đời dài nhất của ông ta. Nếu có điều gì mô tả A-ma-sai, thì đó là bệnh bại liệt. Đôi chân bị liệt quá lâu đến nỗi chúng hóa ra khảng khiu, teo tóp, héo rũ. Chẳng có chút sinh lực nào ở chúng cả.

Một số người tàn phế đi xin ăn để kéo dài kiếp sống lây lất. Những người khác thì làm một nghề nào đó, nếu họ còn sức khỏe và đủ khéo tay. Nhưng A-ma-sai cứ buông trôi năm tháng trên manh chiếu cạnh hồ nước công cộng, mòn mỏi đợi chờ, vô công vô dụng và phiền não chán chường. Mỗi sáng có người mang ông ra hồ. Mỗi tối có người mang ông về nhà.

Nằm ngay phía Bắc những bức tường của Đền Thờ, hồ Bết-da-tha gồm hai hồ được các dòng suối tiếp nước. Hồ phía Nam đủ nông cho



Đức Ki-tô Chữa Người Bị Liệt Tại Hồ Bết-da-tha
(*Christ Healing the Paralytic at the Pool of Bethesda*).

Sơn dầu trên gỗ. Bartolomé Esteban Murillo
(Tây Ban Nha, 1617-1682), vẽ khoảng những năm 1667-1670.

người ta Chuỗi xuống. Bốn phía chung quanh hồ là những cây cột cao
nghệu đỡ lấy mái vòm để che mát trong những ngày dài nóng bức.

Khách hành hương tới Giê-ru-sa-lem tìm đến hồ để tẩy trần cho tinh
khiết theo nghi lễ. Nhưng hầu hết những người có mặt tại hồ hôm nay
đều tàn tật: mù lòa, què quặt, liệt bại.

Họ tụ tập ở đây vì truyền thuyết kể rằng thỉnh thoảng một thiên thần
sẽ tới khuấy động nước hồ. Liên sau đó, người tàn tật nào có thể Chuỗi
xuống nước trước tiên sẽ được chữa lành.

Nhưng bá tánh quá đông, có lúc lên đến hằng trăm kẻ bệnh người què chực chờ sự kiện ấy. Họ thường xuyên bám trụ, mỗi người chiếm cứ một chỗ riêng, mà phần nhiều ở trong bóng râm không quá xa mép hồ. Những lúc nước hồ thỉnh linh sủi bọt, đám đông lại nháo nhào lao xuống.

A-ma-sai chẳng bao giờ là kẻ trước tiên, thậm chí là được kể cận. Bởi lẽ ông què quặt, cần có người giúp xê dịch, mà chẳng ai giúp cả. Không có bạn bè nào chen vào và thả ông xuống nước. Thế nên, dù ngày lại ngày đều có mặt bên hồ, A-ma-sai chưa hề được chữa lành.

Vào cái ngày đặc biệt này, như một phần an bài của trời đất, Đức Giê-su rời khỏi Đền Thờ và sải bước về phía hồ Bết-da-tha. Trước đây Chúa từng ở đó, nhưng hôm nay Chúa đang tìm một kẻ mà Cha Người sẽ chỉ dẫn. Chúa bước lại gần A-ma-sai rách rưới, đang nằm bẹp trên chiếu, gắng gượng cho qua ngày đoạn tháng.

Không ai nhận ra Đức Giê-su, dù bấy giờ Chúa đã nổi tiếng ở Giê-ru-sa-lem. Đến chỗ A-ma-sai nằm, Chúa ngồi xỏm xuống để gần tầm mắt kẻ tàn tật hơn, và hỏi:

“Ông có muốn lành bệnh không?”

Ôi, một câu hỏi kỳ cục! Đương nhiên người bệnh nào cũng muốn được chữa lành. Nhưng dù sao Đức Giê-su vẫn hỏi. Các bạn biết đây, có những người quá để tâm vào tật bệnh bản thân hay khó khăn rắc rối của mình đến nỗi cho dù họ bảo rằng họ muốn thoát khỏi nó, song vì được người khác chú ý, xót thương nên rút cuộc họ thật sự chẳng muốn thoát khỏi nó chút nào.

Bằng câu hỏi ấy, Đức Giê-su muốn A-ma-sai trò chuyện.

A-ma-sai đáp: “Thưa ngài, chẳng ai giúp tôi xuống hồ khi nước bị khuấy động. Trong lúc tôi đang ráng sức lết tới thì kẻ khác đã xuống hồ trước tôi rồi.”

Đức Giê-su nhìn sâu vào tận tâm hồn A-ma-sai. Chúa không thấy một chút gì giá trị. Chúa không thấy một người can đảm giáp mặt bệnh tật đời mình. Thậm chí Chúa không thấy một người tốt lành về căn bản. Thay vào đó, Đức Giê-su nhìn thấy một tội lỗi thâm căn cố đế vốn là cội rễ của mọi tật bệnh ông ta đeo mang. A-ma-sai là một tội nhân ích kỷ, già nua, thảm hại, là kẻ chẳng có tương lai và không còn hy vọng, ngoại trừ trông cậy vào ơn Chúa.

Đức Giê-su nhìn A-ma-sai rồi đứng thẳng người lên, và bằng giọng nói đầy quyền uy của Thượng Đế, Chúa ra lệnh: “Hãy trở dậy! Hãy nhặt lấy chiếu mà bước đi!”

Hốt nhiên, A-ma-sai được chữa lành. Một A-ma-sai suy nhược và héo rũ thành linh cảm nhận được sức mạnh như cơn lũ tràn dâng trong thân thể, trong hai chân, và ông ta đứng phắt dậy. Rồi cúi xuống nhặt manh chiếu cặp vào nách, ông ta bắt đầu bước đi.

Mọi người chung quanh A-ma-sai biết rằng đã xảy ra chuyện gì đó. Họ xôn xao, và ai còn đi được thì đổ xô tới ông ta.

Đức Giê-su lùi lại. Chúa không ở đó để cho bá tánh chú ý. Chúa ở đó để chữa lành một kẻ hoàn toàn không xứng đáng được cứu chữa.

Thiên hạ bủa vây lấy A-ma-sai. Khi ông cố thoát ra khỏi khoanh sân, thì mấy ông Do Thái nghiêm khắc, có lẽ là người Pha-ri-sêu,⁽⁵⁾ chặn ông lại: “Hôm nay là ngày sa-bát. Vào ngày thánh thiêng của Thượng Đế, ông không được phép mang vác bất kỳ thứ gì, hà huống là giường chiếu. Như thế là trái Luật Trời.”

Sửng sốt, A-ma-sai đổ lỗi cho người ơn của mình: “Cái ông chữa lành cho tôi bảo tôi nhặt chiếu lên mà mang đi.”

Họ hỏi: “Đó là ai? Tên gì?”

A-ma-sai đáp: “Tôi không biết.”

Sau đó, A-ma-sai ra Đền Thờ tạ ơn được chữa lành. Đức Giê-su đang dạy đạo ngoài sân đền. Trông thấy A-ma-sai, Chúa ngưng bài giảng và bước tới bảo: “Này, ông khỏe mạnh lại rồi. Đừng phạm tội nữa, kéo có sự tệ hại hơn trước sẽ xảy đến cho ông.”

Điểm nhấn của Ralph F. Wilson là gì?

1. Trong câu chuyện kể trên, mục sư Wilson nhấn mạnh chi tiết A-ma-sai không có chút gì xứng đáng để được Đức Giê-su cứu chữa; nhưng Chúa đã ban ơn cho kẻ hoàn toàn không xứng đáng ấy.

Dụng tâm của tác giả nhấn mạnh chi tiết ấy khiến tôi nhớ lại, thỉnh

⁽⁵⁾ Pha-ri-sêu: Nhóm tín đồ đạo Do Thái thông thạo luật lệ, luôn câu nệ luật lệ, tự cao tự đại, tự cho họ thánh thiện, nhưng sống giả dối, tách biệt người nghèo và người ngoài đạo Do Thái.

thoảng có dịp cùng dự thánh lễ với quý anh chị Ki-tô hữu, thường có một lời cầu nguyện của cộng đoàn luôn làm tôi xúc động: *Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự vào nhà con; nhưng xin Chúa phán một lời thì linh hồn con sẽ lành mạnh*. Tuy nhiên, điều này lại khiến người ta dễ ngộ nhận rằng Ki-tô hữu chỉ trông cậy tha lực mà thiếu tự lực.

2. Trong nhan đề bản tiếng Anh, Wilson viết là *Half-healing* (chữa lành phân nửa). Đức Giê-su đầy quyền năng sao chỉ chữa lành phân nửa? Tại sao A-ma-sai chỉ được chữa lành năm mươi phần trăm?

Lời Chúa dạy A-ma-sai ở cuối câu chuyện giúp chúng ta trả lời thỏa đáng câu hỏi nêu trên:

2.1. Nỗi thống khổ ba mươi tám năm A-ma-sai đeo mang không phải do Trời phạt. Thượng Đế hay Thiên Chúa đại từ đại bi, lúc nào cũng thương xót chúng sanh; vậy thì thường phạt con người là do Luật Trời chí công vô tư tác động. Luật ấy cũng gọi là *nhân quả báo ứng*. Do quá khứ tích chứa rất nhiều tội lỗi (*gieo nhân xấu*) nên hiện tại A-ma-sai phải chịu đau khổ ba mươi tám năm đắng đắng (*trả quả xấu*). Nếu Đức Giê-su không đến với A-ma-sai, thì ông ta ắt sẽ còn phải lầy lắt sống thừa lâu dài thêm nữa.

2.2. Ông Chúa chữa lành cho kẻ không xứng đáng là để giúp con người tội lỗi thức tỉnh, thành tâm sám hối, cải tà quy chánh. Y có dứt khoát từ bỏ quá khứ tối tăm thì mới không phải nhận lãnh những quả báo xấu sẽ quay trở lại với cường độ còn mãnh liệt hơn, dữ dằn hơn; thế nên Đức Giê-su cảnh báo: *Đừng phạm tội nữa, kẻo có sự tệ hại hơn trước sẽ xảy đến cho ông*.

Tóm lại, chỉ khi nào A-ma-sai thành tâm sám hối và vĩnh viễn cải tà quy chánh thì bấy giờ ông ta mới thật sự được chữa lành trọn vẹn một trăm phần trăm. Ông Chúa (*tha lực*) là năm mươi, và phần *tự lực* với ý chí của ông là năm mươi.

Nhiều Lộc, 03-3-2019

Sửa chữa 04-4-2019

Huệ Khải



Con đường đến với Thượng đế trong "CHỈ TÔN CA"

Võ Tiến Triều

I. Dẫn nhập

Nói về hai sử thi nổi tiếng là: Mahabharata và Ramayana. Người Ấn có câu: *"Cái gì không có trong đó thì cũng không có bất cứ nơi nào trên đất Ấn Độ"*

Ramayana là bộ sử thi có ảnh hưởng sâu sắc đến người Ấn, từ dân trí thức đến người mù chữ đều biết sử dụng, nó còn được coi là tác phẩm văn học kiệt xuất, thậm chí được xem như bản kinh thánh của người Hindu. Ramayana được viết bằng tiếng Phạn cổ bởi nhà thơ Valmiki khoảng thế kỉ 3 - 4 TCN, toàn bộ sử thi nói về tình yêu giữa chàng hoàng tử Rama và người vợ chung thủy Sita. Tác phẩm ngợi ca chiến công và đề cao đạo đức của chàng Rama đồng

thời nói về mẫu người phụ nữ cổ Ấn Độ thánh thiện, nhân hậu, quả quyết và hi sinh quên mình. Giá trị lớn nhất của tác phẩm là lòng hướng thiện, yêu hòa bình, đề cao tinh thần công bình bác ái.

Mahabharata là tác phẩm của Vyasa, viết bằng tiếng Phạn cổ Ấn Độ, nội dung cơ bản của bộ sử thi này là các câu chuyện về cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai dòng họ Kaurava và Pandava, cả hai đều là dòng dõi vua Bharata, để cướp vương quốc mà kinh đô là Hastinapura vào khoảng thế kỉ 11 TCN đến thế kỉ 10 TCN. Do đó tên Mahabharata có nghĩa là "Các truyện vĩ đại của triều đại nhà Bharata".

Bhagavat Gita gồm 700 câu

nằm biệt lập trong trường ca Mahabharata, vì được sử dụng dạng thơ mang nhiều ẩn dụ, so sánh nên gọi là “*Bài hát của Đấng Tối Cao*” hay là “*Chí Tôn Ca*”. Đó là cuộc đối thoại giữa Krishna (*hiện thân của Thượng Đế trong đạo Hindu*) và Arjuna (*Người chinh phục mọi kẻ thù*) trong chiến tranh. Sự tồn tại của Chí Tôn Ca chính là lời kêu gọi xóa bỏ lòng bất tín trong cuộc chiến tranh này.

Chí Tôn Ca phần lớn nói về Yoga và nó được miêu tả bằng một cách nhìn thống nhất đó là sự thanh thản của đầu óc, khéo léo trong hành động và khả năng tự điều chỉnh bản thân. Theo lời Krishna, nguồn gốc của tất cả khổ đau và bất hòa là sự xao động của đầu óc gây ra bởi những ham muốn ích kỷ. Cách duy nhất để tắt đi ngọn lửa của ham muốn là cùng lúc tĩnh lặng đầu óc thông qua tự kỷ luật, xem xét lại mình để tu luyện, hướng đến mục đích cuối cùng là Thượng Đế.

II. Con đường đến với Thượng Đế

Krishna tóm tắt các pháp Yoga thông qua 18 chương trong đó có bốn loại Yoga - Raja Yoga (*Thiền định về tâm thức*), Karma Yoga (*Hành động vị tha*), Jnana

Yoga (*Minh Triết*) và Bhakti Yoga (*Lòng mộ đạo*).

Đây là bốn con đường dành cho hành giả nương theo, tu luyện bản thân để trở về với Thượng Đế, nguồn gốc của vũ trụ.

1. Thiền định về tâm thức (Raja Yoga):

Raja Yoga là sự tĩnh lặng đầu óc và cơ thể thông qua các kỹ thuật thiền định, hướng đến việc nhận ra bản chất thực sự của một người.

Đi đường này hành giả nên đến một nơi biệt lập, chỗ ngồi không nên quá cao, không nên quá thấp và được đặt ở một nơi linh thiêng. Hành giả nên ngồi vững chắc để làm trong sạch trái tim bằng cách điều khiển trí óc, các giác quan, các hoạt động và tập trung trí óc vào một điểm. Hành giả phải giữ cho cơ, cổ, và đầu trên cùng một đường thẳng và nhìn chăm chú và chót mũi. Do đó, với một đầu óc không một chút xao động, tĩnh lặng, không sợ hãi, hoàn toàn tự do khỏi ham muốn nhằm thiền định về Thượng Đế từ bên trong trái tim và làm cho Thượng Đế trở thành mục đích tối thượng của cuộc đời.

Trong Chí Tôn Ca Chương 9 mục 12 đấng Krishna nói: “*Khát*

vọng của chúng vô ích, hành động của chúng vô ích, kiến thức của chúng vô ích, trí tuệ của chúng lằm lạc, chúng nuôi dưỡng một khí chất dốt nát và lằm lỏi”

“Người nào thờ phụng Thần Thánh đến với Thần Thánh, người nào thờ phụng tổ tiên đến với tổ tiên, kẻ nào thờ phụng quỷ thần thì đến với quỷ thần, con người thờ phụng Ta sẽ đến với Ta”

Đi con đường này phải **buông bỏ** những vật chất và ham muốn tầm thường, đi với tinh thần tĩnh lặng, tư tưởng, tâm lòng hướng về và hiệp nhất với Thượng Đế thì sẽ được Ngài dẫn lối.

2. Hành động vị tha (Karma Yoga):

Karma Yoga là con đường mang chủ trương khi có hoạt động, con người mới thực sự hợp nhất với Thượng Đế.

Đức Krishna trong Chí Tôn Ca có nói: *“Người vô minh hành động với lòng tham dục, còn bậc hiền giả hành động với mục đích phụng sự nhân loại và không tham luyến bất cứ điều gì cho riêng mình”*

Hành giả đi trên con đường này thay vì từ bỏ của cải vật chất, trốn vào rừng sâu núi thẳm để tìm sự

binh an, họ phải biết thay đổi nội tâm và biến nó thành sự thanh tịnh để tu tập. Nhờ biết chuyển hóa nội tâm mà họ chấp nhận mọi nghiệp chướng của luật nhân quả. Vậy nên họ sẽ không bỏ bê phận sự đối với gia đình, xã hội, đất nước mà sẽ hành động với một tinh thần mới cho đến khi loại bỏ được bản ngã. Họ từ bỏ các ham muốn để đạt đến trạng thái an lạc: không vui, không buồn, không lo, không sợ, không ao ước, không mong cầu. Tất cả những bản ngã thấp hèn đều được chuyển hóa bằng trái tim thuần khiết, thành thật.

Để đạt được giải thoát thật sự trên con đường này điều quan trọng là phải điều khiển được các ham muốn về tinh thần, xu hướng hưởng thụ các thú vui liên quan đến các giác quan.

Trong Chí Tôn Ca đáng Krishna nói:

“Khi một người để đầu óc của mình vào những giác quan, sự vướng bận vào chúng sẽ sản sinh. Từ vướng bận nảy sinh lòng ham muốn và từ ham muốn nảy sinh giận dữ. Từ giận dữ sẽ nảy sinh bối rối, từ bối rối đến mất trí nhớ; và từ mất đi trí nhớ, là sự hủy diệt của sự thông minh và từ sự hủy diệt của trí thông minh anh ta sẽ

bị diệt vong”

Đề đạt đến cuối con đường hành giả: *“Hãy vui vẻ, thản nhiên, khi việc đến thì làm, khi việc không đến thì ngồi yên, bình thản trước mọi thăng trầm của cuộc đời”*

3. Minh triết (Jnana Yoga):

Jnana Yoga là quá trình học tập để phân biệt giữa cái có thật và cái không thật, cái vĩnh cửu và cái không vĩnh cửu. Thông qua sự tiến triển đều đặn trong việc nhận thức ra được cái gì là thực và cái gì là thông thực, cái gì là vĩnh cửu và cái gì là tạm thời để phát triển trở thành một Minh triết. Đây là một con đường quan trọng của sự phát triển kiến thức và biết phân biệt sự khác nhau giữa linh hồn bất tử và cơ thể.

Krishna nói rằng không có lý do gì để thương tiếc người đã mất, Ngài quan niệm linh hồn như Lửa không thể nào đốt, nước không làm ướt, và gió không làm khô. Vì linh hồn đi từ cơ thể này sang cơ thể khác giống như một người cởi bỏ áo quần đã cũ và mặc lên bộ áo quần mới.

“Những người đã nhìn thấy bằng con mắt của kiến thức về sự khác nhau giữa cơ thể và cái biết của cơ thể, cũng có thể hiểu

được quá trình giải thoát khỏi các vướng bận thuộc về vật chất thì đã đạt được mục đích tối thượng.”

Trong cuốn sách Bên rặng Tuyết Sơn của Swami Amar Jyoti được Nguyễn Phong dịch có nói qua hai giai đoạn: Thu thập kiến thức và cuối cùng đến Minh Triết. Tác giả phân tích rất rõ ưu điểm cũng như những điều cần tránh khi đi theo con đường này để đến với Thượng Đế

Thu thập kiến thức là tìm thấy nguồn vui qua các ý tưởng thanh cao, thâm sâu trong kinh sách mà nhờ nghiên cứu, học hỏi vì khao khát được tìm hiểu nguồn gốc nhân sinh, vũ trụ và các điều bí ẩn trong thế giới. Nhưng nhược điểm con đường này là vì quá say mê nên họ thường bị lạc vào mê lộ của tri thức, vì ham mê mà họ không ngừng tìm kiếm, khám phá, nghiên cứu từ việc lớn đến việc nhỏ, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, từ thế giới này đến thế giới kia mà họ quên mất mục đích cao cả lúc ban đầu là về với Thượng Đế. Có thể nói đây là “bệnh tri thức” của những người đi trên đường này và nên nhớ việc thu thập tri thức chỉ là phương tiện để hỗ trợ cho con đường cao hơn là Minh Triết.

Minh Triết không phải là kiến thức mà là sự hiểu biết trực tiếp những chân lý hằng có trong vũ trụ. Đó là sự nhận biết khả năng vô biên của Thượng Đế, sự hiểu biết bản chất của Đấng tối cao trong muôn loài. Quan trọng hơn, minh triết đòi hỏi sự hiểu biết đặc biệt, uyên bác và sâu sắc qua việc tu luyện, tự kỷ luật bản thân chứ không phải chỉ thu thập các kiến thức. Và *“Sự hiểu biết bất toàn là kiến thức, sự hiểu biết toàn vẹn là minh triết”*

Tóm lại con đường tu luyện Minh triết (Jnana Yoga) là sự thu thập kiến thức, để phát triển khả năng suy luận, khám phá đồng thời nhờ kiểm soát tâm và thân qua kỷ luật tự giác, tự quán sát nhằm đưa cái bản ngã nhỏ bé hòa hợp với cái Đại ngã bất diệt.

4. Lòng mộ đạo (Bhakti Yoga):

Lòng mộ đạo thể hiện qua 2 quan điểm chính: Đức Tin và Tình Thương

Đức tin: Đi trên con đường này phải siêng năng cầu nguyện, giúp tâm trí tập trung vào hình ảnh Thượng Đế để không bị dục vọng và ham muốn lôi kéo. Tin tưởng Thượng Đế một cách tuyệt đối và không thể sống mà thiếu

đức tin, dù chỉ chốc lát.

Tình thương: Trong Chí Tôn Ca đức Krishna nói: *“Kẻ nào không biết yêu thương, kẻ đó không thể gặp Thượng Đế”*. Thực hiện điều này hành giả phải ăn uống tinh khiết và phải nhớ rằng: Ăn uống các thứ mang tính sát hại là chà đạp lên tình thương vì tất cả sự sống đều có nguồn gốc từ Thượng Đế.

Đi theo lòng mộ đạo hành giả sẽ sống trong niềm hân hoan và hạnh phúc, thân sống ở cõi trần nhưng tâm đã bơi lội trong biển tình thương của Thượng Đế. Và đương nhiên hành giả sẽ không tìm lợi ích cho bản thân mình mà phải biết ban rải ân phước này cho những người xung quanh hay nói cách khác là phát triển lòng bác ái để giúp đời. *“Quên mình, giúp người nên đạo”* là cách để **diệt** lòng ham muốn, ích kỷ.

Nói một cách đơn giản, lòng mộ đạo là phụng sự trong tình thương và dâng trọn đức tin với Thượng Đế.

“Hãy để yên đầu óc hướng về Ta, thành tâm với Ta, phụng sự Ta, cúi lạy Ta, và chắc chắn anh sẽ đạt đến Ta. Ta hứa với anh bởi vì anh là người bạn mà ta yêu quý”

III. Kết luận

Đã bao thế kỷ đã qua, dù trong thế giới tôn giáo có khi thăng, khi giáng, có lúc trầm, lúc bổng nhưng Chí Tôn Ca chưa bao giờ giảm đi sức ảnh hưởng của nó với người Ấn Độ nói riêng và thế giới tôn giáo nói chung. Nó đã len lỏi và hằn sâu vào trí thức của người dân, cũng như mang đầy âm hưởng đạo đức, thiện lành đến với tín chúng. Cho đến tận hôm nay người ta vẫn nghiên cứu nó, tụng đọc nó, thiền định về nó như một thứ không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại này.

Vậy nên dù hành giả có chọn con đường tu luyện nào đi chăng nữa thì phải biết đến mục đích cuối cùng của mình hướng đến là giải thoát, phải vượt qua những chông gai, thử thách đầy khảo đảo, phải vững tâm, đầy tình thương, tin tưởng pháp môn nơi mình tu luyện. Và cốt yếu hơn vẫn là tự mình hiểu lấy chính mình và thường xuyên quán sát thân tâm để tu luyện, để hợp nhất với Đại ngã - Thượng Đế tối cao.

Tài liệu tham khảo:

- *Mahabharata cùng với Chí Tôn Ca* - Cao Huy Đình, Phạm Thúy Ba, Nguyễn Quế Dương dịch - NXB Văn Học - 2004
- *Bhagavad Gita - Chí Tôn Ca, Mahabharata, Ramayana* theo Wikipedia
- *The Ramayana* - R.K.Narayan - NXB Đà Nẵng dịch
- *Bên rừng tuyết sơn* - Swami Amar Jyoti - Nguyễn Phong dịch - NXB Hồng Đức 2018





1. THẤU CẢM LÀ GÌ?

Thấu cảm không chỉ là thông cảm hoặc đồng cảm, mặc dù có sự liên quan giữa các trạng thái tâm lý này. Tiếng Việt ta có nhiều từ “thấu” rất hay như thấu hiểu, thấu đáo, đau hay lạnh thấu xương thấu tủy. Thấu có nghĩa là xuyên suốt, toàn diện, thấm nhuần, hòa lẫn, hòa nhập, giao thoa trọn vẹn. Vậy thấu cảm là sau khi cảm nhận, hiểu biết thấu đáo, hiểu tận ngọn nguồn, có sự thông cảm và đồng cảm khi chủ thể thâm nhập sâu hơn và hòa nhập vào tâm người đối diện như thể làm một.

Thấu cảm chứa đựng một chuỗi các trạng thái tâm lý thể hiện sự cảm nhận và hiểu biết sâu sắc của mình về người khác, có biểu hiện thương yêu chia sẻ với người khác như thể ta đang ở vào tình huống ấy và phải giải quyết vấn đề mà người kia đang gặp phải. Từ đó, người thấu cảm mở rộng tâm cảm thông, thương yêu, bao dung thông qua các biểu hiện như an ủi, chăm sóc người khác và có thiện chí giúp họ giải quyết vấn đề. Khi có những tình cảm trải nghiệm trùng hợp với cảm xúc người khác, hiểu sâu sắc những gì người ấy suy nghĩ hay cảm nhận, lý giải được cách họ phản ứng, chúng ta sẵn lòng chấp nhận và trợ duyên họ nhiều nhất trong khả năng có thể.

Thấu cảm vượt lên cả thông cảm ở sự đặt đề vị trí giữa TA và NGƯỜI. Ở đó, thông cảm là có thể hiểu được tâm tư tình cảm, cách

phản ứng của người kia, nhưng vẫn còn phân biệt rõ ràng vị trí giữa TA và NGƯỜI, còn thấu cảm thật sự không còn tâm phân biệt TA - NGƯỜI nữa và vấn đề, khó khăn của người kia đã trở thành vấn đề chung mà chúng ta tình nguyện tham gia để cùng giải quyết.

2. ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÓ TÂM THẤU CẢM

Mặc dù về căn bản, thấu cảm có mặt trong mỗi con người từ khi ta còn bé, nhưng nó sẽ không “lớn” thêm nếu chúng ta không biết nuôi dưỡng. Chúng ta cần phát triển khả năng thấu cảm của bản thân để tập dần thành một thói quen sống biết chia sẻ, cảm thông và giúp đỡ người khác. Thấu cảm là khả năng chúng ta nhập vai người khác nhằm hiểu được cảm xúc và quan điểm của họ để rồi sử dụng khả năng thấu hiểu và cảm thông đó để định hướng hành động phù hợp cho người đối diện. Khả năng này được nuôi dưỡng và phát triển tốt nơi một người có những đặc tính sau:

a. Tâm bình thản

Đối tượng cần được hiểu và cảm thông là người đang có những vấn đề khó giải quyết. Chúng ta cần phải có trách nhiệm giúp người ấy xử lý vấn đề một cách hiệu quả nhất. Chỉ khi nào tâm bình thản, chúng ta mới nhìn rõ, nhìn bao quát, thấy sáng suốt và hành động hợp lý. Ví như một hồ nước trong thì có thể thấy tất cả những gì trong hồ, còn hồ nước đục thì không thấy được gì cả. Trong lúc đối tượng cần giúp đang trong tâm trạng bấn loạn, mất bình tĩnh, chúng ta cần bình tĩnh mới có thể tạo niềm tin cho người ấy, đủ bao dung để cảm thông, đủ sáng suốt để soi thấu vấn đề và tìm giải pháp hợp lý. Thấu cảm chỉ có thể được thiết lập nơi tâm bình thản, định tĩnh mà thôi.

b. Có khả năng đặt mình vào vị trí của người đối diện

Thấu cảm đòi hỏi phải có khả năng đặt mình vào vị trí người khác để hiểu rõ nguồn cơn, ngọn ngành để có thể nhìn thế giới từ quan điểm của người khác là một trong những yếu tố trung tâm của sự thấu cảm. Từ cái hiểu sâu sắc đó mới có cách ứng xử đúng đắn, phù hợp với lòng yêu thương thật sự xuất phát từ đáy con tim. Đối với người bán hàng thì thấu cảm là đặt mình vào vị trí người tiêu dùng để hiểu sau khi bỏ ra một khoản tiền như vậy, họ xứng đáng được sử dụng chất lượng sản phẩm, mẫu mã,

hình thức thế nào. Ai biết nghĩ như vậy sẽ có cái tâm thương người sử dụng và lấy chất lượng sản phẩm làm chuẩn mực chứ không phải chỉ biết lợi nhuận mà bất chấp tất cả. Người thầy thuốc biết đặt mình vào vị trí của bệnh nhân sẽ cảm thông sâu sắc với người bệnh để có thể thương bệnh nhân hơn, để có sự hợp tác tốt hơn và hiệu quả hơn trong điều trị.

c. Có lòng yêu thương rộng lớn

Người có lòng thương yêu, bao dung, đối với người chỉ muốn hiểu và cảm thông chứ không trách móc thì mới có thể phát triển khả năng thấu cảm. Một người ích kỷ thì không thể bước ra khỏi cái vòng thương chính bản thân mình, không quan tâm đến ai làm gì, chỉ biết đến mình, không được như ý mình muốn thì phàn nàn, trách móc mà thôi. Người có tâm hồn cần cỗi như vậy thì không thể nhìn vấn đề từ vị trí của người khác, nên không thể thấu cảm được. Một khi có lòng thương yêu và sáng suốt dành cho người khác, chúng ta biết mở lòng ra để mời người khác bước vào tâm mình, chúng ta sẽ cảm thấy an lạc và hạnh phúc nhiều hơn. Những tâm lý tiêu cực như không hài lòng, bực bội, trách hờn đều chạy trốn, như những sinh vật yếm khí không thể tồn tại dưới ánh sáng chói chang của mặt trời trí tuệ và yêu thương.

d. Ứng xử đúng đắn, phù hợp

Theo nguyên tắc “Hãy đối xử với người khác theo cách mà bạn muốn họ đối xử với bạn” thì cuộc sống trở nên nhẹ nhàng vô cùng. Đây là điều kiện cần thiết và là công đoạn cuối cùng của quá trình thấu cảm. Hiểu thấu, cảm thông để rồi chúng ta cần làm gì đó giúp người kia thì khả năng thấu cảm của chúng ta mới được ứng dụng thực tế. Do đó, khi đã đặt mình vào vị trí người đối diện, hiểu thấu vấn đề, chúng ta là người ngoài đang đóng vai để xử lý tình huống nên sẽ sáng suốt hơn, bình thản hơn để có thể giúp người kia có giải pháp tối ưu nhất cho vấn đề của họ. Người có nếp sống chừng mực, không bốc đồng, không thái quá bất cập, biết cân nhắc kỹ càng là người dễ dàng nuôi dưỡng tâm thấu cảm.

3. DIỆU DỤNG CỦA THẤU CẢM

Thấu cảm là cơ sở, là nền tảng để người ta không ngừng làm giàu vốn sống và hoàn thiện nhân cách bản thân mình hơn. Người thấu cảm mỗi

khi chia sẻ và trải lòng với người khác là một cơ hội để trở thành người tốt hơn. Thấu cảm là món quà tuyệt vời dành cho mỗi con người chúng ta và đồng hành cùng chúng ta trong cuộc đời này. Điều đáng nói ở đây là khi thấu cảm càng được sử dụng, khả năng này càng nhạy bén và tinh tế, chúng ta càng nhận được những điều dụng do thấu cảm đem lại.

a. Thấu cảm để sống thiện lành

Khi thấu cảm trọn vẹn giữa ta và người diễn ra, ta hoàn toàn có thể cảm nhận thay, nghĩ thay, hiểu thay tâm trạng của người khác. Trên cơ sở này, người thấu cảm nổi khiếp sợ và khổ đau của một chúng sanh trước cái chết sẽ không giết hại sinh mạng. Tương tự như vậy, nếu thấu cảm sự bất an, đau khổ và nhiều hệ lụy liên quan từ việc mất mát tài sản mà một người phải làm việc vất vả lắm mới có được, người ta không trộm cướp. Người thấu cảm nỗi khổ đau của người bị phụ tình, bị lừa dối, không chung thủy sẽ không bao giờ phá vỡ hạnh phúc hôn nhân của người khác. Người nào thấu cảm được nỗi bất an và phiền toái do hậu quả của lời nói không chân thật, lời nói thêu dệt, lời nói đâm thọc và lời nói thô ẩn chứa ác ý gây ra sẽ không bao giờ sử dụng lời nói như một thứ vũ khí lợi hại gây tổn thương người khác. Người nào thấu cảm được hậu quả tệ hại do một người say rượu gây ra sẽ có cách giữ mình ra khỏi sự cám dỗ của rượu bia để không phải làm khổ bản thân và khổ người thân của mình.

Tâm lý thấu cảm được hình thành qua nhiều tình huống trong cuộc sống, có khi chính bản thân mình từng là nạn nhân thì tâm lý thấu cảm càng sâu sắc hơn. Trên cơ sở thấu hiểu tâm trạng của người khác, của sinh vật khác, ta có động cơ và mục đích để chọn đời sống đạo đức thanh cao, tối thiểu là dựa trên năm nguyên tắc đạo đức dành cho người tại gia mà đức Phật đã chế định.

b. Thấu cảm để thương yêu rộng lớn hơn

Có lòng yêu thương rộng lớn mới có thể phát triển khả năng thấu cảm, đồng thời thấu cảm trở lại nuôi dưỡng lòng thương yêu rộng lớn này. Đây là hai phương diện không thể tách rời nhau của một con người có hiểu và thương. Khi thấu cảm, tâm chúng ta có tình thương yêu không phân biệt, không mang tính trao đổi, không núp bóng dưới cái ngã vị kỷ nào. Khi có tâm thấu cảm, chúng ta có thể thương cả

những người tham lam. Ta hiểu rằng, họ đang bị tâm tham sách nhiễu, điều động và học hành. Chính họ cũng đau khổ như chính bản thân ta vậy. Cảm nhận như vậy, tâm thấu cảm giúp chúng ta hóa giải mọi phân biệt bỉ thử, đổ kỵ hẹp hòi mà những gì còn lại là tình thương yêu dành cho tất cả những ai bị tâm tham chi phối, trong đó có bản thân mình, và có cả người trực tiếp hoặc gián tiếp làm mình bị tổn thương.

Người thấu cảm có đủ tâm bao dung để tha thứ cho người như thể tha thứ cho chính mình vì họ hiểu rằng, ai trong chúng ta, không lúc này thì lúc khác, đều mắc phải lỗi lầm. Ta chấp nhận lỗi lầm là một phần của cuộc sống để từ đó, tự hoàn thiện hơn thì người khác cũng vậy. Chấp nhận điều này, việc tha thứ cho nhau là điều không phải quá khó vậy. Đây là biểu hiện của tình thương thuần túy, chân thật, thương người như thể thương chính bản thân mình.

c. Thấu cảm để dần tập sống vô ngã vị tha

Thấu cảm là thành công trong việc hòa nhập hoàn toàn khi đặt mình vào hoàn cảnh của người đối diện, vượt lên cả hiểu, thương, thông cảm và đồng cảm, là sự hòa nhập dung thông giữa cái “ta” và “người”. Đức Phật dạy tất cả chúng ta đều có những nỗi khổ niềm đau giống nhau khi mang thân người. Do Ngài thấu hiểu nỗi khổ đau này là chung, không của riêng ai, giữa Ngài và người khác không còn biên giới nữa, Ngài có sự thấu cảm sâu sắc với tất cả mọi người. Trong thấu cảm, có sự tương giao sâu sắc, giao thoa hòa nhập hoàn toàn, không thấy sự khác nhau giữa chủ thể và đối tượng nữa. Khi tâm đã cảm được nỗi khổ niềm đau của người khác một cách thấu đáo, ta chỉ thấy khổ đau là điều cần phải chấm dứt, không phân biệt là ta khổ hay người khổ. Khổ đau của người cũng chính là khổ đau của mình. Khi khổ được chuyển hóa rồi, niềm an lạc có mặt, thì niềm vui của người cũng trở thành niềm vui của mình.

Khi một người thể hiện sự thấu cảm của mình, đối tượng cảm nhận được sự quan tâm và thấu hiểu của người ấy, mối quan hệ trở nên gần gũi, thân thiết hơn, cõi lòng cảm thấy ấm áp hơn khi có người hiểu và thay mình nói hộ nỗi lòng. Ranh giới ta-người xóa nhòa và tinh thần vô ngã hoàn toàn được thiết lập trong xã hội. Bấy giờ, thay vì để tâm phân biệt, hơn thua, chấp người chấp ta, chúng ta hiểu rõ sự vận hành

của tâm mình và thấu hiểu tâm người thông qua kinh nghiệm bản thân để góp phần chuyển hóa cuộc sống ngày càng tươi đẹp thêm.

d. Thấu cảm để con người xích lại gần nhau hơn

Con người bình thường có thể thấu cảm ở một mức độ nào đó với nhiều người, nhưng thấu cảm trọn vẹn, sâu sắc thì chỉ có thể với một vài đối tượng mà thôi. Kinh nghiệm thấu cảm trọn vẹn chỉ có được với một số người trong những mối quan hệ đặc biệt. Trong gần gũi, thân thiết, thấu cảm được thiết lập, và rồi chính thấu cảm nuôi dưỡng mối quan hệ ấy ngày càng gắn kết nhiều hơn. Khi mình cảm nhận được sự thấu cảm từ người khác, nghĩa là mình được hiểu, được thương, rõ ràng là chúng ta cảm thấy an toàn để chia sẻ những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc với đối tác của mình và tin rằng họ thực sự quan tâm những điều chúng ta đau đớn, trăn trở những nỗi khổ niềm đau của chúng ta như chính của bản thân họ. Ta có thể cảm thấy hạnh phúc, ấm áp và thân mật trong mối quan hệ ấy và thấy con người càng gần gũi nhau hơn.

Hầu hết, những người đạt đến độ thấu cảm cao có thể hiểu được vấn đề người kia muốn nói dù chưa mở lời, hoặc hiểu được cách phản ứng của đối tượng trong những tình huống cụ thể nào đó. Thấu cảm là sự hòa nhịp đến mức hoàn hảo của con tim và trí óc giữa hai hay nhiều người, là sự cộng hưởng tinh tế giữa hai tâm hồn. Nhờ đó thấu cảm có thể gắn kết con người và con người trong xã hội lại với nhau.

4. TU TẬP ĐỂ CÓ THẤU CẢM

Kỹ năng thấu cảm cần được tu tập từng bước để dần thuần thực, cụ thể qua ba giai đoạn trong quá trình thấu cảm: đầu tiên, chúng ta cảm nhận; sau đó, cảm nhận và hiểu; cuối cùng, cảm nhận, hiểu và bắt buộc phải hành động dựa trên sự hiểu biết của mình. Quá trình thấu cảm được có thể khái quát thành các bước sau:

a. Quan tâm đến người khác

Quan tâm đến người khác không phải là tò mò, cứ bám theo để biết những việc cá nhân, riêng tư của người khác, mà để tâm muốn biết những gì cần thiết giúp cho thấu hiểu, để hiểu cuộc sống và quan điểm sống của họ. Chúng ta chỉ có thể làm tốt những điều chúng ta thích và kỹ năng thấu cảm cũng vậy. Đầu tiên, chúng ta phải biết quan tâm đến người chung

quanh, những khổ đau họ đang gánh chịu và có thiện chí chia sẻ, giúp đỡ. Người vô cảm với người khác, chỉ biết bản thân, không cần quan tâm đến ai, chỉ bo bo phần mình sẽ có quan niệm “thóc đầu mà đãi gà rừng” thì không thể nào có thể phát triển khả năng thấu cảm. Với người vô cảm, quan tâm người khác là chuyện bao đồng, tào lao không đáng làm.

b. Phá đi những định kiến và tìm ra điểm chung

Cứ khur khur suy nghĩ, nhận thức và quan điểm của mình thì không thể nào chấp nhận và dung nạp quan điểm của người khác. Khi biết quan tâm đến người khác, chúng ta học được một điều thú vị là cùng một vấn đề, những người khác nhau sẽ có cách nhìn khác nhau. Chấp nhận sự khác nhau, thậm chí trái ngược nhau trong nhận thức và cách sống của mỗi người là yếu tố cần thiết để huấn tập khả năng thấu cảm. Khi tìm được những điểm chung trong muôn vàn điểm riêng, chúng ta mới có cơ sở để phát triển tâm thấu cảm. Khi đứng trên nền của những điểm chung ấy, chúng ta mới có thể nhìn theo cách người khác nhìn, hiểu theo cách người khác hiểu và nhờ đó, khả năng thấu cảm dần được phát triển mỗi lúc một nhiều hơn. Khi phá vỡ định kiến, chúng ta có sự tự do để phán đoán vấn đề khách quan và công tâm hơn.

c. Tập cảm nhận và trải nghiệm cuộc sống của người khác

Chỉ hiểu trên lý thuyết suông không giúp cho chúng ta có khả năng thấu cảm mà phải thông qua con đường thực hành. Muốn có tâm thấu cảm, muốn chia sẻ, giúp đỡ ai, chúng ta phải có sự cảm nhận và trải nghiệm cuộc sống của chính người đó, cảm nhận những cảm xúc của người khác như thể chúng là của mình - sợ hãi khi họ sợ hãi, hạnh phúc khi họ hạnh phúc. Đây là một trong các nghệ thuật gọi là “đồng sự” mà đức Phật dạy chúng ta cần sử dụng để tiếp cận và hiểu rõ đối tượng mình muốn tương tác và giúp đỡ. Sự trải nghiệm thực tế cho chúng ta nhiều kinh nghiệm để làm tốt hơn phần việc của mình: thấu cảm, chia sẻ và giúp đỡ. Cùng có mặt và đồng hành như một người bạn thân, chúng ta mới có thể đặt mình vào vị trí của người kia để hiểu được, mỗi khi chạm mặt với những khó khăn, thử thách của cuộc sống, người ấy suy nghĩ thế nào, phản ứng ra sao. Từ chỗ thấu hiểu tận ngọn nguồn vấn đề, chúng ta có thể chia sẻ hết lòng với người đối diện như thể mình đang đối mặt với những gì họ đang đương đầu.

d. Lắng nghe bằng cả tấm lòng

Trong lúc đồng hành cùng người khác, chúng ta có những trải nghiệm sống động khi trực tiếp quan sát cuộc sống quanh ta. Để có thể hiểu thấu và đồng cảm, chúng ta phải chịu khó lắng nghe cảm xúc và suy nghĩ của người khác bằng tâm chứ không phải bằng tai. Kỹ năng lắng nghe vô cùng quan trọng. Đây là kỹ năng để chúng ta nhận rõ điều gì đang xảy ra, những cảm xúc, những nhu cầu, những trải nghiệm trong thời khắc tiếp cận đối tượng để hiểu họ nhiều nhất có thể. Mở lòng trong khi quan sát và cảm nhận về đối tượng tạo nên sợi dây liên kết thông thoáng, hai chiều trong truyền thông cảm xúc để đôi bên không còn khoảng cách sự cảm nhận trọn vẹn nhất. Khi biết lắng nghe bằng tâm, chúng ta có thể thấu hiểu cảm xúc, động cơ, bản chất bên trong của con người để có thể xem xét và phân tích bản chất đó nhằm giải quyết vấn đề hiệu quả nhất.

e. Phát triển trí tưởng tượng

Trí tưởng tượng là trung tâm trong năng lực suy luận của con người. Sau khi lắng nghe bằng tâm để hiểu tất cả mọi ngõ ngách của đối tượng ở mức nhiều nhất, đây là lúc chúng ta thử mang đôi giày của người khác để hình dung, tưởng tượng khi đặt mình vào hoàn cảnh của người đối diện, với hiểu biết và nhận thức như người kia đang có, với suy nghĩ đó, hành động dẫn đến có sự thấu cảm tốt nhất. Người nào có trí tưởng tượng phong phú, sẽ dễ dàng nhập vai người khác và hóa thân thành người kia để tiếp cận vấn đề như thể đây là việc của chính mình và có hướng giải quyết tốt nhất. Người giàu óc tưởng tượng có khả năng vẽ ra nhiều tuyến đường khác nhau, liên tục lấp ráp những sự kiện thực tế vào để tìm ra phương án tốt nhất chứ không theo một lối mòn lập luận. Đây là cơ sở để khả năng thấu cảm hoạt động đem lại lợi ích cho người trong cuộc.

f. Hành động thực tế

Giai đoạn cuối cùng và thiết thực nhất của quá trình nuôi lớn kinh nghiệm thấu cảm là hành động thực tế của chúng ta. Mục đích của thấu cảm không chỉ dừng lại chỗ hiểu và cảm thông, mà điều cần thiết nhất là giúp người đối diện xử lý tình huống, giải quyết vấn đề một cách

hiệu quả. Người cần được hiểu và cảm thông là người đang gặp tình huống khó giải quyết, đang rối trí. Tưởng tượng mình đang trong cảnh huống ấy, thử đặt mình vào vị trí của người đó là để hiểu cho trọn, cảm cho thông, dùng tâm và trí của mình để hỗ trợ, giúp đỡ người trong cuộc giải quyết vấn đề. Do đó, trên cơ sở thấu cảm, chúng ta cần giải thích, an ủi, khích lệ, định hướng, tìm giải pháp tốt nhất... là những hành động thực tế chúng ta cần thể hiện khả năng thấu cảm của mình. Carl Rogers, một nhà tâm lý học người Mỹ, trong cuốn *Client-centred Therapy* (1951) cho rằng những nhà tâm lý trị liệu đã sử dụng khả năng thấu cảm để “sống với cuộc sống của người khác” khi tiếp cận đối tượng cần tư vấn.

5. THAY LỜI KẾT

Sự thấu cảm là một kinh nghiệm của trái tim thông thái và trí não biết yêu thương. Nó là dòng chảy của sự sống. Nó chính là sự sống mà mỗi người có trí tuệ sáng suốt và trái tim nhân hậu luôn nuôi dưỡng dọc theo hành trình cuộc sống để làm cho cuộc đời thêm hương sắc và ý nghĩa khi biết cảm thông, chia sẻ và hỗ trợ người khác đang trong những tình huống khó khăn. Để có được sự thấu cảm trọn vẹn với ai đó, ta cần phải chân thành tự đáy lòng, thương yêu đối tượng ấy thật sự, thấu hiểu tận ngọn nguồn những gì đang tác động đến người khác và những diễn biến tâm lý đang diễn ra trong ý thức người đó.

Cuộc sống quá ngắn ngủi. Vậy hãy yêu thương cuộc đời mình, yêu thương người, thấu cảm cùng mọi người để có được hạnh phúc và luôn mỉm cười với những hành động tích cực từ bản thân:

Trước khi nói, hãy lắng nghe.

Trước khi viết, hãy suy nghĩ.

Trước khi làm tổn thương, hãy cảm nhận.

Trước khi ghét bỏ, hãy yêu thương.

Trước khi bỏ cuộc, hãy cố sức.

Trước khi từ giã cõi đời này, hãy sống một cuộc đời đáng sống!



Nơi nao là chốn quê nhà...?

Phúc Nguyên

Quê bạn ở đâu? Hai người xa lạ có thể bắt đầu một câu chuyện bằng câu hỏi như vậy. Dường như qua câu hỏi ấy, người ta có thể nắm bắt một chút thông tin mơ hồ về một người xa lạ nào đó, bởi ai cũng có một quê hương.

Thông thường, chúng ta sẽ nói quê quán là nơi ghi trên chứng minh thư, là nguyên quán của ông cha mình đâu có lúc chúng ta chưa từng một ngày được sống ở nơi ấy vì nhiều lý do của quá khứ tao loạn. Có người sẽ bảo quê hương là nơi mình được sinh ra, đâu có lúc cũng chẳng ở lại nơi ấy bao nhiêu ngày trong ký ức trẻ thơ khi gia đình phải bốn ba tha hương mưu sinh. Thôi thì quê là nơi mình đã sống và lớn lên vậy. Dầu vậy, nhiều người đã sống và làm việc suốt hơn nửa đời người tại thành phố Sài Gòn đô hội này lại dường như cũng không chịu nhận nơi đây là chốn quê nhà!

Với nhiều người, trong đó có tôi, quê hương có thể ở bất cứ nơi nào miễn là nơi ấy có cha mẹ già của mình đang sống, là nơi mà mỗi người vẫn muốn quay về với những kỷ niệm êm đềm với mẹ, với cha. Chẳng hiểu lý do nào, cứ mỗi độ tiết trời hơi se lạnh mỗi độ xuân về, tôi lại nhớ quê nhà xưa da diết và rồi những lời kể của nhà văn Thanh Tịnh trong tập truyện ngắn Quê Mẹ cứ mãi miên man trong giấc ngủ muộn đêm khuya.

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc,



lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường... Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học...” (Tập truyện ngắn Quê Mẹ - Thanh Tịnh)

Có lẽ chuyện đi học lúc trẻ thơ chỉ là cái cớ để sau này “ông già” Thanh Tịnh chấp bút trong hoài niệm day dứt để nhớ về chốn quê nhà ấy. Chao ôi, trong những cơn mưa mùa xuân ấy, thấp thoáng hình ảnh quê nhà với buổi sớm mai đầy sương, với con đường làng quanh co vắng lặng và nhất là có mẹ âu yếm dẫn mình đi lẫm chẫm trên con đường làng ngày xưa! Tôi không biết Thanh Tịnh nhận nơi nào là quê nhà của ông trên chứng minh thư, nhưng tôi chắc rằng con đường làng với buổi sáng mai hôm ấy trong bàn tay mẹ là chốn quê nhà đích thực của ông, vốn dĩ vẫn bàng bạc ẩn hiện thao thức trong suốt những tác phẩm của Thanh Tịnh.

Dẫu có đi xa muôn phương, dẫu có phong ba vùi dập nơi cõi mưa trần gió bụi, chốn quê nhà vẫn là một nơi nương tựa ấm áp cho tâm hồn con người. Chốn quê nhà là nơi mình được yêu thương, được ngóng trông đợi chờ, được trở lại với chính mình của một thời thơ ấu trong trẻo, thanh lành mà cuộc đời và năm tháng nhọc nhằn đã làm bào mòn, thay màu danh lợi, thiệt hơn. Trong đời sống tâm linh, nơi cõi đời có quá nhiều thị phi, đa đoan và đôi lúc không kém phũ phàng, nơi đâu là chốn quê nhà để ta nương tựa vào? Chúng ta có một nơi để gọi là quê xưa chốn cũ?

Tôi từ đâu đến? và tôi sẽ đi về đâu? là hai câu hỏi lớn vẫn mãi đi tìm câu trả lời của triết học phương Tây và phương Đông. Người tín đồ Cao Đài dĩ nhiên sẽ dễ dàng trả lời hai câu hỏi này: tôi là Tiểu linh quang phát xuất từ khối Đại linh quang, là Thượng Đế Chí Tôn, và tôi sẽ tìm đường trở về hiệp hội với khối Đại linh quang ấy, theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Chúng ta đã dong ruổi chốn hồng trần qua vô lượng kiếp, lăn lộn ta bà hơn ba ngàn (tam thiên) thế giới, chốn quê nhà nào của kiếp nhân sinh cũng sẽ trở nên xa mờ, mất tích hun hút trong cõi mây ngàn mệnh mông của ký ức. Mỗi một lần lộn kiếp luân hồi là một lần nữa dạt xa chốn quê nhà, mỗi một lần vùng vẫy cõi nhân gian là một lần thêm cát bụi phủ mờ hình ảnh chốn quê xưa.

May thay, thời Tam Kỳ Phổ Độ, ta được đảng Từ Phụ đánh thức tìm về cội nguồn quê cũ.

*THẤY biết trẻ còn trong bể khổ,
Con theo THẤY đến chỗ Ngọc Kinh;
Bớ con biết thừa nên ghềnh!
Theo THẤY về đến Thiên Đình quê xưa.*

*Mén chi cỗi sớm mưa chiều nắng?
Ham chi nơi mai nắng, tối vừa?
Lời THẤY con đã nhớ chưa?
Con ôi! Chớ có thông thừa nghe con!*

(Thánh Thất Trung Quang, ngày 30-02-ĐĐ.14

(Kỷ Mão)(19-4-1939), TTTH, Tập 1)

Hoặc một cách rõ ràng, mạch lạc hơn, Đảng Từ Phụ khẳng định rằng:

*Thân con thân của Cao Đài,
Người con người của Thầy sai xuống trần!*

Đưa con lạc loài, mộng mị bao nhiêu kiếp, nay đã thấy được nơi quê xưa chốn cũ mà tìm bước quay về. Thế nhưng, đường về quê xưa thì xa xăm diệu vợi, không bờ bến, vô hình, vô ảnh mà cảm dỗ, cạm bẫy trên đường đi thì rất thật, rất gần, đầy mê hoặc với thanh âm, sắc tướng. Mà tâm con thì quá ngổn ngang, dễ mong manh xao động bởi những cảm dỗ sống động, hấp dẫn ngoài kia. Đường về quê xưa sao bỗng càng thêm xa tít mông lung!

Chẳng phải vô cớ mà người xưa gọi các tôn giáo là “đạo”, nghĩa là con đường đi. Muốn trở về quê cũ xa mờ trong ký ức nhạt nhòa thì cần lắm một con đường dẫn lối. Thế nhưng cũng lắm tréo ngoe nếu có quá nhiều con đường mà đoạn cuối có thể là vực sâu, hố thẳm hay ngõ cụt, hẻm cùng mà đòi người chẳng còn mấy chút thời gian để quay về nơi bắt đầu! Mà chúng ta lại càng mê thích những đoạn đường có hoa thơm, cỏ lạ, êm chân, có bóng mát... và nếu còn là đường ngang, lối tắt thì lại càng tốt!

Chúng ta may mắn sinh ra đúng thời kỳ Tam Kỳ Phổ Độ, lại ở tại mảnh đất Việt Nam này, có duyên lắm mới là người học trò của đảng Cao Đài trong cơ hội cuối cùng để tìm đường về quê cũ ngôi xưa. Đức Đông Phương Chương quản có dạy rằng: “*Nên cố gắng cho đạt đạo giữa thời tận độ này. Nếu không đạt đạo thì đến thất ức niên mới có cơ*

hội trở về quê cũ.” (Đông Phương Chương quản, Thiên Lý Đàn, 04.11 Tân Hợi (21.12.1971)).

Thật là khó khi cố nhả nhủ ai đó gian lao khổ nhọc tìm đường trở về **chốn quê xưa** khi mà đời sống của chính họ nơi cõi trần gian lại quá êm đềm may mắn, nhiều thuận lợi, lắm sang giàu, đường công danh rộng mở! Ấu đó cũng là một thử thách, là duyên “thử lửa thử vàng” của khách trần gian. Đường về quê xưa của những đứa con đã lạc lối trong muôn vàn kiếp, đắm chìm trong biết bao lớp lớp gió bụi hồng trần chắc hẳn rằng sẽ lắm chông gai, trắc trở, thử thách gian nan. Đó là một quy luật tất yếu bởi “*muốn thành Bồ Tát*” thì phải “*muôn nghìn công phu*”!

Vì vậy, nếu một phân đoạn nào trong đời sống của khách trọ trần gian mà quá thuận lợi, suôn sẻ hay nhiều thành công may mắn thì lại càng nên phải giât mình, cẩn thận tỉnh thức, cảnh giác cao độ, vì đó có thể là con đường không đi đúng hướng, có thể đó là sự khởi đầu của một khúc rẽ quanh co lạc lối! Bởi chuyến hành trình trở về quê cũ mà một hành trình của sự cứu chuộc, trả quả công để đền bù nợ trước... nên làm gì có sự viên mãn trọn vẹn dễ dàng! Người hành giả có thể tự đoan chắc rằng con đường tu hành về quê cũ là con đường ngược dòng, là con đường thử thách. Chàng Từ Thức xưa kia chỉ trong một lần cơ duyên cứu Giáng Hương mà thăng tiến đến non Tiên, nhưng cuối cùng cũng phải quay về chốn trần gian bởi thử thách lòng trần chưa được vượt qua..., nên đâu có chuyện dễ dàng!

Thế nên những ai kia đang gặp cảnh khốn cùng, vất vả gian nan, khảo đảo thăng trầm mà lòng tu vẫn vững vàng, tâm không vọng động, chông chênh, thì hãy vui mừng mà tự tin vì con đường ấy chắc hẳn là con đường đang đi đúng hướng về cố quận, về chốn quê xưa. Giữa đêm tối của biển đời đầy giông bão vô thường, hãy lấy đức tin là ngọn đuốc soi đường, lấy công quả âm thầm dựng con thuyền vững chắc đối đầu với thác ghềnh, lấy công phu trì hành mỗi ngày làm tay chèo vững vàng giữ hướng, người hành giả chắc chắn sẽ về chốn quê cũ bình an. Chậm rãi mà vững chắc mỗi ngày!

Nếu ai cũng biết hát rằng “*Quê hương nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người*” thì cũng cầu mong ai đó trong cuộc hành trình trăm năm dong ruổi “*loanh quanh cho đời mỗi mệ*” sẽ biết được “*nơi nao là chốn quê nhà*” đích thực của chính mình! ☯

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Tháng sáu này anh có về Hưng Đức?

*Tháng Sáu này anh có về Hưng Đức
Mùa Hạnh đường lộc nồn đã lên xanh
Nắng Đà Nẵng trắng uơm tình áo trắng
Bữa Tòa rung chuông gọi đã ngân vang*

*Như ngàn suối trăm sông về hội ngộ
Một dòng xuôi chảy mãi đến vô cùng
Trùng dương sóng vỗ về Ôn Từ Phụ
Chan hòa nhau trong Thánh thể Trung Hưng*

*Vẫn còn đó Lời Nguyên cầu, Tâm niệm
Những buồn vui Qui thức thường hành
Vẫn còn đó những mùa thi công hạnh
Cuồng phong thủy chương luyện tâm thân*

*Vẫn còn đó bảo ban lời Thánh Hội
Hoài bảo nhau rực sáng nền hồng cầu
Hạt giống lành gieo trồng trên ruộng phước
Cho những mùa Hưng Đức tiếp theo nhau*

*Tháng Sáu này gọi nhau về Hưng Đức
Rưng rưng lòng năm tháng cũ hồi nguyên
Bàn tay nắm vòng quay cho thật chặt
Hẹn nhau về giai điệu vút lòng tin. ☯*

NGUYỄN QUỐC HUÂN

Mầm

Cựa mình, đập vỏ tung ra
Mòn mòn mòn với nắng xoà ban mai
Tì non rế đã dậm dài
Tì run cánh mỏng đã đầy sắc xanh.

ĐỖ THỊ KẾT

Ta lại về đây

Ta lại về đây mái nhà chung
Chuyện buồn vui biết nói sao cùng
Đâu thuở đâu xanh năm tháng ấy
Đây hồi nhìn lại khối tâm trung

Tâm trung mãi mãi trước cùng sau
Hạnh đức Phật Tiên đã dạy bày
Vĩ nhon một kiếp soi nhìn lại
Gian khổ vững lòng, nẻo thẳng ngay

Ngay thẳng, thiệt tu, tránh trước trần
Mồi danh, bả lợi, chốn tham sân
Hữu danh vô thực đâu là đạo
Nẻo đạo chơn truyền - mỹ, thiện, chân

Chân, thiện, mỹ - lối về cữ vị
Mãi luyện rèn tu kỷ, độ tha
Thiên lương nào đâu dễ rời xa
Cùng chung hướng, nhà Cha vậy hiệp. ☯

HOÀNG NGUYỄN

Hội kỳ ba

*Chợt tỉnh giấc, ta choàng dậy bước ra ngoài bóng tối
Ngày đến rồi, vận hội mới là đây
Kìa, bình minh lóng lánh giọt sương mai
Chim vui hót và cây vừa chớm nụ
Cả thiên nhiên như hòa cùng vũ trụ
Cùng loan tin Trời mở hội Cao Đài.
Bạn thân ơi! Đừng cửa đóng then cài
Vì sẽ thấy đêm kéo dài mãi mãi
Đừng níu kéo những giấc mơ rồ dại
Thời gian qua không trở lại bao giờ.
Bạn thân ơi! Đừng để cửa khép hờ
Vì sẽ thấy mập mờ trong bóng tối
Nơi ẩn giấu những hạt mầm tội lỗi
Hãy đứng lên khoác hành trang bước tới
Vì không đi chẳng đến cuối con đường.
Kìa, đặng Đông đã lộ ánh vàng dương
Đang soi sáng từng nẻo đường ta bước
Đoàn tuổi trẻ theo dấu chân người trước
Cùng hoan ca trong nhịp bước Cao Đài
Mừng hội Trời mở chánh đạo hoàng khai. ☯*

MAI HẬU

Buông...

Không biết tự bao giờ tôi chỉ muốn đi tu
 Nhìn những việc đời thường tôi chẳng còn hứng thú
 Vì thế lòng tôi luôn tự nhủ
 Buông bỏ hết rồi chắc nhẹ gánh lắm đa
 Trước hết là phải biết thứ tha
 Những lỗi lầm của người trong quá khứ
 Buông bỏ hết những điều hung dữ
 Mà người đã đối xử với ta
 Suy cho cùng cũng vì nghiệp mà ra
 Kiếp trước vay nên kiếp này ta phải trả
 Đó là luật công bình nhân quả
 Trả cho xong món nợ với cuộc đời
 Trả hết luôn cả vốn lẫn lời
 Và quyết tâm không thêm vay nữa
 Dù cuộc đời có nghiêng hay ngửa
 Thì ta vẫn thấy bình an
 Và con đường trước mặt rộng thênh thang
 Sẽ đưa ta về nơi trú ẩn
 Nơi mà ta không còn lận đận
 Với những toan tính của đời thường
 Nơi mà Thầy dành mọi yêu thương
 Cho những đứa con vô cùng tội nghiệp
 Cũng là nơi hằng ngày ta giải nghiệp
 Giải cho xong nghiệp quả của cuộc đời
 Giải xong rồi ta mới thấy thanh thoi
 Đó là lúc ta tìm ra hạnh phúc
 Càng suy nghĩ lòng tôi càng thôi thúc
 Buông bỏ hết rồi tôi chỉ muốn đi tu. ☯



VÕ VĂN PHO

Thâm mơ mẹ về

“P. đâu! Hẩn ở đâu rồi?”

Ngồi bên mà mẹ không thôi thì thảo...

Phút lâm chung - nấc nghẹn ngào

Không cầm được nước mắt trào mẹ ời.

Mẹ buông tay - mẹ về trời!

Bỏ con ở lại giữa đời cút côi.

Đã xa mười mấy năm rồi

Nhưng giọng mẹ gọi chưa nguôi trong lòng

Chiếc quạt mo - tấm lưng còng

Ngồi tựa cửa, mắt mờ mong xa vời

Mẹ cơ cực suốt một đời

Giấc mơ có đến cũng rồi rã tan.

Quà mẹ chẳng giống thế gian

Quà con chiều sáng thấp nhang phụng thờ

Ngày ngày nhìn mẹ ngẩn ngơ

Nhòa trong hương khói thâm mơ mẹ về. ☯

TƯ LIỆU - THÔNG TIN

DIỄN VĂN

Lễ kỷ niệm 10 năm cơ sở đạo Thanh Hóa

NAM MÔ CAO ĐÀI TIỀN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

Kính thưa:

- Quý anh lớn Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài
- Quý vị đại biểu đại diện các cấp chính quyền
- Quý chức sắc đại diện các Họ Đạo, Cơ sở Đạo, Nhà tu thuộc Hội Thánh Truyền Giáo
- Quý đạo tâm nam nữ gần xa, đồng bào thôn Ngọc Tích cùng toàn thể bốn đạo Cơ sở đạo Cao Đài Thanh Hóa

Kính thưa quý vị!

Được sự hộ trì của Đức Thượng Đế Chí Tôn cùng các Đấng Thiêng liêng, được sự dìu dắt của Hội Thánh, sự quan tâm của các cấp lãnh đạo chính quyền, lễ kỷ niệm 10 năm - ngày thành lập Cơ sở Đạo Cao Đài Thanh Hóa diễn ra trong không khí vô cùng phấn khởi.

Thay mặt bốn đạo nơi đây tôi xin trân trọng gửi đến quý vị lòng biết ơn vô cùng và xin nhiệt liệt đón chào quý vị!

Kính thưa toàn thể quý vị!

Hôm nay và mãi mãi về sau, bốn đạo nơi đây nói riêng và HTTG nói chung, không ai có thể quên được một sự kiện mẫu nhiệm, diệu kỳ, sự xuất hiện mỗi Đạo Trời trên vùng đất thiêng Thanh Hóa này. Và không ai có thể quên công lao của vị tiền bối Cổ Lễ sanh Nguyễn Hữu Văn đã lãnh sứ mạng từ Đấng Cha Trời, tiếp nhận và truyền bá nền Chánh pháp!

Nguyễn Hữu Văn, người từ làng Đại Bái, Xã Thiệu Giao, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa đã quyết chí tầm tu, tầm đạo. Vừa đi vừa tìm cách mưu sinh bằng nghề gò hàn. Người đã tìm và đã gặp!

Tại làng Gia Cát, Xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, nơi đây có một Thánh sở, nơi thờ Thiên nhãn, nơi có những hình ảnh y như những gì Người đã thấy từ một giấc mơ. Nơi thờ Trời và có những người áo trắng đỏ, là Thánh thất Trung Kiên thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Người đã tự nguyện xin nhập môn rồi đem mỗi đạo mới do Đấng Thượng Đế thành lập tại nước Việt Nam về truyền bá cho quê nhà. Thật vô cùng ơn phước!

Đã hai mươi lăm năm rồi (Tháng 4. Giáp Tuất. 1994 - Tháng 3. Kỷ

Hội. 2019), hai mươi lăm năm từ khi tiếp nhận mỗi Đạo Trời, và đã mười năm, từ ngày thành lập Cơ sở Đạo Thanh Hóa (15.3.Kỷ Sửu.2009 - 15.3.Kỷ Hợi.2019), bao ân lành của Đại Từ Phụ cùng các Đấng Thiêng liêng đã thức tỉnh đàn con biết tìm về nẻo chánh.

Cơ sở Đạo Cao Đài Thanh Hóa cũng đã nhờ sự diu dắt của Hội Thánh và sự tán trợ của chư huynh, đệ, tử, muội từ khắp nơi trong HTTG nói riêng và Đại Đạo nói chung; sự công nhận của chính quyền về tư cách pháp nhân của một Tôn giáo mới tại Thanh Hóa để có được ngày hôm nay

Cơ sở Đạo Cao Đài Thanh Hóa ngày nay với số lượng hơn 600 người, đã qua quá trình tu học tích cực, luôn thể hiện đúng vai trò người tín đồ của Giáo hội, bốn phận người dân đối với xã hội.

Phát triển về số lượng, chú trọng về chất lượng, Cơ sở Đạo Cao Đài Thanh Hóa luôn với ý thức rèn luyện, tu dưỡng, thực hành nếp sống đạo; thực hành công phu, công quả, công trình; nêu cao ý thức tu kỷ, độ tha; gìn giữ phép nhà luật nước, tích cực góp phần làm cho nước vinh, đạo sáng!

Kính thưa quý vị!

Dẫu có những bước tiến đáng kể, nhưng bốn đạo Cao Đài Cơ sở đạo Thanh Hóa vẫn còn không ít những nhược điểm, khó khăn! Nơi thờ phượng, lễ bái, tu học vẫn chưa có, vẫn mượn nhà tư nhân để làm nơi sinh hoạt cho đến ngày hôm nay! Bao nhiêu bậc tiền bối, kẻ đã khuất bóng, người còn lại đây, ước mơ có một Ngôi thờ, một Thánh Thất Cao Đài, vẫn còn là mơ ước!

Có những tín hữu lão thành bày tỏ nỗi trăn trở, ưu tư: “Ước sao mình nhìn thấy được Ngôi Tam đài Đạo pháp trước khi từ giã cõi trần, ước sao có nơi để đi về trong những ngày Rằm, Mồng Một, ngày Chủ nhật như bao ngôi chùa thất ở các nơi!”

Kính thưa các cấp lãnh đạo chính quyền

Kính thưa quý chức sắc lãnh đạo Hội Thánh!

Kính thưa toàn thể quý vị!

Bốn đạo Cao Đài Thanh Hóa tin rằng ước mơ này sẽ thành sự thật vào một ngày không xa! Một công trình văn hóa tâm linh đối với xã hội, một Thánh đường cho tín chúng được tạo dựng, đây là niềm vui của tất cả chúng ta!

Kính mong sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo địa phương!

Kính mong sự diu dắt, hỗ trợ của Hội Thánh!

Kính chúc toàn thể quý vị mạnh khỏe, an lành trong hồng ân của Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng liêng!

Trân trọng cảm ơn toàn thể quý vị!

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát! ☯

VĂN ĐIẾU TANG

Anh Lớn Thừa sử Nguyễn Thanh Giang

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

Kính thưa Anh Lớn Phối sư và chư chức sắc Lương Đài – Lương phái.

Kính thưa toàn đạo cùng quý tang quyến và thân bằng cố hữu.

Kính thưa giác linh Anh Lớn Thừa Sử.

Vào giờ này, với sự chứng minh của Anh Lớn Phối sư, bậc thiên ân đồng tuế, đồng hành, đồng sự với Anh lớn Thừa sử, nhị vị cùng chèo lái con thuyền đạo Trung Hưng, chúng đệ muội, những người còn lại đều là lớp đàn em xin đến trước linh sàng Anh Lớn, nhìn di ảnh Anh Lớn và thưa lời tiễn biệt.

Kính thưa giác linh Anh Lớn,

Ba năm trước khi Đại Đạo khai minh, Anh Lớn vào cõi ta bà này tại nơi tú khí địa linh thuộc một cự tinh của non sông đất Việt và nhờ duyên lành tánh thiện, Anh Lớn thọ tu tại chùa Đức An, phái đạo Minh Sư rồi sau quy hiệp Đại Đạo. Anh Lớn học Hán văn và Quốc ngữ, sớm có chí tu hành, thăng tiến tâm linh, tu cầu giải thoát.

Như bao thanh niên thế hệ đồng thời, Anh Lớn theo chân chư Tiên bối Hướng đạo, học hạnh người chơn tu, khai mở linh năng nội tâm, lấy chí nguyện tuổi trẻ góp sức vào công cuộc gieo truyền nền tân pháp kỳ ba.

Từ tuổi thanh niên đã phát nguyện dẫn thân vào con đường thực thi chánh pháp, Anh Lớn được soi sáng với đức tin kiên định và tâm trường phụng đạo. Nhưng hành trình tâm linh không chỉ có hào quang đạo đức, đâu chỉ nở phúc lành và lộc thiện mà Anh Lớn cùng đoàn sứ mệnh còn gánh nhiều nỗi nghiệp chướng, cộng hưởng lưu truyền từ tiền kiếp nhân sinh.

Đường hành đạo trải muôn vàn gian khó, kẻ hành nhân phải nếm trải nào ngục thất Hội An, nào lao xá Tam Kỳ, lại thêm trại an trí Trà Khê, lên

Tiên Hội trả quả bề dâu nhiều nỗi ân oan. Thừa hành sứ vụ Đại Đạo, Anh Lớn cùng chư tiên bối xem khổ hạnh là pháp tu, an nhiên thọ khảo, đức tin mạnh mẽ hiệp thông cùng Thiêng liêng, giải nghiệp cho nhân sinh đồ chúng.

Hành trình tâm linh của Anh Lớn như bức tranh muôn màu. Có lúc tinh tấn, tu học thuận duyên là màu xanh hồng phơi phới nguồn vui, thân tâm an lạc, Anh Lớn vui với chuyện tìm học giáo lý tại lớp Thánh kinh Học đường; hăng say dự phần vào khóa đào tạo Giáo hữu phổ thông. Có khi, bước chân hành đạo đưa Anh Lớn vào Bình Định thực thi công cuộc phổ truyền chơn pháp. Anh lớn đảm đương vai trò Giám đốc Cô Nhi viện, Giám đốc Nhà in Trung Hòa... Nhưng cõi trần ai vô thường nên Anh Lớn cũng không tránh khỏi những ngày tháng cơ cực. Đời sống nhân sinh gặp nguy nan. Bức tranh sống đạo nhuộm đầy màu u tối, cơ đạo đón ngọn gió chướng.

Cơ đồ Trung Hưng đã từng ghi dấu vượt qua rất nhiều pháp nạn nghiệt ngã. Đó chỉ là nghịch cảnh thử lòng trung kiên vì đạo của chư tiên bối. Cuộc đời Anh Lớn trải nhiều năm tháng lao đao, đời đầu không biết bao nhiêu gian khổ. Khảo thí của thế gian là đạo tràng của Anh Lớn. Bài học bài thi thay đổi khôn lường.

Năm Ất Mùi (1955), tại Thánh thất Thái Hòa, Ôn Trên ân phong Anh lớn phẩm Quyền Giáo hữu như một khích lệ bước tiến tu hành đạo. Trong sâu xa tâm thức người có đạo, Anh Lớn luôn tự thức tỉnh phải luôn nhất tâm phụng mạng, không để khó khăn nghiệp chướng làm lu mờ chí tu chí đạo. Đường lập ngôn, lập đức không dành cho người non yếu đức tin, cũng chẳng tự mãn mà đánh mất đạo hạnh người tu.

Đường hành đạo chẳng cầu tiếng ngợi khen

Đảm phẩm vị chỉ ngại kém tài không chu tất.

Hồi tưởng dòng chảy đạo sử 80 năm trước, nhớ lại thời Đạo khai Trung Bắc, đến ngày Ôn Trên cho thành lập Quyền Hội Thánh Trung Kỳ, rồi khai sinh Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ... trải bao truân chuyên gian khổ. Mãi cho đến khi Thánh thể Trung Hưng Bửu Tòa hiển hiện, thành trì Đạo pháp sừng sững đứng lên sau một hành trình hùng dũng, giàu chí khí hy sinh của toàn đạo với tinh thần rực sáng, cứu thế vị nhân sinh. Và cơ

chế hành chánh đạo được hiện bày pháp thể Đại Đạo, Hội Thánh Truyền Giáo ra đời giục chuông cứu thế, khua trống đại đồng.

Qua hai thập kỷ, từ Giáp Tuất (1934) đến Bính Thân (1956), trong suốt hành trình này cuộc đời Anh Lớn gần như gắn liền và song hành với những bước thăng trầm của cơ phổ độ Cao Đài miền Trung.

Nhớ chơn linh xưa, khi căn lành đến, Ôn Trên điểm Hồng danh Nguyễn Thanh Giang vào ngày mùng 9 tháng Giêng năm Đinh Dậu (1957), Anh Lớn bái mạng thọ Thiên phong Truyền trạng cùng chư tiền bối Nguyễn Trinh Cán và Ngô Thanh Toàn. Ôn Trên khải thị:

*“Ba Truyền Trạng hồng từ đã nhỏ,
Nhỏ cho mình trăm họ cũng yên,
Yên đây bởi ở pháp quyền,
Đứng trên nắm giữ mối giềng cân phân”.*

Từ phẩm quyền Giáo hữu, chức sắc cơ quan hành pháp, lộ trình hành đạo của Anh Lớn chuyển sang thực thi sứ vụ của Hiệp Thiên Đài, hoán chuyển theo hướng bảo pháp - lấy đạo hạnh thực hành công cuộc bảo tồn chơn truyền chánh pháp, ngăn đường thoái hóa cho cộng đồng nhân sinh. Sứ vụ lớn lao này đặt lên vai Anh Lớn biết bao gánh nặng khảo nghiệm đầy tính bề dâu. Dù vui sướng hay khổ nhục, Anh Lớn vẫn khắc cốt lời khải thị Thầy khuyên dạy:

*Giang tay ra đón người thối bước
Bước đi đâu đưa rước nhân sanh
Làm cho ai cũng mạnh lành
Yên tâm chờ mối công bình cân phân.*

Hội Thánh và chúng em nhớ Anh Lớn, thương cảm mà tưởng nghĩ lắm nỗi niềm. Từ hành trạng cuộc đời Anh Lớn, cộng đồng nhân sinh khắc ghi nhiều bài học thấm thía và sâu đậm về chuyện học tu sống đạo và nung nấu tâm trường tu cầu giải thoát, làm sáng danh pháp thể Cao Đài.

*Kính thưa chơn linh Anh Lớn,
Anh Lớn quy Thiên!
Anh Lớn về Thầy!*

Đó là cách nói theo kinh điển truyền thống. Còn từ phương danh Anh

Lớn, chúng em nghĩ đến một dòng sông đã trôi xuôi. Một dòng sông xanh quay về biển cả.

Thật là nhẹ nhàng và vui khỏe riêng cho Anh Lớn.

Vốn là dòng sông thì như mọi dòng sông sẽ không bao giờ cạn tắt. Hoặc hữu hoặc vô mà thôi.

Tùy theo tâm trạng của mỗi chúng em vào mỗi lúc, mỗi hoàn cảnh khác nhau mà dòng sông có thể buồn như tâm trạng Nguyễn Trãi:

*“Chiếc thuyền lơ lửng ven sông,
Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay”*

Hoặc suy tư như Đức Khổng Phu Tử:

*“Thê giả như tư phù, bất xa trú dạ!”
Trôi chảy mãi thế này ư, chẳng kể ngày đêm.*

Kính thưa chơn linh Anh Lớn,

Kính thưa Hội Thánh,

Kính thưa quý Đạo huynh, Đạo tỷ

Gánh mối Đạo, hy sinh vì Đạo,

Thương nhơn sanh hoài bão nhơn sanh;

Chúng đệ muội là những người còn lại với nhiều trọng nhiệm đang chờ. Chúng đệ muội rất thương Thầy mến đạo và trọn tin nơi tương lai tươi sáng của Đại Đạo, chúng đệ muội muốn nhắc lại ca từ trong bài Dòng Sông Xanh của John Strauss

*“Một dòng sông xanh xanh
Một dòng sông bát ngát”*

Huynh đệ chúng ta đều là những dòng sông

Chúng ta hẹn gặp nhau ở biển lớn.

Đó là biển lớn của tình thương yêu.

Đó là đại hải từ bi của Đức Chí Tôn.

Tâm thành bái biệt.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.



LỄ RA MẮT VƯỜN ĐỒNG VĨNH LỘC VÀ THIẾU ĐOÀN AN TRẮNG



Ngày 26/5/2019 (22/4/Ất Hợi), BHD Gia đình Hưng Đạo Trung Minh tổ chức Lễ ra mắt Vườn đồng Vĩnh Lộc, Thiếu đoàn An Tráng tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh.

Vĩnh Lộc (xã Vĩnh Lộc A và Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh) là khu vực thuộc xã đạo Hưng Hòa của họ đạo Trung Minh. Nơi đây có nhiều gia đình đạo hữu từ các nơi về lập nghiệp. Với lòng mong muốn con em mình được tham gia sinh hoạt GDHĐ vào mỗi chủ nhật hằng tuần để giúp các em có đức tin sâu sắc về Đạo Thầy, rèn luyện kỹ năng. Tuy nhiên, quý phụ huynh nơi đây không thể sắp xếp thời gian để đưa các em về Thánh xá Hưng Hòa sinh hoạt thường xuyên.

Thấu hiểu được niềm mong mỏi đó, Họ đạo Trung Minh đã cho phép BHD GDHĐ Trung Minh thành lập một nhóm sinh hoạt hằng tuần tại nhà huynh Huỳnh Tấn Dũng, tổ 12, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh. Cụm bắt đầu sinh hoạt từ ngày 15 tháng 7 năm 2018. Sau 10 tháng sinh hoạt số lượng đoàn sinh đã duy trì đều đặn từ 16-22 em và có xu hướng tăng dần.

Thiếu Trưởng Nguyễn Thị Lan, Vườn trưởng Châu Xuân Hành, Đạo huynh Đào Họ Đạo, Đạo tỷ nữ Lễ sanh giáo hoá nữ đồ, và nhiều huynh tỷ trong Ban cai quản, Ban trị sự các Xã đạo cùng Phụ Huynh, các trưởng đã về dự lễ.

DANH SÁCH ẨM TỔNG

Họ Đạo Hội An		Họ Đạo Trung Thành	
Xã Đạo Vĩnh Điện	300.000	Trần Thị Thu Vân	300.000
Xã Đạo Thanh Quýt	300.000	Họ Đạo Trung Đức	
Xã Đạo Cẩm Châu	200.000	Gia đình	450.000
LS Nguyễn Văn Nhung	100.000	NP Hội Thánh	
HT Thân Châu	100.000	Lễ sanh Phan Hương Chi	500.000
L.Sự Trương Công Trãi	50.000	Họ Đạo Trung Đồng	
CTS Nguyễn Văn Thời	200.000	CTS Tạ Thị Thơ	1.000.000
CTS Trần Thị Hoa	700.000	Họ Đạo Trung Mỹ I	
TS Trần Thị Loan	350.000	LS Phạm Hương Ngộ	1.000.000
LS Văn Hương Nhơn	400.000	Họ Đạo Trung Hiền	
TT Văn Thị Long	1.600.000	Đỗ Thị Đạt hồi hướng	
CTS Thiều Thị Hoa	500.000	Giác Linh Mẹ Nguyễn Thị Dương	500.000
Dương Thị Thúy	100.000	Nguyễn Thị Anh	200.000
CTS Trần Thị Thúy	100.000	Họ đạo Trung Minh	
DT Lê Thị Phụng	100.000	Gia đình Mai Văn Triêu	1.000.000
Nguyễn Thiều Cẩm Tú	200.000	Mai Hậu hồi hướng Giác linh	
DT Nguyễn Thị Tuyết Hương	600.000	Mai Đường và Nguyễn Thị Bôn	1.000.000
TT Nguyễn Văn Tân	100.000	Phan Minh Phúc	100.000
CTS Lương Ngọc Thọ	550.000	Phan Minh Đức	100.000
TT Nguyễn Thị Nhân	200.000	Phan Hồng Hạnh	100.000
LS Phạm Thị Soán	200.000	Trương Đỗ Thị Hồng Nha	100.000
TS Nguyễn Thị Trang	250.000	Lê Hồ Phương Linh	200.000
Nguyễn Thị Lý	250.000	Phan Thị Tấn hồi hướng giác	
CTS Nguyễn Hữu Quyển	200.000	linh thân mẫu Trần Thị Hoa	500.000
CTS Phạm Thị Sáu	200.000	Trương Đình Chiến	500.000
TS Trần Thanh	300.000	Gia đình Phan Lê	500.000
PTS Phan Quang Phong Hồi hướng		Ngô Thị Ngọc Anh	100.000
GL Q.GH Thượng Sưu Thanh	500.000	Các đơn vị khác	
TS Trần Diệt	300.000	Thánh Thất Lộ Đồ	200.000
		Tu tập sinh	500.000





Thánh thất Từ Vân (Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam)
Kỷ niệm 70 thành lập Thánh Thất (1949 - 2019)

SỐNG ĐẠO KỲ TỎI

Sống đạo 2019-5 (từ 15.4 đến 01.6 Kỷ Hợi) với lễ các đấng và kỷ niệm:

- Kim Mẫu Từ Tôn (15/8)
- Giáo Tông (18/8)
- Trần Tổng Lý (20/8)
- Lập Tịch Đạo (23/8)
- Khổng Phu Tử (28/8)
- Bảo Thọ (09/9)
- Chơn Giác (12/10)
- Đầu sư Ngọc Quế Thanh
& Chúc sắc Cửu Trùng Đài (14/10)

Danh nhân văn hóa

- ☐ Gandhi (12/10 DL)
- ☐ Đoàn Thị Điểm (11/9 AL)
- ☐ Nguyễn Bình Khiêm (28/11 DL)

Mời quý huynh tử viết bài và đón xem.

Hạn nhận bài: 15/6 Kỷ Hợi